

VIỆT NAM VONG QUỐC SỬ

越南亡國史

葉南藩序



- MỘT TÁC-PHẨM BỊ CẤM LƯU HÀNH DƯỚI THỜI PHÁP-THUỘC.



- MỘT TÀI-LIỆU LỊCH-SỬ QUÍ GIÁ CỦA NHÀ CÁCH-MẠNG TIỀN-BÓI.



- KÈM THEO NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN IN Ở CUỐI SÁCH.



- Á-NAM **TRẦN-TUẤN-KHẢI** và G. S. **BỬU-CẦM ĐỀ TỰA.**



- **NGUYỄN - QUANG - TỎ**
Cử-nhân Văn-chương Việt-Hán
phiên dịch và chú giải



www.sachxua.net

Tao-dan

SÀO - NAM PHAN BỘI - CHÂU

VIỆT - NAM

VONG QUỐC SỬ

- ★ Nguyễn - Quang - Tô
Cử - nhân Văn - chương
phiên - dịch và chú - thích.
- ★ Á - Nam Trần - Tuấn - Khi
và Giáo - sư Bửu - Cầm
đề tựa.
- ★ Kèm theo nguyên tác bản
Hán - văn.



ÍT DÒNG GIỚI-THIỆU

của Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI

SAO-NAM PHAN BỘI CHÂU Tiên-sinh không phải chỉ là một nhà ái-quốc chí-sĩ, mà còn là một học-giả, một nhà văn.

Nhưng văn-học cũng không thể không mang thời-đại-tính. Thời-đại-tính của nền văn-học mà Phan Tiên-sinh theo đuổi là nơi cửa Khổng sân Trình, là Hán-văn. Bởi vậy những tác-phẩm mà Tiên-sinh viết từ năm 1925 (năm bị Pháp bắt ở Tàu) trở về trước, hầu hết là bằng Hán-văn.

Nhưng, thời Pháp-thuộc, những tác-phẩm của Tiên-sinh bị coi là quốc-căm, chỉ được phổ-biến bí-mật âm-thầm, mà độc-giả cũng đều là những vị túc-nho. Bởi vậy vấn-đề phiên-dịch ra Việt-ngữ không được đặt ra.

Sau năm 1945, lầu Thống-trị của Pháp ở Đông-dương sụp đổ, một số tác-phẩm bằng chữ Hán của Phan Tiên-sinh được dịch ra tiếng Việt.

Riêng cuốn «**VIỆT-NAM VONG QUỐC SỬ**» này thì trước đây Cụ Sa-Minh cũng đã lược-dịch ra một số đề làm tài-liệu tham-khảo cho Sinh-viên Đại-học Văn-Khoa SAIGON. Việc phiên-dịch chưa được châu-đáo, lại đem hợp-đính cùng những tài-liệu khác, hơn nữa, lại không có phần chữ Hán của nguyên-tác. Vì thế giá-trị của tác-phẩm bị sút kém đi khá nhiều.

Nay thấy ông bạn tân-học Nguyễn-Quang-Tô (Cử-nhân Văn-chương) có đưa cho tôi xem bản-thảo «**VIỆT-NAM VONG QUỐC SỬ**» cả nguyên-tác và bản dịch. Nguyên-tác Hán-văn ông Tô sao-lục ở trong bộ «**Âm Băng Thất Tùng Trữ**» của Lương-Khải-Siêu Tiên-sinh. Về phần phiên-dịch và chú-thích, thì dịch-giả tự làm lấy.

Sau khi đọc kỹ bản thảo, tôi thấy rằng, dịch-giả đã thành-công trong việc văn viết gọn-gàng trôi chảy, phiên-dịch sát đúng nguyên-tác.

Ngoài công-tác phiên-dịch, dịch-giả còn làm nhiều câu chú-thích khá công-phu và đầy-đủ.

Là một lão nho đã từng phiên-dịch nhiều tác-phẩm chữ Hán, tôi trân-trọng giới-thiệu tác-phẩm này với các bạn đọc.

SÀI-GÒN, Ngày đầu Xuân Gà gáy

Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI

TỰA

của G. S. BÙU - CẨM

TRONG tâm-thức mỗi người Việt-nam chúng ta, Sào-Nam PHAN BỘI-CHÂU tồn-tại như một Tiết-Thảo hiện-thân, một niềm kiêu-hãnh bất-diệt về sự đối đầu của dân-tộc trước bọn xâm-lược Tây-phương vào thời-kỳ mạt-diệp thế-kỷ 19.

Lòng kính - ngưỡng của đồng-bào Việt-nam đối với nhà chí-sĩ sông LAM núi HỒNG, do đó, cũng là một hiện-tượng hiển-nhiên tất-yếu về đời sống Tình-Cảm, cũng như về Tri-Thức làm người, và luôn luôn ở trạng-thái yên nghỉ, không cần nhắc, hỏi tra...

Ngay cả những hạng người mà « *sự-nghiệp* » gắn liền với sự tồn-vong của Đế - Quốc Thực - Dân, hình ảnh đầy hào - quang của Sào-Nam PHAN BỘI-CHÂU thường khi cũng đến với họ như một thức-tỉnh, mà cho dầu họ « *viễn-chi* », vẫn phải « *kính* », kèm theo một tình tự hồ-thẹn, hồ-thẹn về sự « *cũng làm người Việt-nam* »...

Tuy nhiên, nếu về thân-thể, về sự-nghiệp đấu-tranh cho sự sống còn của đồng-chúng, Sào-Nam PHAN BỘI-CHÂU là một ngôi sao sáng mà mọi người đều thấy rõ, thì về sự-nghiệp trước-tác của Cụ, — một góc cạnh của sự-nghiệp đấu-tranh — cho tới nay, rất nhiều đồng-bào Việt-nam, đặc-biệt là các bạn thanh thiếu-niên, vẫn chưa mấy người được may-mắn có dịp thưởng-lăm và chiêm-ngưỡng. Thật là một sự thiệt-thòi đáng phàn-nàn đối với các bạn đó về đường cầu học, cũng như về bổn-phận tự-luyện để nối chí tiền-nhân.

Sự thiệt-thòi như chúng ta đã biết, không ngoài các nguyên-nhân :

- 1) Tác-phẩm của PHAN SÀO-NAM thuộc loại « *quốc-cầm* » dưới thời Pháp-thuộc ;
- 2) Tác-phẩm của PHAN SÀO-NAM hầu hết đều viết bằng Hán-văn.

« *Quốc-cầm* » thì đã qua rồi ! Nhưng « *Viết bằng Hán-văn* », cho tới nay, vẫn còn là một trở-ngại không nhỏ trong sự phổ-biến các tài-liệu,

VII

một cố-gắng đáng khen trong ý-thức làm sáng tỏ thêm những ý-nghĩa, cũng như để trình-bày thêm nhiều sự-kIỆN lịch-sử cần-thiết có liên-hệ với nguyên-tác.

Là kết-quả của một công-trình đầy thiện-chí như vậy, dịch-phẩm của ông Nguyễn-Quang-Tô rất đáng được cảm-tình của các bạn trẻ tân-học có khuynh-hướng nghiên-cứu cổ-văn.

Thật là một việc làm thiết-thực hữu-ích và rất hợp-thời của một bạn tân-học, khi ông Nguyễn-Quang-Tô đặt vấn-đề phiên-dịch **Việt-Nam Vong Quốc Sử**. Và dịch-giả quả đã thành-công trong thiện-chí và cố-gắng của mình.

Nghĩ vậy, tôi thành-thực và vui mừng giới-thiệu dịch-phẩm **Việt-Nam Vong Quốc Sử** với các bạn trẻ.

Sài-gòn, ngày 30 tháng 1 năm 1969

BỬU - CẨM

Giáo-sư Đại-Học Văn-Khoa Saigon
Chuyên-viên nghiên-cứu Cổ-văn Viện Khảo-Cổ

không riêng gì của PHAN SÀO-NAM, mà là chung cho tất cả các tài-liệu cò của Việt-Nam chúng ta. Những cố-gắng của các vị tiền-bối qua các sự-nghĩệp phiên-dịch trong thời-kỳ Cận và Hiện-kim, thực-sự chưa đem lại nhiều kết-quả so với nhu-cầu học-hỏi nghiên-cứu của lớp con em.

Trong những năm gần đây, do chủ - trương của Bộ Văn - Hóa Giáo-Dục, được sự hưởng-ứng của nhiều vị túc-nho, công-tác phiên-dịch tài-liệu Hán-văn đã ghi nhận được sự xuất-hiện của một số tài-liệu cò, rất đáng khích-lệ. Tuy nhiên, có lẽ vì chưa có một chương-trình cụ-thể nhằm thống-nhất hoạt-động trong tinh-thần hợp-tác tập-thể, công-tác phiên-dịch xem ra vẫn chỉ có tính-cách lẻ-tẻ cá-nhân, chưa gây được thành một cao-trào dịch-thuật hào-hứng và có hiệu-quả lớn lao. Và chẳng, rồi đây, sau ngày các vị túc-nho vãn-viên vắng mặt, trong lớp hậu-sinh tân-học, mấy người kế-tục được sự-nghĩệp phiên-dịch Hán-văn! Thật là một băn-khoăn lo-lắng cho các Vị có trách-nhiệm đối với tương-lai văn-hóa nước nhà!...

Cà-nhân có nói: « *Chất chưa sách để lại cho con cháu, con cháu chưa chắc đã có thể đọc được* » (Tích thư dĩ di từ tôn, từ tôn vị tất năng đọc)... Thật là một sự lo-lắng chí-lý của tiền-nhân. Và đối với chúng ta, kho-tàng tài-liệu Hán-văn hiện nay, trước nhu-cầu học-hỏi của lớp hậu-sinh, đang là một sự thật nhắc-nhở chúng ta thường-xuyên về giá-trị câu nói của tiền-nhân vậy. Hơn hết bao giờ, câu « *Tre già măng mọc* » đang là một hy-vọng thiết-tha vô cùng của chúng ta!

Mới đây, ông NGUYỄN-QUANG-TÔ, một bạn tân-học, có cho tôi xem bản dịch VIỆT-NAM VONG QUỐC SỬ nguyên bản Hán-văn của Sĩ-o-Nam PHAN BỘI-CHÂU, và có nhà ý muốn đề tôi đề tựa.

Đọc xong bản-thảo, tôi có cảm nghĩ rằng niềm hy-vọng tre già măng mọc đang thành niềm tin-tưởng của riêng tôi! Và bản dịch V.N.V.Q.S. của ông Nguyễn-Quang-Tô là một chứng-liệu.

Đối-chiếu với một số tài-liệu phiên-dịch mà trước đây tôi có dịp đọc, tôi thấy qua V. N. V. Q. S., dịch-giả có một lối hành-văn khá thanh-thoát nhẹ-nhàng; nguyên nghĩa nguyên ý được bảo-vệ trong một tinh-thần cố-gắng tối-đa; đầy-đủ mà không cầu-nệ, ngắn gọn mà không thiếu sót. Điều đáng nhận-xét ở dịch-giả, là rất có thể với lối hành-văn như vậy, dịch-giả dễ phẩn-bại văn-thê ở một số tác-phẩm có văn-thê đặc-biệt. Tuy nhiên, với V.N.V.Q.S., theo tôi nghĩ, văn-thê không có gì là « đặc-biệt » đến phải quá cầu-nệ. Trái lại, với lối hành-văn nhẹ-nhàng gãy-gọn — phải chăng đã lãnh-hội được tinh-thần của tác-giả — dịch-giả đã làm sáng tỏ thêm được ý-nghĩa của một số câu và đoạn văn trong nguyên-tác.

Ngoài ra, qua phần CHÚ-THÍCH trong V.N.V.Q.S., tôi thấy ở dịch-giả

Lời Người Dịch

VỀ Sào-Nam Phan Bội-Châu, lúc còn nhỏ đi học ở quê nhà — Nghệ-an — tôi vẫn thường được nghe các bậc tiền-bối, cũng như Phụ-thân và Thúc-phụ tôi nói đến những tác-phẩm như :

- LƯU-CẦU HUYẾT LỆ TÂN THU
- NGỤC TRUNG THU
- VIỆT-NAM NGHĨA LIỆT SỬ
- VIỆT-NAM VONG QUỐC SỬ

và còn nhiều tác-phẩm khác nữa, chữ Hán cũng như chữ Việt...

Tuy vậy, lúc bấy giờ người dân ở Nghệ Tĩnh, mà có lẽ chung cả đồng-bào toàn-quốc nữa..., mỗi lần nhắc đến những tên « PHAN ĐÌNH-PHÙNG », « PHAN BỘI-CHÂU »... hay những tên sách như trên, trong lòng dù kính-ngưỡng, cũng không khỏi e sợ nổi tai vách mạch rừng! Và chẳng, riêng tôi đang buổi thiếu thời, ham chơi hơn là học hỏi, nên cũng chỉ nghe với ý-thức thỏa-mãn tính tò-mò của trẻ con. Những tên sách như vậy chỉ để lại trong trí nhớ tôi một hình ảnh dù thiêng-liêng cao quý nhưng xa-xôi.

Cho đến trong những ngày gần đây, trên đường cầu học, tôi tìm được tác-phẩm « VIỆT-NAM VONG QUỐC SỬ » tại Thư-viện Quốc-gia Việt-nam (a).

Dù biết rằng tìm sách mà lại tìm được ở Thư-viện thì không có gì được gọi là « công-phu » cả, nhưng lòng tôi vẫn khắp-khởi mừng thầm vì « Hoàng-thiên bất phụ ».

(a) Xem chú-thích trang IX.

Đã may lại càng may!

Khi Việt-Nam Vong Quốc Sử đến với tôi, tôi lại được thêm một số tác-phẩm của Âm-Băng-Thất Chủ-Nhân LƯƠNG-KHAI-SIEU nữa. Lý-do vì Việt-Nam Vong Quốc Sử được in chung trong « Âm-Băng Thất Văn Tập » 飲冰室文集, quyển thứ IX, đóng chung với hai quyển VIII và X (b).

Tôi xin trình-bày sơ-lược nội-dung của mỗi quyển (Âm-Băng Chủ-Nhân dùng chữ CHUNG 種; có lẽ mỗi quyển được dành cho một số vấn-đề cùng thuộc một biệt-loại):

- Quyển VIII (第八種): một số triết-thuyết và triết-gia hữu-danh Âu-châu.
- Quyển X (第十種): một số tác-phẩm nhận-định về tình-hình chính-trị, đặc-biệt là tình-hình Trung-quốc.
- Riêng quyển IX (第九種); gồm 3 phần:
 - a) Lịch-sử một số quốc-gia trên thế-giới (1)
 - b) Bài bình-luận về Âu-châu đại-chiến
 - c) Tiểu-truyện một số nhân-vật lịch-sử thế-giới: Anh, Pháp, Hung, Ý... (2).

Trong phần đầu « Việt-Nam Vong Quốc Sử » được ghép vào thứ tư, sau « Hy-lạp sử », « Nhã-diên sử », « Ba-lan Diệt-Vong sử », và trước « Triều-tiên Vong Quốc Sử », « Lịch-sử Nhật-bản xâm-lược Triều-tiên ».

Do vị-trí của « Việt-Nam Vong Quốc Sử » như vậy, chúng tôi đã phiên-dịch luôn cả « lời giới-thiệu Việt-Nam Vong Quốc Sử » của Âm-Băng-Thất Chủ-Nhân. Ngoài ra, Âm-Băng Chủ-Nhân còn viết thêm một bài nhan-đề là « Việt-Nam Vong Quốc Sử Tiên-lục » (越南亡國史前錄), tường-thuật lại cuộc tiếp-kiến Phan Sào-Nam khi Người mới trốn sang Trung-quốc. Bài này nối tiếp « Việt-Nam Vong Quốc Sử », nên ở trong sách này, chúng tôi cũng xin xếp vào phần sau cùng, coi như là một Phụ-lục.

Về niên-đại tác-phẩm, cứ theo lời giới-thiệu của Âm-Băng-Thất Chủ-Nhân, thì « Việt-Nam Vong Quốc Sử » được viết vào khoảng không lâu trước tháng 9 năm Ất-Tỵ (1905). Đối-chiếu với các tài-liệu cách-mạng Việt-nam hiện có, niên-đại này cũng phù-hợp, nghĩa là đúng vào

Điều đáng ghi nhận đầu tiên là «Việt-Nam Vong Quốc Sử», tuy danh-xưng là SỬ, nhưng Phan Sào-Nam đã phải viết như một thiên hồi-ký, nếu xét về phương-thức làm việc. Những tài-liệu lịch-sử mà nhà chí-sĩ của chúng ta đã trình-bày, đều do trí nhớ mà thôi. Nước mới mất, lại trong hoàn-cảnh phải bôn-đào từ quốc-nội đến hải-ngoại, làm sao người có đủ tài-liệu như bây giờ để tham-khảo. Và chẳng, chính ở điểm này, chúng ta càng thêm phần kính bái: chép lại cả một giai-đoạn lịch-sử ngót 50 năm (1858 — 1905) của đất nước, mà nhà chí-sĩ chúng ta chỉ cần dùng trí nhớ. Mọi phương-tiện thông-tin liên-lạc trong nước đang ở thời-kỳ sơ-chuyển, lại — như Người đã viết — bị thực-dân kèm chế ngặt-nghèo. Vậy mà đại quan tính-chất liên-tục của các sự-kIỆN chính-yếu trong trường-kỳ đấu-tranh hào-hùng của dân-tộc đều đã được vẽ lại trọn vẹn. Đến cả những cá-nhân anh-kiệt từng địa-phương, Nam cũng như Bắc, đã hoạt-động và hy-sinh cho đại-nghĩa, cũng được ghi lại đầy-đủ. Phải là một người đã tự nhận lãnh vai-trò cực-kỳ quan-yếu trong toàn-bộ đại-cuộc diệt thù cứu nước mới có cái nhìn thông quan đầy-đủ đến như vậy.

Tuy nhiên, một điểm khác mà chúng tôi tưởng cũng cần nêu lên ở đây; đó là ở phần «Phạm-lệ», khi nhận-định về «Việt-Nam Vong Quốc Sử», Âm-Băng-Thất Lương-Khải-Siêu có viết: Kỳ gian văn tự bất hữu nhữ tuần. «Trong sách, lời văn có chỗ không được nhữ tuần» (其間文字不有雅馴). Theo thiên-ý chúng tôi, có lẽ nhà chí-sĩ Trung-quốc đã dựa vào một số nghị-luận của Phan Sào-Nam đối với bọn Việt-gian phản-bội, cũng như đối với những con dân Việt yếu kém và tiêu-cực trong dưng-khí đấu-tranh với địch như trường-hợp nhận-xét về hai Cụ Phan Thanh-Giản và Lâm-Duy-Hiệp trong cuộc đàm-phán với Pháp năm 1862.

Thật ra nếu nhận-xét của Âm-Băng Chủ-Nhân có đúng phần nào theo quan-điểm «thận ngôn» của Nho-gia, thì quan-điểm đó có lẽ không còn thích-hợp với nhu-cầu tình-cảm của Phan Sào-Nam đối với hạng trí-thức vong-bản, cũng như trong nhiệt-tình đấu-tranh tích-cực «chí tử bất biến». Chúng ta có thể nhận rõ hơn tình tự đó qua «Việt-Nam Vong Quốc Sử», là tác-giả đã vừa chép sử, vừa kêu gọi: chép sử Việt-nam mất nước, chép sử Pháp thống-trị Việt-nam. Kêu gọi đồng-bào Việt-nam làm cách-mạng, kêu gọi hạng người tay sai Pháp trở súng diệt địch!

Cho nên, chúng tôi nghĩ chỉ nên xem «Việt-Nam Vong Quốc Sử» như là một tài-liệu cách-mạng mà, đối-ngoại thì tố-cáo thực-dân Pháp với thế-giới, đối-nội thì kêu gọi đồng-chúng đồng-bào, điều mà Phan

dịp mà Phan Sào-Nam xuất-dương trong phong-trào Đông-Du (1904 — 1908), mở màn cho cuộc vận-động cách-mạng Việt-nam ở hải-ngoại.

Về lý-do trước-tác, qua lời phát-đoan, chúng tôi thấy Phan Sào-Nam đã có ý định viết « Việt-Nam Vong Quốc Sử » từ trước, nhưng cứ mãi phân-vấn trong tình-tự « Lệ cận rồi mà lời chưa sao thốt ra được ».

Kịp đến khi được hạnh-kiến Âm-Băng-Thất Chủ-Nhân Lương-Khai-Siêu, do lời yêu-cầu và tán-trợ của nhà chí-sĩ Trung-quốc trong tinh-thần « đồng bệnh », nhà cách-mạng Việt-nam lưu-vong mới mạnh-dạn cho « Việt-Nam Vong Quốc Sử » ra đời. Riêng phần Âm-Băng-Thất Chủ-Nhân, sau Mậu-Tuất chính-biến (1898) và nhất là trong hoàn-cảnh đất nước bị đế-quốc Tây-phương và Nhật-bản xâm-xé, ông cũng lo-lắng rất nhiều cho tương-lai dân-tộc. Lời yêu-cầu của ông với Phan Sào-Nam — qua phần phát-đoan « Việt-Nam Vong Quốc Sử » — do đó, nhằm hai mục-tiêu :

- a) Giúp một nhà chí-sĩ Việt-nam lột trần bộ mặt tàn-ác và gian-giảo của thực-dân Pháp đang thống-trị Việt-nam, cho thế-giới biết.
- b) Trưng-bày thảm-trạng « Việt-nam mất nước », đề gián-tiếp cảnh-tình đồng-bào Trung-quốc minh trước nguy-cơ liệt-cường xâm-lược: « thấy người giựt mình ».

Tuy hoàn-cảnh đất nước đại-quan có phần khác nhau, hai nhà chí-sĩ Việt Trung đã gặp nhau ở một điểm: « vì sự tồn-vong của giống nòi, làm cách-mạng chống đế-quốc xâm-lược ».

Về nội-dung tác-phẩm, ngoài lời phát-đoan đã được trình-bày, « Việt-Nam Vong Quốc Sử » gồm 4 phần. Nguyên-tác không đặt tên là gì, chỉ ghi: NHẤT, NHỊ, TAM, TỨ; nhưng chúng tôi xin tạm gọi là 4 Chương:

I.— CHƯƠNG THỨ NHẤT:

Nguyên-nhân và sự thực về Việt-nam mất nước.

II.— CHƯƠNG THỨ HAI:

Tiêu-truyện một số anh-hùng chí-sĩ khi nước vừa mất vào tay giặc.

III.— CHƯƠNG THỨ BA:

Ác sách thống-trị của thực-dân Pháp tại Việt-nam.

IV.— CHƯƠNG THỨ TƯ:

Nhìn về tương-lai Việt-nam.

Sào-Nam hằng ăm-ấp suốt thời-kỳ ở hải-ngoại, và được trình-bày qua: Hải-ngoại Huyết Thư, Lưu-Cầu Huyết-Lê Tân Thư, Hoán-Tĩnh Quốc-Dân Ca... Cũng do đó mà tài-liệu nên được chiêm-ngưỡng dưới khía cạnh đấu-tranh chính-trị trực-diện với địch, nhiều hơn là khía cạnh lịch-sử. Và một vài sai thù về niên-đại, hay về sự-kiện xảy ra (a), tưởng không phải quá quan-trọng. Trái lại, nếu xét về thời-gian tính, «Việt-Nam Vong Quốc Sử» lại chính là cuốn lịch-sử đầu tiên do người Việt-nam viết ra, nói về quá-trình thực-dân Pháp xâm-lược Việt-nam, cũng như cuộc đấu-tranh kháng Pháp của dân Việt.

Tất cả «Việt-Nam Vong Quốc Sử» đã minh-xác với chúng ta một kết-tinh tim óc và hơi thở của một con người chan-chứa nhiệt tình:

«Vất gan lấy máu làm canh
Vời cao đã có Trời xanh thấu tình
Mũi tên gồm hết tinh thành
Vàng kia đá nọ tan tành như không» (b)

Trong tinh-thần kính-ngưỡng một chí-sĩ tiền-nhân, nhân dịp kỷ-niệm đệ Bách chu-niên sinh-nhật Người, lại được sự khích-lệ của Thúc-phụ — Cụ Đông-Tùng, Chuyên-viên Hán-học Thư-viện Quốc-gia Việt-nam, — chúng tôi lạm dịch Việt-Nam Vong Quốc Sử. Hơn nữa, cũng với tinh-thần kính-ngưỡng nói trên, và với mục đích giúp độc-giả có tài-liệu tra-cứu, nên tiếp theo phần dịch-nghĩa, chúng tôi có cho in toàn-thể nguyên-tắc bằng Hán-văn.

Chúng tôi xin ghi nhận nơi đây mối chân-tình cảm-tạ đối với gia-đình Bác Phan-Nghi-Đệ (dâu và cháu nội của nhà chí-sĩ sông Lam núi Hồng) đã dành cho chúng tôi mối thiện-cảm khi chúng tôi ngỏ lời xin được phiên-dịch tác phẩm.

Saigon, ngày kỷ-niệm Đệ bách chu-niên sinh-nhật
Cụ Sào-Nam Phan Bội-Châu

NGUYỄN - QUANG - TÔ

★ CHÚ-Ý.— Gặp những chỗ có ghi số 1, 2..., xin độc-giả xem ở phần Chú-thích in ở cuối sách.

(a) Xin xem phần Chú-thích.

(b) 滌肝血, 以調榮, 帝天可鑑, 注精誠於一箭, 金石能開
(Lịch can huyết dĩ điều canh, Đế Thiên khả giám; chú tinh thành ư nhất tiễn, kim thạch năng khai — Phan Sào-Nam, Hải-ngoại Huyết-Thư).

(N. Q. T. dịch)

TIÊU - SỬ

của

SÀO - NAM PHAN BỘI-CHÂU

CỤ họ PHAN, húy BỘI-CHÂU, tự HẢI-THU. Còn hiệu SÀC NAM thì ra hải-ngoại mới có.

Sinh vào khoảng giữa tháng 5 năm Đinh-Mão (1867), niên-hiệu Tự-Đứ thứ 20, trong một gia-đình nông-nghiệp, tại làng Đan-nhiệm, tổng Xuất liểu, huyện Nam - đản, tỉnh Nghệ - an. Thân - phụ là Cụ PHAN-VĂN-PHỞ thân-mẫu là Cụ Bà PHAN-THỊ-THUẦN.

— Năm Ất-Dậu (1885), Kinh-thành thất-thủ. Tuy còn là thư-sinh 1 tuổi, cùng các bạn đồng-môn lập « Sĩ-Tử Cần-Vương Đội », đồng-thời liên lạc với các nhà chí-sĩ ái-quốc, hoạt-động đánh Pháp tại thành VINH.

— Năm Canh-Tý (1900), Thành-Thái năm thứ 2, đỗ Thủ-khoa trường Nghệ; văn-chương cả 4 kỳ thi đều được phê ƯU HẠNG. Do đó còn có tên là GIẢI SAN (San là tên tục của Cụ khi còn đi học ở Nghệ).

— Năm Quý-Mão (1903), mùa Xuân, cùng Cụ Đặng-văn-Bá vào Miề Trung hoạt-động cách-mạng. Tới Huế, gặp các nhà chí-sĩ Nam Ngự nhất là yết-kiến Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Đề, tổ-chức Nghĩa-Đảng. Kỳ-Ngoại-Hầu được tôn làm Hội-chủ. Cụ Nguyễn-Thành phụ-trách Nam-Ngãi. Còn C Phan đảm-nhiệm công-việc từ Quảng-trị trở ra Bắc.

Tháng 6 năm đó, Cụ lại ra Bắc-kỳ, tiếp-xúc với Hoàng-Hoa-Thám, mưu tổ-chức Nghĩa-Đảng. Việc xong, Cụ trở về Huế. Đến tháng Chạp năm đó lại vào Nam, tìm liên-lạc các nhà chí-sĩ Miền Lục-Tĩnh.

— Năm Giáp-Thìn (1904), tháng 5, ở Nam về Huế, viết LƯU-CÀI HUYẾT-LỆ TẤN-THƯ, nhằm cảnh-tình nhóm quan-lại Nam-Triều trước thảm nạn quốc phá gia vong. Do THƯ này, Cụ đã kết-thân với hai Cụ PHAI CHÂU-TRINH, TRẦN-QUÍ-CÁP, và gây được tiếng vang trong giới chí-sĩ còn ẩn-náu tại Kinh-đô.

— Cũng trong năm 1904, tháng 10, sau hội-ng nghị của Đảng, Cụ được cử sang Nhật cầu-viện, cùng đi với các Cụ Tăng-Bạt-Hổ và Đặng-Từ-Kiểm

Trong cuộc hành-trình, cụ ghé Trung-hòa gặp lãnh-tự Bải Sậy Nguyễn-Thiện-Thuật hiện lưu-vong tại Quảng-đông. Tới Hoành-tân, Cụ yết-kiến Âm-Băng-Thất Chủ-Nhân LƯƠNG-KHÁI-SIÊU. Sau đó, cùng Âm-Băng qua Đông-kinh gặp KHUYỄN-DƯƠNG-NGHI, ĐẠI-ÔI BÁ-TƯỚC, và nhiều chính-khách trong Đảng TIẾN-BỘ ở Nhật. Do lời khuyên của nhiều nhân-vật Đảng này, Cụ cùng Cụ ĐẶNG-TỬ-KÍNH lại trở về nước (1905) rước KỲ-NGOẠI-HẦU CƯỜNG-ĐỀ sang Nhật.

Cũng trong năm này, Cụ trở sang Trung-quốc, và theo lời khuyên của Âm-Băng Chủ-Nhân, Cụ soạn tác-phẩm KHUYỄN THANH-NIÊN DU-HỌC, giao cho Cụ TĂNG-BẠT-HỒ về nước phổ-biến, và vận-động Du-học-sinh Việt-nam xuất-dương sang Nhật. VIỆT-NAM VONG QUỐC'SỬ cũng được soạn-thảo trong dịp này.

— Năm Bính-Ngọ (1906), Kỳ-Ngoại-Hầu từ nước sang Hương-cảng, rồi qua Nhật. Cùng đi có cả Cụ Phan Châu-Trinh. Cũng do lời đề-nghị của Phan Tây-Hồ về vấn-đề cổ-động dân-tâm, nâng cao dân-trí, Cụ viết tiếp: HẢI-NGOẠI HUYẾT-THƯ (tập đầu), TÂN VIỆT-NAM KỶ-NIỆM LỤC, VIỆT-NAM SỬ-KHẢO, HẢI-NGOẠI HUYẾT-THƯ (tập tiếp).

— Cũng trong năm 1906, trong khi phong-trào Du-học-sinh đang bùng-bật, thì Cụ lại về nước nghiên-cứu tình-hình, và gặp HOÀNG-HOA-THÁM. Được sự hưởng-ứng nhiệt-liệt của Hùm YÊN-THẾ, Đồn TÚ-NGHỆ với vai trò chính là Cụ Tú-tài NGUYỄN-VĂN-NGÔN, được thiết-lập vào dịp này.

— Năm Kỷ-Dậu (1909), do sự phản-bội của Nhật, Phong-trào Đông-Du thất-bại, du-học-sinh và các nhà chí-sĩ Việt-nam bị Nhật trục-xuất. Cụ chạy sang Thái-lan, cùng các Cụ Đặng-Tử-Kính, Đặng-Thúc-Hứa hiệu NGỌ-SƠN, ... xây-dựng cơ-sở cách-mạng, với khẩu-hiệu «sue chủng đải thời» (trừ giống đội thời). Trong thời-gian này, Cụ soạn nhiều tác-phẩm cổ-võ lòng yêu nước bản Hán-văn như: ÁI-QUỐC CA, ÁI-CHUNG CA, ÁI-ĐOÀN CA..., được Cụ LÊ-ĐẠI hiệu là Từ-Long phiên-dịch ra Việt-văn đem về nước phổ-biến.

— Năm Nhâm-Tý (1912), sau Cách-mạng Tân-Hợi Trung-hoa, Cụ lại sang Trung-quốc. Được các Ông HỒ-HÁN-DÂN, TRẦN-KỶ-MỸ giúp-đỡ xây-dựng lại đại-cuộc cách-mạng. Dịp này, Cụ viết LIÊN-Á SỞ NGÔN, kêu gọi Nhật-bản và Trung-quốc nên cùng nhau xây-dựng một Á-châu hùng mạnh.

Cũng trong năm này, một số chiến-sĩ cách-mạng Việt-nam qua Trung-quốc, Cụ thành-lập VIỆT-NAM QUANG-PHỤC HỘI, và được cử làm Tổng-lý, Hoàng-Trọng-Mậu làm Bí-thư. Quang-Phục Quân đã về nước đánh Pháp nhiều trận ở các vùng Tuyên-Quang, Lạng-sơn...

— Năm Quý-Sửu (1913), Cụ bị Long-Tế-Quang bắt sắp đem bán cho Pháp để lấy một số tiền rất lớn. Nhưng cuộc trả giá chưa xong thì Long

đã bị quên cách-mạng Trung-quốc hạ bệ. Cụ được Hồ-Hán-Dân và quân cách-mạng Trung-quốc giải-thoát. Dù cách-mạng Việt-nam lâm thoái-trào, tinh-thần Cụ vẫn không lay chuyển, tiếp-tục ở lại Hàng-châu hoạt-động, gây-dựng cơ-sở và giúp-đỡ một số du-học-sinh Việt-nam.

— Năm Giáp-Tý (1924), Cụ thành-lập TÂM-TÂM-XÃ. Thì cũng trong năm đó, ngày 18-6-1924, liệt-sĩ PHẠM-HỒNG-THÁI ném bom giết Toàn-quyền MERLIN tại Sa-diện. Cách-mạng Việt-nam lại cháy bùng.

Cũng trong năm này, do một khúc quanh lịch-sử thuận-lợi, lại được sự tán-đồng của các đồng-chí, Cụ chủ-trương đề TÂM-TÂM-XÃ gia-nhập thành « TOÀN THẾ-GIỚI BỊ ÁP-BỨC NHƯỢC-TIỂU DÂN-TỘC, Á-ĐÔNG BỘ, VIỆT-NAM CHI PHÂN-BỘ »

— Năm Ất-Sửu (1925), trong khi công cuộc cách-mạng đang được xúc-tiến mạnh, thì tháng 7 năm đó, trên đường trở về Hàng-châu dự lễ kỷ-niệm thành-lập Phân-bộ Việt-nam. Cụ bị Pháp bắt tại nhà ga Bắc-trạm Thượng-hải.

— Ngày 23-11-1925, Hội-đồng Đề-Hình Pháp họp tại Hà-nội, kết án Cụ: TỬ-HÌNH. Nhưng trước áp-lực dư-luận quốc-nội cũng như quốc-ngoại, nhất là trước phong-trào đòi ân-xá dân lên mãnh-liệt, đến ngày 24-12-25, Toàn-quyền Pháp là VARENNE phải ký quyết-định « ân-xá » tử-tội PHAN BỘI-CHÂU, và đem về giam lỏng tại Bến Ngự (HUẾ).

— 15 năm sau, ngày 29-10-1940, Cụ mất; hưởng thọ 74 tuổi.



Về văn-nghệ, có lẽ trong các nhà chí-sĩ cách-mạng Việt-nam, PHAN SÀO-NAM là người sáng-tác nhiều nhất, về tài-liệu phục-vụ nhu-cầu cách-mạng cũng như về văn-học nói chung. Sau đây là một số tác-phẩm nổi tiếng của Cụ:

VỀ TÀI-LIỆU CÁCH-MẠNG

- VIỆT-NAM NGHĨA-LIỆT SỬ, — VIỆT-NAM VONG QUỐC SỬ
- HẢI-NGOẠI HUYẾT-THƯ (Hai tập trước sau)
- LƯU-CẦU HUYẾT-LỆ TÂN-THƯ, — VIỆT-NAM SỬ-KHẢO
- TÂN VIỆT-NAM KỶ-NIỆM LỤC.
- TỰ-PHẢN (đã được chính Cụ phiên-dịch ra Việt-ngữ)

VỀ TÀI-LIỆU VĂN-HỌC

- KHÔNG-HỌC-ĐĂNG, — CHU-DỊCH KINH BỊ-KHẢO
- NAM QUỐC-DÂN TU-TRI, — NỮ QUỐC-DÂN TU-TRI

Ngoài ra còn rất nhiều tác-phẩm khác, văn xuôi cũng như văn vần.

Lời Giới-thiệu

« VIỆT-NAM VONG QUỐC-SỬ »

của

ÂM-BĂNG-THẮT CHỦ-NHÂN

TRÊN đời này, có công-lý chẳng ! Chỉ có cường-quyền n
thôi !

Đọc lịch-sử thế-giới, tên nước kẻ có hàng ngàn, mà nay nhìn lại, c
còn tính hàng chục, còn thì đã bị tiêu ma !

Ngay trong hàng chục số quốc-gia còn lại, thì trong mười phần, cừ
lại có đến bảy tám phần là vận-mệnh quốc-gia đang bị đe-dọa tiêu-von

Chẳng cần trưng bằng-cớ đâu xa. Ngay một vài quốc-gia lân-bang
liền kề Trung-quốc ta, đến nỗi gà gáy chỗ sửa cũng nghe, bây giờ cũn
không còn nữa ! Cũng chẳng cần phải nhìn xem đâu cho xa, đời tôi từ 2
năm trở lại đây đã chứng-kiến biết bao cảnh sao đời vật đổi Mạ tốt t
tìr mà lúa nếp trở bông tua-tủa, chính-sách tiếm-tiểu của đế-quốc thực-dã
có cần ai nói với ta !

Trong những ngày rất gần đây, tôi có được giao-thiệp với một ngư
Việt-nam vong mệnh. Thường khi ông ta tới nói chuyện, tôi nghe ông ta n
mà không hiểu tại sao ông ta lại róm lệ sụt-sùi ! Tôi nghĩ nếu mình khôn
biết thương mình mà lại đi thương người khác, thì có lúc người sẽ l
phải xót thương cho mình !

Xin ai nấy đọc đoạn sách sau đây chớ có lấy làm xót thương ngư
trong cuộc, mà chỉ nên lo sợ cho phận mình ; như thế may ra khỏi vô ích.

Tháng chín năm Ất-Tỵ

ÂM-BĂNG CHỦ-NHÂN chí

LỜI PHÁT ĐOAN

CON người, đau-khổ nhất là mất nước; càng đau-khổ hơn nữa khi con người mất nước đó lại phải nói đến việc quốc-gia mình.

Đã từng bao lâu nay tôi muốn dự-thảo một cuốn lịch-sử Việt-Nam Vong-Quốc. Vậy mà bao lần huyết khô lệ cạn, tôi vẫn chưa hạ bút được một chữ nào.

Nay nhân Âm-Băng Tiên-sinh có nói với tôi rằng: « Tôi với ông thật là đồng bệnh. Vả chăng, chính-sách tàn-ác của người Pháp lâu nay thi-hành tại Việt-nam, cả thế-giới vẫn chưa ai biết rõ. Ông nên vì tôi trình-bày ra ánh-sáng; tôi sẽ vì Ông mà phổ-biến rộng-rãi cho mọi người, hầu thế-giới có thể am-tường cái thâm-trạng ấy trong muôn một. Kìa như người Mỹ phát-khởi được phong-trào giải-phóng nô-lệ, chính cũng là nhờ ở sự đóng góp khơi nguồn của những nhà viết sách viết văn. Cho đến trong cuộc chiến-tranh giữa Nga và Thổ-nhĩ-kỳ (4), ảnh-hưởng của báo-chương cũng không nhỏ. Nếu như Ông là người không còn lưu tâm tri ý đến tiền-đồ tổ-quốc của Ông thì khỏi nói làm chi, còn không, thì càng nên trình-bày hiện-tình của nước nhà cho mọi người thêm rõ. Riêng tôi, — Âm-Băng chủ-nhân nói tiếp — cũng muốn tâm-sự với Ông một điều: Trung-quốc chúng tôi hiện nay thật cũng chẳng khác gì người nằm trên đồng củi mà ở dưới thì lửa đỏ đang lần lần nhen-nhúm lên. Ấy vậy mà người nước tôi, ai nấy vẫn an-nhàn say-sưa hưởng-thụ như là không có việc gì sắp xảy ra. Nếu có nghe người bàn đến nguy-cơ vong-quốc thì vẻ mặt cũng dửng-dưng như không. Giờ đây, Ông hãy viết và kể chuyện Việt-nam mất nước, may ra một phần lớn đồng-bào Trung-quốc chúng tôi nghe vậy mà giật mình thức-tỉnh giấc mơ; ngày kia thấy lại ánh-sáng. Được như vậy, chẳng những nước chúng tôi được nhờ, mà Việt-nam của các ông cũng có lợi. »

Nghe lời tâm-sự của Âm-Băng chủ-nhân, tôi cảm-động vô cùng. Xin lau nước mắt mà chép thiên « Việt-Nam Vong-Quốc Sử » này.

Sào-Nam Phon Bội-Châu

CHƯƠNG THỨ NHẤT

NGUYỄN - NHÂN
và SỰ THỰC VỀ VIỆT - NAM MẤT NƯỚC

N G U O C dòng lịch-sử, từ trước các đời Hán, Đường bên Trung-quốc, Việt-nam vốn là Giao-chỉ bộ, cùng với Lâm-ấp, Chiêm-thành là những dân-tộc chưa khai-hóa. Đến dưới thời-kỳ Triệu-Đà (đời Tần), và Mã-Viện (đời Hán), dần dần mới thành ra một bộ-lạc nho nhỏ. Từ Tống trở về sau, các vị anh-hùng dân-tộc như Đinh-Duệ (tức là Đinh-Tiên-Hoàng), Lý-Công-Uẩn (tức Lý Thái-tổ) tiếp nhau nổi dậy, dày công khai-thác ngày thêm mở-mang. Cho đến khi thôn gồm cả các bộ Châu-nhai, Tượng-quận, Văn-lang và Việt-thường, thì đã trở thành một quốc-gia rộng lớn.

Đến đời Nguyên, các bậc anh-khệt Việt-nam như Trần-Quốc-Tuấn, Trần-Quang-Khải..., trong các lần giao chiến « Sát Đát », đã giết được tướng Nguyên là Toa-Đô, và bắt được thái-tử nhà Nguyên là Ô-Mã-Nhi đưa về Yên-kinh. Cho nên hồi đó đã có thơ truyền-tụng :

*Chương-dương cướp giáo giặc
Hàm-tử bắt quân thù
Thái-bình nên gắng sức
Non nước ấy ngàn thu (5).*

Trong thời-kỳ này, nhân-tài Việt-nam, người người quan-tâm đến tiến-bộ, và mỗi việc đều cố-gắng hướng về tiến-bộ.

Tiến nước nhờ vậy ngày càng mạnh. Đến đời Lê, đánh đuổi quân Minh, thu-phục một nửa nước Chiêm-thành, và toàn thâu cả lãnh-thổ Lâm-ấp.

Đến Nguyễn Quang-Trung cũng thật là một vị vua anh-hùng với chiến-công đánh bại quân Xiêm, đánh đuổi tàu bọn Tây-dương thù nghịch. Thật là uy-danh lẫm-liệt, khiến cho ai nấy từ trong lòng đến ngoài miệng, ngưỡng-mộ vô cùng.

Cho đến nay với Nguyễn-triều ; bao nhiêu nhân-tài buổi đầu kiến-quốc cũng đều có tinh-thần hết sức cầu tiến ; do đó mới gồm thâu luôn cả đất Chiêm-thành, rồi cả vùng phi-nhiên Chân-lạp (nay là Tây-cống (6)). Về phía Tây, chinh-phục Cao-miền, Vạn-trượng ; đi lên phía Tây Bắc là Ai-lao, Trấn-ninh và Lạc-hoàn, Nam đến Côn-lôn ; Bắc đến Quảng-dông, Quảng-tây và Văn-nam. Đất nước Việt-nam vào thời-kỳ này so với từ đời Đường (Trung-quốc) trở về trước là Giao-chỉ bộ, thật đã được mở rộng lên gấp 5, 6 lần.

Nếu như vua quan triều-đình Việt-nam đều lo tiếp-tục cầu tiến, nâng cao dân-trí, phát-triển nhân-tài ; kế-hoạch-hóa quốc-gia, tình-hình quân-sự mỗi bộ môn, mỗi phương-diện đều chăm lo tiến-hóa, thì thực-lực quốc-gia đâu có khác gì lửa hồng gặp củi khô, hùng-hực dâng cao cháy đỏ rực cả một góc trời !

Thế nhưng, như người ta vẫn thường nói : bình đầy nước thì nghiêng đổ ; người Việt-nam ta lúc bấy giờ lại có thái-độ tự mãn « ôm vàng vác mặt », ngồi đây giẽng chẳng biết có trời rộng mệnh-mãng. Văn-hóa cũng như quân-sự đã hèn kém mà ngày càng thêm sa-sút ; lại thêm quan-niệm hủ-chấp chính-giáo, mỗi việc đều chỉ biết mô-phỏng theo các triều-đại Minh, Thanh. Văn-nhân thì chỉ biết « ôm cây đợi thỏ », câu nệ theo sách xưa, tục học làm chương mà cứ vênh-vang đặc-chí. Người có trách-nhiệm về võ thì cũng chỉ lấy cờ trống làm vui làm đẹp, lấy côn quyền làm trò khoe tài du-hý trẻ con ; tự cho mình là hạng người tài hoa chưa từng có.

Điều đáng chê-trách hơn nữa là những người có trách

nhệm về vận-mạng quốc-gia lúc bấy giờ lại còn ra mặt coi rẻ nhân-dân, xem thường dư-luận. Mọi việc có quan-hệ đến đường lối quốc-gia, người dân chẳng được hay biết mảy may, chỉ đứng ngoài mà ta-thán.

Xưa thầy Mạnh-Tử có nói: «Mình tự đánh nước mình trước, rồi ngoại-nhân mới tới đánh sau». Chính vì vậy, mà đối với Việt-nam, mới có việc nước Phật-lan-tây (có người còn gọi là Đại-Pháp) ở xa hàng vạn dặm trùng-dương, mang quân tới xâm-lược.



Ngược dòng lịch-sử, cách đây khoảng 100 năm, vào khoảng Gia-Long nguyên niên (7), Pháp là quốc-gia đã từng cho các giáo-dồ sang Việt-nam, tại các địa-phương Tây-cống và Hà-tiên để xin giảng đạo. Đã-tam xâm-lược của người Pháp đã bắt đầu từ đó (8). Thế nhưng, lúc bấy giờ dân-tộc Việt-nam vua tôi hòa-thuận, chính-giáo trong nước lại tốt lành; thêm vào đó, lại chưa nắm vững được nội-tình Việt-nam, nên người Pháp chưa dám có hành-dộng.

Dần dà đến năm Tự-Đức nguyên niên (9), Pháp thấy rõ Việt-nam chỉ là một quốc-gia hèn kém về chính-giáo, dân-quyền ngày càng bị tước-đoạt, nhân-dân ăn-ở bất-mãn; đứng là triệu-chứng báo hiệu thời-kỳ bại vong. Thế là cơ-hội thuận-lợi đã tới. Pháp bèn cho một số giáo-sĩ Thiên-Chúa-giáo sang tiếp-xúc với triều-đình Việt-nam xin mở cửa thông-thương buôn bán. Thế rồi tập-trung tàu buôn ở Tây-cống, binh thuyền của Pháp bắt đầu xâm-nhập hải-cảng Đà-nẵng (ở Quảng-nam, là một trong những hải-khẩu quan-giớn của Việt-nam) mở cuộc tấn-công. Nhưng, ba năm qua mà quân Pháp vẫn chưa chiếm nổi hải-cảng này, nên đành phải rút lui. Dù vậy, thất-bại trong cuộc xâm-chiến ở hải-cảng này, Pháp quân lại càng thêm tức-tối, nuôi nhiều âm-mưu, và càng thêm thêm muốn. Và đây chính là manh-nha cuộc chiến-tranh của Pháp xâm-lược Việt-nam.

Trước tình-thế như vậy, nếu lúc bấy giờ vua quan Việt-nam biết kịp thời cải-tổ rộng lớn cơ-cấu chính-trị và quân-sự, mở rộng dân-quyền; trên dưới vua tôi một lòng chăm lo việc nước; dốc lòng học hỏi cầu tiến ở ngoại-nhân; dẹp bỏ những tập-quán hủ-bại tích lũy ngàn xưa..., khác nào khi trời chưa mưa đã kịp thời chuẩn-bị trong ngoài, thì thế nước còn có thể văn-hồi được!

Đàng này, triều-đình Việt-nam có khác gì đôi mắt ngủ mơ-màng, trong lấm thán đau yếu liệt-nhược. Trong khi vua quan được nâng lên tận trời mây, thì nhân-dân lại bị xem như loài cỏ rác. Trong khi hư-văn được sùng-thượng thì võ-lược lại bị khinh-thường. Trong khi giặc cướp đã dòm ngó ngoài sân, mà trong nhà vợ con vẫn nhởn-như ca hát, còn chủ nhà thì trùm chăm ngủ kỹ, lâu lâu trở mình rên-rỉ một chút mà thôi. Than ôi! Tình-thế nguy-vong đã gặp đến nơi rồi!

Quả đúng như vậy. Giặc đã muốn đến, mà mình lại rước, thì giặc đến, nào phải tại ai!

Tự-Đức năm thứ 15, Pháp đem lực-lượng quân-sự hùng-bào tới Tây-cống, yêu-cầu Việt-nam mở cuộc thương-nghị. Triều-đình Việt-nam liền cử một viên Khâm-sai đại-thần phó hội. Nhưng khi viên này đến Tây-cống, Pháp quân lại dùng uy-thế quân-sự, buộc phải ghi vào nội-dung thỏa-hiệp (10) thương-nghị rằng: «Vua tôi triều-đình Việt-nam đều thuận tình xin được nước Đại-Pháp bảo-hộ, và xin cắt đất 6 tỉnh làm nhượng-địa (tức là Gia-định, Biên-hòa, Định-lương, Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên)» (11).

Sau khi hòa-ước này được ký kết, người Pháp lại còn định một ước-chương, trong đó có một điều ghi rằng: «Việt-nam đã thuận chịu Pháp-quốc bảo-hộ, thì không còn được tự tiện giao-thiệp với một quốc-gia nào khác nữa» (12). Với điều-khoản này, tiếng súng đầu tiên báo hiệu Pháp cướp Việt-nam thực-sự bùng nổ!

Thật ra lúc bấy giờ, tình-hình 30 tỉnh Nam-kỳ còn ổn-định, lực-lượng quân-sự và tình-hình kinh-tế còn dồi-dào. Nếu

Than ôi! Cái vinh hàng ngàn năm được thụ-phong, bù sao được cái nhục một ngày phải trả ấi! Cây khô trở hoa, làm sao tươi lâu! Gái già được chồng sang càng thêm xấu mặt! Phải chăng đó là trường-hợp Việt-nam lúc này!



Năm Ất-Dậu (20), quân Pháp tại tấn-công kinh-thành Huế. Vua Hàm-Nghị phải xuất-bôn ra Nghệ-an (21), hạ chiếu Cần-Vương khắp trong nước. Trong khi đó, Phụ-chính đại-thần là Nguyễn-Phúc-Thuyết sang Quảng-đông nhờ vị Tổng-đốc tỉnh này chuyển-đặt lên Thanh-triều lời thỉnh-cầu viện-trợ cho Việt-nam. Người Pháp biết được như vậy, liền liên-lạc với nhà Thanh tìm cách ngăn-trở; chất-vấn triều-đình nhà Thanh về mục-đích cuộc tiếp-xúc với đại-biểu Việt-nam. Vốn đã sợ Pháp từ lâu, chính-phủ Thanh-triều chẳng những không dám giúp Việt-nam, mà lại còn an-trí Nguyễn-Phúc-Thuyết tại Thiệu-châu!

Riêng vua Hàm-Nghị, khi quân Pháp cướp Nghệ-an, Ngài cũng bị giặc bắt (22). Quân Pháp đem Ngài sang Paris (23) hòng tiêu-diệt mưu-đồ trở về nước của Ngài. Chưa hết, chúng còn lưu-đày Ngài sang tận Algérie, và cấm chỉ người Việt-nam qua lại thư-tín.

Thật ra, địa thế Việt-nam hiểm-yếu; nhân-dân Việt-nam, dân cũng như quân, đều nhanh-nhẹn, hùng-dũng, dõng-dáo tinh-thần và khả-năng chiến-đấu; quân Pháp chưa dễ đã xâm-chiếm được. Chỉ vì vào thời vua Tự-Đức, có gian-thần Trần-Tiến-Thành và Nguyễn-văn-Tường; hai người cầm quyền quốc-gia trong tay, mà vừa nhút-nhát iron-hèn, vừa lòng lang dạ cáo. Tệ nhất lại là Nguyễn-văn-Tường, một người xảo-trá a-dua; được vua tin-cậy, hẳn vẫn thường nuôi chí soán-đoạt. Lợi-dụng khi nội-tình quốc-gia rối bời, bên ngoài giặc Pháp dòm ngó; thế địch lại hùng-mạnh; Tường đã dùng các thủ-đoạn ngoại-giao hiệp-chữ triều-đình, mưu-đồ tham-vọng ích-kỷ. Dem

tiền của đứt lót đi lại với địch, Tường còn ước hẹn với quân Pháp tự-nguyện làm nội-ứng ám-trợ. Làm Cơ-mật-viện đại-thần, mà mỗi điều bí-mật quốc-gia, y đều báo cáo cho địch quân biết trước. Ngược lại, người Pháp cũng thường cho Tường tiền của, và do sự đi lại này, mọi bí-mật về giao-thông với hai nước Anh, Đức đều bị Tường làm cho bại-lộ.

Trong nước lúc bấy giờ lại có bà Thái-hậu họ Phạm (24) mẹ đẻ vua Tự-Đức, là một người đàn bà đã ngu lại tham, mọi việc triều-chính đều can-dự vào. Trong khi đó vua Tự-Đức, bất cứ việc gì cũng phải hỏi được ý-kiến của mẹ rồi mới dám thi-hành. Biết vậy, Nguyễn-văn-Tường liền đem tiền của Pháp cho, dâng lên Thái-hậu để tìm cách lung-lạc.

Thật là một bà u-mê, một tên gian-tặc cấu-kết lộng quyền trong ngoài, làm điên-đảo chính-sự quốc-gia. Những bậc chính-nhân quân-tử lần lượt bị hãm-hại, kẻ bị giết, người bị truất quyền đuổi về nhà.

Kịp đến khi kinh-thành bị Pháp chiếm. Chính Nguyễn-văn-Tường đã dẫn giặc vào thành. Trong khi Nguyễn-Phúc-Thuyết cầm quân cự địch, cho người báo Tường mang quân tiếp-ứng; chẳng những Tường không làm, mà còn tìm cách liên-lạc với quân Pháp để báo tin!

Thuốc đạn hết không được tiếp cấp, thành bị vỡ! Địch quân chiếm thành!

Cho rằng là do công-lao của mình, Tường những mong được quân Pháp phong vương! Nhưng, vốn ghét hạng người phản-trắc, lại sợ dùng sẽ sinh hậu-hoạn, người Pháp đẩy Tường ra biên, vứt thây xuống nước rồi đem cái hòm sắt không trở về (25), buộc con cháu tên gian-thần phải chuộc vàng 10 vạn. Ấy đó, người Pháp gian-giảo như vậy. Nhưng dần cộp vào nhà thì bị cộp vồ. Những kẻ mượn huy cộp làm xăng, há lại không biết lấy tên giặc Tường làm gương sao!

Nhắc lại thời-kỳ tiền-nhân nắm quyền-chính, triều-đình nát tan, kinh-thành thất-thủ. Nhưng khi vua Hàm-Nghị hạ

như hai viên Khâm-sai phụng-mệnh đi thương-nghị đều là những người có đảm-lực cơ-mưu, dựa theo tình-thần hòa-trước giao-thương và giảng đạo đã có từ trước mà cương-quyết giữ vững lập-trường tranh-luận, thì cũng chưa đến nỗi để mất hết lợi-quyền quốc-gia về tay giặc. Nhưng đáng phàn-nàn biết bao! Hai viên Khâm-sai đại-thần Phan-Thanh-Giản và Lâm-Duy-Nghĩa (13) lúc bấy giờ tinh-thần cũng như tài-năng quá non kém, đầu chồn gan thỏ; vừa thấy quân Pháp đã sợ run, mồ hôi tuôn như mưa xối. Giả-sử người Pháp có bắt phải đem nộp cả cha mẹ, dâng cả chức-tước, thì hai ông này cũng cứ cúi đầu mà dâng nộp cả hai tay, nói chỉ đến 6 tỉnh Nam-kỳ (14)!

Sáu tỉnh này, nhân-dân giàu khi-lực, thóc lúa lại dồi-dào (thóc lúa xuất-khẩu tại Tây-cống đem lại nguồn-lợi rất lớn); thật là một kho báu trời cho Việt-nam. Người Pháp tới đây kinh-doanh đã lâu tới bốn, năm mươi năm. Nhưng đến thời-kỳ này chúng mới phoir bày thủ-đoạn lang sói, vơ-vet trắng tay. Lại chiếm thêm cửa biển Cần-giờ là cửa biển sâu rộng nhất mà cũng là cửa ngõ của Việt-nam: thuyền tầu Âu-châu tới đất nước Việt-nam không thể không qua cửa biển này được.

Mở đầu cuộc kháng-chiến chống quân xâm-lược Pháp, lúc bấy giờ có Hương Tiễn-sĩ Nguyễn-Huân, võ Cử-nhân Nguyễn-Trung-Trực, Hương Vi-hộ (15) Trương-Định, Trương-Bạch. Nghĩa-quân của các anh-hùng dân-tộc này đã giao-tranh dũng-liệt với quân Pháp hàng trăm trận. Nhưng cuối cùng vì lực-lượng vũ-khí non kém so với địch quân, nên đành thất-bại. Gia-thuộc các vị anh-hùng này đều bị giặc giết, mồ mả tàn hoang!

Đặc-biệt, Nguyễn-Huân là người vô cùng dũng-liệt. Trong cuộc khởi-nghĩa diệt thù, Nguyễn đã 3 lần bị Pháp bắt. Nhưng cứ mỗi lần bị giam cầm, Nguyễn lại tìm cách thoát ngục, lại tìm cách xây-dựng lại nghĩa-quân để tiếp-tục kéo dài kháng-chiến. Cho đến lần cuối cùng bị giặc bắt rồi kết án tử-hình; ra pháp-trường trước khi lâm-hình, Nguyễn còn làm thơ có câu như sau:

Nỗi xung mất via quân Hồ-Lỗ

Quyết thác không hàng rặng núi sông (16).

Trước thái-độ bất-khuất của Nguyễn, người Pháp xử tội chém và cho ném thi-hài xuống biển (17).

Tới Tự-Đức năm thứ 35 (18), Pháp-quân chiếm thành Hà-nội. Tổng-đốc Hoàng-Diệu biết thế giữ thành không nổi đã cắt máu viết biểu trước khi thất cồ tuần-tiết. Biểu có câu:

Dám đầu nói lòng trung nghĩa

Những lo sự thế tới nơi

Mất thành không tài cứu vãn

Sống thẹn cùng Đồ nhận-sĩ trên đời

Thân chết nào có tiếc chi

Chết nguyện theo Nguyễn-tri-Phương dưới đất.

(Trong một trận Pháp tấn-công Hà-nội lần trước, cho con Tráng-liệt-bá Nguyễn-tri-Phương đã tuần-tiết)

Trong thời-gian này, một vị hưu-quan tên là Nguyễn-Cao, đồ giải-nguyên, nguyên Ân-sát Hải-dương và Bắc-ninh cũng đã tuần-tiết. Trước quốc-nạn, Nguyễn-Cao đã qui-tu được hàng ngàn nghĩa-quân, mưu-đồ khôi-phục tỉnh thành. Bị quân Pháp bắt, Nguyễn lấy dao mổ bụng, tự tử, nhưng chưa chết ngay, bèn lấy dao cắt lưỡi. Có người làm thơ diếu; thơ có câu rằng:

Thờ cùng trời đất phoir lòng đó

Cần chặt non sông khạc lưỡi hồng.

Nguyễn chết, nhưng người Pháp vẫn hận vì đã không được tự tay giết Ông, nên chúng còn chêm đầu bèn giữa chợ!

Thời-gian không lâu sau đó, các tỉnh thành khác lần lượt bị địch quân xâm-đoạt. Đến năm Giáp-Thân, Kiến-Phúc nguyên niên, quân Pháp lại đem binh thuyền tấn-công cửa Thuận-an (19), buộc Việt-nam phải trả lại cho nhà Thanh ấn-tin đã được vua Thanh phong vương cho vua Việt trước đây. Như vậy, nhà Thanh đã thực-sự nhường Việt-nam cho Pháp bắt đầu từ năm này.

chiếu Cần-Vương, những vị anh-hùng ứng-nghĩa và hy-sinh cho đại-cuộc cứu nước, nếu không phải là hạng đã bị bãi truất quyền ở biên quân, thì cũng là những người quân-tử đang nhân tản giang-hồ, không quyền không vị, những trang hào-kiệt không có một tấc sắt trong tay; cảm-kích trước mối thù vong-quốc, mà coi cái chết nhẹ tựa lông hồng. Cho nên, trừ Tây-Cống vốn đã bị chiếm từ lâu (26), cơ-cấu nguy-quyền ràng buộc ngày thêm thắt chặt, khó lòng hoạt-động chống lại giặc; còn thì tại các tỉnh Trung, Bắc-kỳ khác, cho đến những vùng chân núi ven biển, xa-xôi hẻo-lánh, không dân là không có nghĩa-quân khởi-nghĩa, cùng thề sống chết với giặc thù; lâu thì vài mươi năm, mau lắm cũng một vài năm.

Có người đánh nhau với Pháp mà chết.

Có người bị Pháp bắt giết.

Có người bắt-khuất không chịu giặc dụ-dỗ mà chết.

Lại có người tuy mất ngoài cộng-tác với Pháp, mà bên trong vẫn âm thầm lo đại sự, rồi bị bại-lộ cơ-mưu mà chết.

Cũng có người căm gặc tràn hồng tìm phương diệt thù mà chết.

Thật thương tiếc biết bao! Anh-hùng kiệt-sĩ, kết-tinh của ngàn năm giang-sơn tú-khi má chẳng gặp thời, đến nỗi biến thành khói lan tro ngọc, khác nào sóng giận biển đông dâng lên rồi lại tan biến đi không còn nữa!

Đau xót thay! Nghĩ đến thảm-trạng này lúc nào lại ruột thắt lệ rơi, tâm-hồn não-nuột; muốn giải-bày mà chẳng nổi, muốn im miệng cũng chẳng đành. Than ôi! Lúc đất nước thanh-bình, thì trên miếu-đường bọn bất tài ăn no say ngủ; đến khi nghiêng ngửa giang-sơn, thì nơi chiến-địa sa-trường tráng-sĩ quên mình đánh nuốt hận.

Nếu như trước đây, khi nước chưa mất, có được hàng vạn ngàn nghĩa-quân tráng-sĩ này từ trong triều đến ngoài quận, cầm vận-mệnh trong tay, thì nước mất về tay giặc sao được!

*Trời nắng thì chẳng lo toan,
Đến khi gió cuốn mưa chan thử dài.*

Ai làm nên nỗi này, ai gây nên nỗi này? Ngàn vạn anh-hùng tráng-sĩ dưới tuổi vàng biết không, không biết, chắc cũng chẳng vui gì khi đem thân trung-liệt của mình để mong đền đáp lại thảm nạn quốc phá quân vong. Đau xót thay! Những người cầm vận-mệnh quốc gia nữa nào để cho người đồng-chúng chỉ có được cái tiếng thơm trung-liệt mà thôi hay sao?



CHƯƠNG THỨ HAI

TIỂU TRUYỆN
CÁC ANH-HÙNG CHÍ-SĨ KHI MẤT NƯỚC

NGUYỄN-BÍCH

Ông quê ở Nam-định; đỗ Nhị-giáp Tiến-sĩ (27). Lúc quân Pháp tiến chiếm tỉnh-thành Hưng-yên, ông còn làm Tuần-vũ. Tại đây, ông đã anh-dũng giữ thành, quyết tử-chiến với quân giặc. Nhưng rồi thành mất, ông bỏ vợ con, lên núi kết-nạp nghĩa-quân. Toàn hạt Bắc-kỳ, những người trung-nghĩa đều qui-tụ dưới ngọn cờ cách-mạng kháng-chiến của ông.

Hơn hai năm qua, nghĩa-quân ông đã nhiều lần giao-chiến với quân Pháp. Gặp khi vua Hàm-Nghị hạ chiếu Cần-Vương, ông liền phụng chiếu sang Trung-quốc cầu-viện. Được các ông Hoàng-Đình-Kinh và Lý-Tử-Tài giúp đỡ, mưu-đồ khôi-phục hai tỉnh Tuyên-quang, Lạng-sơn; nhưng chẳng may ông tử-trận. Gia-đình thân-thuộc ông từ Nam-định trốn chạy lên Lạng-sơn mất những hơn 10 ngày.

Quân Pháp cho rằng tin ông chết là giả-tao, nên bắt giữ toàn gia. Lúc bấy giờ cụ bà thân-sinh ông đã 70 tuổi, mà quân Pháp vẫn bắt giam vào nhà pha, lâu năm không thả.

Vì cuộc khởi-nghĩa của ông mà hào-dịch làng Trinh-phổ, cư-quán của ông, cũng bị Pháp bắt giam, tịch-thu gia-sản. Mục-đích là khủng-bố đe-dọa để bọn này tìm ông cho ra. Thật là một người tận trung với nước, cả làng oan khổ trăm phần. Cái lưu đồc « văn-minh » ghê-gớm đến thế sao?

VŨ-HỮU-LỢI

Ông quê tại Nam-định; đỗ Tiến-sĩ. Khi thành Nam-định thất-thủ, ông cũng bỏ luôn chức Đốc-học tỉnh này mà về quê (buổi đầu, mỗi khi hạ xong một thành, chiếm một phủ huyện, thì những quan-chức Việt-nam nào chịu đầu hàng, người Pháp vẫn cho giữ nguyên chức nguyên hàm; mục-đích là để mua chuộc làm tay sai) cùng với người bạn là Đỗ-Huy-Liêu mưu-đồ khôi-phục.

Công việc cách-mạng đang âm-thầm chuẩn-bị, thì lại tiếp được chiếu Cần-Vương. Ông liền phất cờ khởi binh. Quân Pháp đã nhiều lần giao chiến với nghĩa-quân của ông nhưng không thắng được.

Lúc bấy giờ có tên Nguyễn-văn-Báo, đầu đội mũ Tiến-sĩ, mà lòng dạ lại chó heo, một tên Việt-gian phản-bội. Được quân Pháp đem mời quan-tước như, Báo nhận làm gián-điệp cho chúng. Tưởng rằng Báo là bạn đồng-khoa, Lợi thật lòng tin Báo. Không ngờ Báo đi tin cho Pháp mang quân đột-nhập đồn, thế là Lợi bị bắt.

Lúc này tình-hình Bắc-kỳ chưa ổn-định, nên Pháp cũng muốn đem quan-tước chiêu-dụ Lợi để hòng thu-phục nhân-tâm. Nhưng Lợi vẫn giữ vững tinh-thần bất-khuất. Thế rồi, đúng vào ngày 30 Tết, Lợi bị Pháp chém đầu treo giữa chợ phía Nam thành.

Có người cảm-khái, làm câu đối diếu Lợi mà dụng-ý nhắc đến việc làm hèn hạ của Báo. Câu đối như sau:

« Thân chết giặc chưa tan, lệ thảm anh hùng tuôn chẳng ngọt.
Bạn bầu khi trá mặt, ngọc vàng sư phụ dạy còn chẳng? »

ĐỖ-HUY-LIÊU

Cũng quê tại Nam-định. Đỗ Nhị-giáp Tiến-sĩ. Gặp khi nước mất, cùng Vũ-Hữu-Lợi đồng mưu-sự bị nhà cầm-quyền

ĐINH - VĂN - CHẤT

Người Nghê-an; khởi-nghĩa Cần-Vương nhưng thất-bại, bị nhà cầm-quyền Pháp bắt chém treo đầu. Cho tới khi thi-thể ông rửa ra, môn-dồ xin đem về mai-táng. Nhưng nhà cầm-quyền Pháp chỉ cho chôn thây, còn đầu thì đốt đi. Một cường-quốc văn-minh mà hành-vi lại như thế đó! Bất hạnh thay cho ông Chất lại gặp phải!

Gia-thân ông, vì thời-cuộc thân-phu và bào-đệ ông đã tử-nạn từ trước; cho đến cả hai con trai, một con gái, hai cháu gái của ông còn thơ dại cũng bị giặc giết nốt. Một quốc-gia văn-minh mà say máu đến như vậy được sao!

Trước kia, Đinh-văn-Chất đỗ Tiến-sĩ và đã từng làm Tri-phủ Nghĩa-hưng. Ông rất được lòng quân dân địa-phương. Đánh nhau và thắng quân Pháp nhiều trận; cho đến khi thành Nam-định thất-thủ, ông vẫn không để cho phủ Nghĩa-hưng bị rơi vào tay giặc. Do đó mà quân Pháp đã trả thù ông tàn-khốc như vậy. Phải chăng con người Việt-nam hết lòng yêu nước lại là xúc-phạm nặng nề đến pháp-luật của người Âu-châu?

NGUYỄN - HIỆU VÀ PHAN - BÁ - PHIẾN

Hai ông đều quê ở Quảng-nam; làm quan nhưng không phụ-trách việc gì quan-trọng. Khởi-nghĩa kháng Pháp 3 năm liền huyết-chiến, mà địch-quân không làm gì nổi.

Lúc bấy giờ có Nguyễn-Thân, người Quảng-ngãi, trước từng có tên trong tổ-chức, nhưng sau phản-hội, ra đầu thú với Pháp, làm một trong những tên tay sai đắc-lực nhất. Đồng-đảng của Thân là Lê-Khiết, cũng là một con chó săn chỉ-điểm rất đắc-lực; thường-xuyên tích-cực đi lùng tìm nơi ẩn-cư của hai ông Hiệu và Phiến. Như cộp được thêm móng vuốt là Thân và Khiết, quân Pháp càng ra sức tìm bắt hai ông.

Biết rằng nghĩa-quân sẽ bại, những người nghĩa-khi trong 3 tỉnh tất bị khủng-bố tàn-sát, Hiệu mới bàn mưu với Phiến rằng: « Hai ta là vai chủ chốt của nghĩa-quân cách-mạng trong 3 tỉnh này. Nay gặp tình-thế không còn hoạt-động được nữa, thôi thì cũng đến chết là hết. Nhưng nếu hai ta cùng chết thì cũng chẳng ích gì cho đại-sự. Vậy ông cứ chết trước, còn tôi sẽ tìm cách phân-tán nghĩa-quân, rồi tìm cách tự đề cho giặc bắt. Giặc tất sẽ tra-khảo; tôi nhân đó sẽ liệu bề che dấu tổ-chức cách-mạng. Một mình tôi chết, không đáng tiếc chi; tổ-chức cách-mạng ta còn, có ngày chỉ ta phải thành-tựu, và như vậy là hai chúng ta như không bao giờ chết cả ».

Phiến rất cảm-khái và đồng ý với cơ-mưu của Hiệu. Liên đó, Phiến mặc áo đội mũ, hướng về cửa Nguyệt-lay năm lay, rồi lại quay sang Hiệu lay tiếp mà nói: « Thôi bác gắng ở lại, tôi đi ! » Nói xong dốc bầu thuốc độc uống một hơi, tuân-tiết.

Lúc sinh-thời, khi khởi phát đại-sự, Phiến vẫn thường mang thuốc độc trong túi áo; lập chí của ông hy-sinh vì cách-mạng, vốn đã có từ lâu.

Về phần ông Hiệu, sau khi ông bị bắt và giải về kinh-đô Huế, nhà cầm-quyền Pháp cho họp hình quan tra-khảo.

Lúc bấy giờ, nghĩa-quân cách-mạng 3 tỉnh những người có tên tuổi đã có khoảng trên vài trăm. Nhưng Hiệu vẫn giữ vững một lời cung xưng chỉ có một mình ông là chủ chốt « làm giặc » mà thôi. Còn tất cả mọi người khác đều bị ông dùng uy-lực ép buộc. Và vì sợ bị đốt nhà nên không thể chống lại ông, chứ họ không có lòng gì khác cả. Chỉ chém một mình ông là đủ, không cần tra-vấn làm khổ họ nữa. Ân thành, Hiệu không nói gì thêm và đưa cổ chịu chém!

Dưới cờ cách-mạng của Hiệu có Hồ-Học, là một nông-dân áo vải, khởi-nghĩa và nổi danh là chiến-tướng. Nhưng Học cũng bị giết.

Than ôi ! Hai ông Hiệu và Phiến chẳng quản thân chết nhà tan, chỉ một lòng tận-tụy lo cho nghĩa-quân an-toàn để mưu-đồ

Pháp bắt giam, không cho ăn uống. Nhưng còn mẹ già phải nuôi, Liêu chưa dám tuấn-tiết; luôn mấy năm liền bị giam giữ như vậy.

Kịp khi tình-hình ổn-định, nhà cầm-quyền Pháp cho rằng Liêu tuy có âm-mưu nhưng chưa thực-sự có hành-động phản-kháng, nên phóng-thích Liêu. Tuy nhiên hàng tháng Liêu bị buộc phải đi trình-diện nhà chức-trách Pháp một lần.

Cho đến mấy năm sau, khi mẫu-thân mất và cư-tang xong, Liêu cho mời tất cả môn-sinh tử-đệ tới nhà rồi dặn dò rằng: «Trước đây ta sợ dĩ cứ phải dùng-dăng chưa dám chết là vì còn bà mẹ già. Nay mẹ ta đã mất, tang đã trọn, thì ta chết được rồi». Nói xong uống thuốc độc tuấn-tiết.

Sinh thời, Liêu là người bên ngoài có phong-thái ôn-nhã, nhưng trong lòng đào-dạt khi-khái hiên-ngang. Mỗi khi có ai đề-cập đến người Pháp, hoặc những hành-động của người Pháp nô-lệ-hóa người Việt-nam, thì Liêu chỉ mỉm cười không đáp. Tuy vậy, bao giờ Liêu cũng nghĩ tới và ôm ấp một chí-khí tựa như Trương-Lương, Khổng-Minh. Vậy mà bị quân giặc ràng buộc khó khăn, chung thân Liêu vẫn chưa có cơ hội trở bày tài-chí. Thường Liêu có làm bài thơ rằng:

*«Trăm ngàn năm mới có một ngày
Mười mong, tám, chín được là may
Chưa già, Đỗ-Phủ lũng hoài cổ
Tái sinh, Giả-Nghị cũng khóc nay».*

TỔNG-DUY-TÂN

Ông là người Thanh-hóa (28); đỗ Tiến-sĩ. Toàn-gia bị người Pháp giết hại, tuyệt cả dòng dõi.

— Năm đầu niên-hiệu Duy-Tân, ông bỏ quan về làng; cùng con là Cử-nhân Tổng-Duy-Thanh ứng-nghĩa Cần-Vương, khởi-ngĩa ở vùng Thanh-hóa; liên-kết với các ông Cầm-Bá-Thước và Đinh-văn-Mao,

Nghĩa-quân của các ông ước khoảng vài ngàn người, đã nhiều lần chiến-thắng quân Pháp. Lại được Nguyễn-Quy-Yêm người Nghệ-an cũng đem nghĩa-quân tới hội-ứng. Quân kháng-chiến lập căn cứ tại Sầm-tổ (29).

Lúc bấy giờ tại Thanh-hoa có tên Cao-Ngọc-Lệ là một con chó rất đặc-lực của Pháp. Lệ nguyên là một viên thuộc-lại của Tổng-Duy-Tân; vì vậy mà Duy-Tân đã bị Lệ dối lừa, rồi bị Pháp bắt. Vốn là người nổi tiếng đương-thời, nên Duy-Tân được những người — dù là tay sai của Pháp, — âm-mưu giải-thoát, nhưng cũng không thành. Cuối cùng Duy-Tân bị Pháp chém bêu đầu. Riêng gia-quyển, thì trong thời-kỳ Duy-Tân chưa sa vào tay giặc cũng đã bị giặc bắt giam vào ngục tối mà chết. Nguyễn-Quy-Yêm cũng bị giặc giết.

NGUYỄN-ĐÔN-TIỆT

Quê Thanh-hoa; vốn người lanh-lẹ, và có chí lớn. Đang chuẩn-bị khởi binh ứng-nghĩa thì kế-hoạch bị bại-lộ; bị nhà cầm-quyền Pháp bắt giam và tra-tấn cực hình, nhưng vẫn kiên-quyết không cung-khai một chi-tiết nào về tổ-chức nghĩa-quân. Nhà cầm-quyền Pháp dần ông ra chém mấy lần rồi lại không chém, mục-dích để khủng-bố tra-khảo ông về toàn bộ tổ-chức Đảng. Nhưng ông vẫn khẳng-khăng bảo-toàn bí-mật. Cuối cùng Pháp đẩy ông đi Lao-bảo.

Than ôi! Nguyễn-Đôn-Tiết! Con người 10 năm trước đó còn phong-độ nho-nhã nổi tiếng tài danh; giờ đây mặc áo tù, mang xiềng-xích, tay cầm dao rựa, phải đi theo lưng bọn giặc làm đủ mọi việc cực-phục nặng-nề!

Sinh thời, Nguyễn-Đôn-Tiết đỗ Tiến-sĩ, từng làm quan Tri-phủ, nhưng lòng vẫn mang nặng quốc-ưu; đã bao lần kết nạp những tay anh-hung bảo-hấn mưu đồ đại-sự. Ông không chịu chết không phải là sợ chết đau! Cái tâm-sự mỗi-mòn ấy biết bao giờ có được một niềm vui ở dưới suối vàng!

tiếp-tục đại-sự. Trong con mắt, trong cõi lòng các ông chỉ có hình ảnh duy-nhất là Tổ-Quốc và Đồng-Bào ! Những tấm can-trường ấy thật trời đất phải trọng, quỷ thần phải ghi. Ngó lại những đồ-dăng kia, cứ lay-lắt sống thừa, sa đà đến chết, chẳng còn nhận ra được trên đời này đâu là điều đáng nhục, đâu là điều đáng hận. Sao khỏi hổ-thẹn với anh-linh của hai ông ở dưới suối vàng !

LÊ-TRUNG-ĐÌNH VÀ TRẦN-DU

Hai ông đều người Quảng-Ngãi, đồng hương với Nguyễn-Thân. Cũng là dân Quảng-ngãi cả, mà hai ông kháng Pháp, Thân lại theo giặc. Trong khi hai ông vì đại-nghĩa Cần-Vương mà tử-tiết, thì chính Thân lại là kẻ mưu hại hai ông. Đối với Việt-nam, Thân là người đồng-chung, đối với Quảng-ngãi, Thân lại càng là đồng-chung thân-thiết hơn ! Ôi ! Đồng-chung mà không biết yêu đồng-chung đã là quá lắm ! Lại còn vì dị-chung mà cầm dao giết hại đồng-chung nữa ; không biết Thân là hạng người có tâm-địa như thế nào !

Người Pháp mến Thân, chuộng Thân, nâng-đỡ Thân, không biết có được lợi gì ? Nếu như tổ-tiên cha mẹ Thân đều sinh-quân tại Pháp, thì người Pháp lấy gì làm bảo-đảm Thân sẽ không vì một chủng-tộc khác mà làm hại nước Pháp không ? Ngày nay Thân phản-bội dân-tộc Việt-nam, quên quê-hương Quảng-ngãi mà làm tay sai cho Pháp, thì ngày kia Thân lại sẽ quay lưng lại với Pháp, quên Khâm-sứ Pháp, để làm tay sai cho kẻ khác chống lại Pháp. Những trò phản-phức như vậy, Thân vốn hay làm ; người Pháp quả ngu đại đến như thế sao, quả dễ bị người ta lừa dối đến như thế sao ? Nếu vậy thì người Pháp tin yên Thân, con người phản-trắc sớm bạn chiều thù đó, rồi sẽ cho Pháp một bài học, sẽ liên-kết với giặc để chống Pháp, sẽ dẫn người dị-chung với Pháp tới đánh lại Pháp, việc đó Thân làm như trở bàn tay.

Nhưng người Pháp đâu có ngu và dễ bị lừa lọc, người

Pháp chắc không bao giờ tin Thân, hạng người mất gốc như thế. Nguy thay Nguyễn-Thân !

PHẠM-TOÀN

Người Bình-định ; là võ học-sinh, ở trong tổ-chức nghĩa-quân Bình-định ứng-nghĩa Cần-Vương. Toàn là một người hiền-hách, từng đánh nhau với quân Pháp 3 năm, nhưng công việc chưa thành, thì Toàn đã chết trong núi. Nhà cầm-quyền Pháp thuê người vào núi tìm được mộ Toàn, khai quật thì hải lên và đốt cháy. Những việc lạ-lùng như vậy, tưởng cũng là rất thông thường đối với một quốc-gia « văn-minh » như Pháp !

LÊ-NINH

Người Hà-tĩnh, được tập Ấm-sinh, đứng ra lập nghĩa-đảng. Ninh là con nhà thế-gia lại giàu có. Hồi còn thiếu thời, Ninh đã thấy rõ nguy-cơ vong-quốc, và đã có chí xông-pha tên đạn. Ninh kết-nạp các anh-hùng hiệp-khách, dùng tiền rất hào-phóng, thủ-hạ có hàng vài trăm tử-sĩ.

Khi kinh-thành Huế mất, Ninh ứng chiếu khởi-nghĩa Cần-Vương, làm Nghĩa-quân Tham-tán. Quân Ninh đã từng đánh bại quân Pháp nhiều trận, chém đầu nhiều tướng Pháp. Khi Ninh bị bệnh chết, nhà cầm-quyền Pháp nhân đó phân-tán dân làng sang các làng khác và xóa luôn tên làng ấy. Anh em Ninh có 5 người, thì 4 người đã chết vì nạn nước. Nghĩa-quân dưới cờ Ninh sau khi Ninh mất, đều gia-nhập vào nghĩa-quân Phan-Đình-Phùng. Nhiều người trở thành chiến-tướng tài giỏi.

Lê-Ninh tuy không thành-công, nhưng quả thật xứng-đáng với vai-trò nổi bật nhất trong tổ-chức nghĩa-đảng.

HÀ-VĂN-MỸ

Người Hà-tĩnh ; vốn là thư-sinh ứng-nghĩa Cần-Vương.

Người có mưu-tri thâm-trầm. Thường hay cải-trang hỗn nhập vào đồn binh Pháp làm gián-điệp rất đặc-lực cho nghĩa-quân; lấy trộm vũ-khí quân-trang của giặc, vận-chuyển vào núi, mà giặc không thể làm gì được. Về sau, bị trúng thương vì quân thù, Mỹ tự tay bắn luôn vào cổ tuần-nạn.

Lúc sinh thời, Mỹ thường mang trong người loại vũ-khí ngắn gọn, tự nguyện không chịu để cho thân mình ô-uế vì bàn tay quân Pháp. Khác nào như con phù-du tự gieo mình vào lửa đèn (30), con người như Mỹ thật đáng thương thay! Tuy nhiên Mỹ cũng đã nêu gương vô cùng lâm-liệt trong nghĩa-dũng.

Mỹ chết rồi, nhưng quân Pháp vẫn hận vì không tự tay hại được Mỹ. Chúng bèn cắt đầu bêu chợ hơn 10 ngày. Con người như Mỹ có tội gì để cho người Pháp xử sự tàn-ngược? Thế mới là hành-động của một nước « văn-minh » sao?

NGUYỄN - SĨ

Người Nghệ-an. Vốn là tay giang-hồ phiêu bạt (31); thường mang trong người cây đoản dao. Mỗi khi nghe nói đến quân Pháp, Sĩ liền trợn mắt nghiêng răng, tóc dựng đứng, thề quyết chém đầu giặc.

Sĩ gia-nhập nghĩa-quân, được giữ chức Lãnh-binh. Trải qua hàng trăm trận giao-chiến, chưa bao giờ Sĩ tránh né quân địch. Sĩ lại có tài phủ-du quân binh và thương-yêu sĩ tốt. Những khi được thưởng-cấp tướng-thưởng vàng bạc, Sĩ liền phân chia đồng đều cho mọi binh-sĩ thuộc cấp, không hề tư túi một đồng.

Than ôi! Không tham tiền, không sợ chết, Sĩ gồm cả hai. Được một phần-tử giang-hồ phiêu-phạt mà có đức-tính như vậy, ta cũng thấp hương cúi đầu mà lạy ngàn vạn lạy.

Khi Sĩ chết, quân Pháp còn cho đào mả Sĩ.

Tuy xuất thân ở địa-vị hèn mọn, Sĩ vẫn là chiến-tướng

nổi danh trong đám nghĩa-quân. Và sau Sĩ, tại địa-phương Nghệ-an, ít thấy có người nào được như vậy.

NGUYỄN-HỮU-CHÍNH VÀ NGUYỄN-XUÂN-ÔN

Hai ông đều người Nghệ-an; đỗ Tiến-sĩ; nhiệt-thành yêu nước; bầm-tính đều chân-thành, nhưng so với Chính, Ôn lại có phần hơn.

Khi Ôn bị bắt bỏ cũi giải vào Huế, nhà cầm-quyền Pháp làm khổ nhục đủ điều. Nhưng đến chết ông vẫn bất-khuất trước quân thù.

Thật là vung dao vạch trời, ôm hận xuống đất, cừu nhân còn đó, lòng nào nỡ nhìn thấy con cháu giống nòi được!

PHAN-ĐÌNH-PHÙNG

Năm Đinh-Dậu (32) quốc-nạn xảy ra. Vua Hàm-Nghi phải xuất-bôn, huyện Hương-kê tỉnh Hà-tĩnh được chọn làm nơi hành tại.

Hà-tĩnh cũng thuộc Nghệ-an. Nhân-dân Nghệ-Tĩnh ứng-nghĩa Cần-Vương rất nhiều, chống nhau với quân Pháp một thời-kỳ rất lâu, mà thiệt-hại so với các tỉnh khác cũng có phần khốc-liệt hơn.

Trong khoảng 11 năm trời, nghĩa-quân Cần-Vương Nghệ-Tĩnh gồm đủ mọi thành-phần, kể cả những người làm nghề rèn-hạ, đã anh-dũng đập mọi chông gai, cương-quyết vươn lên cùng hy-sinh chiến-đấu với quân giặc nước.

Trong cuộc bách chiến này, có những người thật là anh-lùng danh-tướng, như Chưởng-dinh Cao-Thắng, Đề-lãnh Nguyễn-Đăng... xông-pha dũng-liệt, tiếng tăm lẫy-lừng.

Chưởng-dinh Cao-Thắng, là người vừa dũng-cảm, vừa thiện-chiến. Chỉ trông thấy súng của Pháp một lần là có thể

bắt chước chế-tạo, mà tinh-xảo không kém. Trong những trận giao-chiến với Pháp, Thắng đã từng chém đầu nhiều sĩ-quan của địch cấp Thiếu-úy, Trung-úy... Địch-quân sợ đến nỗi phải truyền báo nhau hễ thấy Thắng thì phải lần tránh.

Nếu Việt-nam có được vài trăm người như Thắng, thì quân Pháp lại không phải bỏ mà cúi đầu lúi-thúi về nước hay sao! Từ ngày Thắng gia-nhập nghĩa-quân, hễ khi nào thấy giặc là đánh liền, quả thực là một đối-thủ đáng sợ cho quân giặc. Khi Thắng chết, làng Thắng bị Pháp đốt, mộ Thắng bị Pháp khai-quật.

Đề-lãnh Nguyễn-Đăng cũng là người quả-cảm không kém Thắng, mà về mưu-lược lại còn hơn.

Lúc đầu khi quân Pháp mới sang, Đăng đã từng đi lính cho Pháp, làm tinh-báo. Lợi-dụng công-tác này, Đăng dẫn quân Pháp đi lùng bắt nghĩa-quân kháng-chiến, nhưng lại âm-mưu với đồ-đảng đem rượu thịt thết lính Pháp ăn uống; thừa lúc chúng no say, Đăng giết sạch, cướp hết vũ-khí rồi gia-nhập nghĩa-quân Cần-Vương, được phong-chức Lãnh-binh. Lâm trận, Đăng thường biết tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu của địch, lấy quân đang hăng đánh quân đã mệt-mỏi; tùy cơ ứng biến thần tốc vô cùng, khác nào phong-độ của một vị danh-tướng đời xưa. Biết bao lần giao-tranh với giặc mà Đăng chưa hề bị bại. Tiếc thay trời đang giúp Pháp, nên đại-sự chưa thành.

Thắng và Đăng chết rồi, địa-phương Hà-tĩnh không còn ai là danh-tướng nữa. Cả hai, sinh thời đều phục-vụ dưới cờ nghĩa-quân Cần-Vương Phan-Đình-Phùng.

Còn Phan-Đình-Phùng, hồi thơ-sinh cũng đã tỏ ra người tài ba lỗi-lạc, không chịu ép mình vào khuôn sáo đương thời. Đỗ Đình-nguyên, ông được bổ làm Ngự-sử.

Gặp lúc bọn quyền gian nắm vận-mệnh quốc-gia, mưu-đồ phế lập, dùng uy-lực buộc triều-thần phải hội-hợp để vâng theo lời chúng; triều-thần ai nấy sợ nín im thin-thít; chỉ một

mình ông với vẻ mặt phừng-phừng nghĩa-khí cương-quyết chống lại và nghiêm-khắc đàn hặc bọn chúng chẳng chút e-dè.

Khi vua Hàm-Nghị hạ chiếu Cần-Vương, ông đang cư-tang thân-mẫu. Nhưng mặc tang-phục phụng chiếu, ông bắt tay ngay vào công cuộc khởi-nghĩa; đốc-suất các đạo nghĩa-quân, xây đồn trại, tiến chiếm thành-trị của giặc. Hầu hết nhân-dân hai tỉnh Nghệ-an và Hà-lĩnh đều ứng-nghĩa Cần-Vương, khiến cho uy-lực của Pháp như mất hết.

Pháp bèn lợi-dụng tay sai rất đặc-lực là Hoàng-Cao-Khải — vốn cùng quê với ông — dùng vàng bạc và lời lẽ ngon ngọt dụ hàng, nhưng thất-bại. Ngay cả vị tân-quân lúc bấy giờ vốn đã bị Pháp uy-hiệp — cũng khéo-léo dụ ông đầu hàng, nhưng cuối cùng âm-mưu này của người Pháp cũng thất-bại nốt.

Dụ hàng không được, nhà cầm-quyền Pháp cho bắt giam những người thân-thích, đồng-thời cho đạo mờ-mả tổ-tiên của ông. Con em đến báo tin, ông khảng-khái nói: « Mấy đời chịu ơn nước, phải cùng chung phần nạn nước, điều đó tổ-tiên ta chắc cũng cam lòng. Ta đã vâng theo tiên ý tổ-tiên, dầu chết cũng không thôi ».

Ông lại tiếp-tục dựa vào những nơi hiểm-yếu, nuôi quân, tích-trữ lương-thực, chế-tạo khi-giới, xúc-tiến mạnh thêm công-cuộc khởi-nghĩa, thanh-thể của ông vang dậy khắp Trung-Bắc-kỳ.

Lúc bấy giờ Nguyễn-Thân được lệnh chủ Pháp chỉ-huy vài ngàn lính tập, cùng với vài ngàn lính Pháp, chia đường mở cuộc tấn-công vào lực-lượng nghĩa-quân. Nhưng trong khi địch quân còn dò-dẫm chưa vào được khu-vực do nghĩa-quân làm chủ, thì ông đã bị bệnh mà mất. Quân địch bèn phá-hủy hết căn-cứ của nghĩa-quân. Lúc này trong nghĩa-quân không còn ai là chiến-trưởng tài giỏi như Cao-Thắng và Nguyễn-Đăng nữa-để có thể đương đầu với địch, nghĩa-quân vì vậy cũng tan vỡ luôn. Than ôi!

«Nghĩa Khởi chưa thành, thân đã mất,
Anh-hùng thấm áo, lệ lâm-lý».

Lúc lâm-chung, ông có thơ tuyệt-mệnh như sau :

«Chín trùng lận-đận miền quan-tái
Trăm họ phốt-pha đám lửa nồng (33)».

Nhà cầm-quyền Pháp tuyên-bố ai tìm được xác Phan-Đình-Phùng thì sẽ trọng thưởng. Nhưng trong đám nghĩa-quân dưới cờ, chẳng một ai làm việc chỉ-dẫn cho địch. Chúng bèn cho xúc-xạo trong núi, gặp một tên Mọi biết và chỉ-điểm mộ ông. Thế là chúng khai-quật lên, thấy tử-thi đúng là có một ngón tay thừa. Trên mặt quan-tái, lại có cái ấn «Lưỡng Kỳ Kinh-Lược Đại-Sứ Bình Tây Đại-Sứ» do vua Hàm-Nghị sắc-phong. Chúng lôi tử-thi của ông ra, rồi đổ thêm dầu vào mà đốt. Lại sợ có người lượm tro đem chôn, chúng bèn cho tán nhỏ và vãi tung ra cho mất hết tàn-tích (34). Thật xưa nay chưa bao giờ nghe nói tới một khố-hình thảm-trang như thế! Vậy mà lại thấy ở một quốc-gia «văn minh» Âu-Tây! Đối với hạng trộm cướp thực-sự cũng chưa có luật-pháp nào như thế, huống lại đối với một nghĩa-sĩ Cần-Vương sao! Một nước «văn-minh» mà lại có hành-động như vậy, làm sao cho thiên-hạ khỏi ngờ!

Phan-Đình-Phùng mất vào tháng 7 năm Ất-Vị (35), nghĩa-quân Cần-Vương ta vỡ; thì đến tháng 11 năm đó, nhà cầm-quyền Pháp bắt dân 4 hạt phải bồi-thường số tiền chiến-phí 20 vạn đồng.

Việt-nam mất!

Thế là một dải từ Lạng-son ở Bắc, đến Hà-tiên ở Nam, từ biển Nam-hải ở Đông đến Xiêm-lạ ở Tây, bao gồm 36 tỉnh, hơn 120 phủ huyện, với dân-số 100 triệu (36) người già trẻ gái trai, đã hoàn-toàn nằm trong tay quân địch.

Cuộc chiến-tranh Pháp xâm-lược Việt-nam kết-thúc. Bắt đầu từ đây, chúng tha hồ dùng mọi thủ-đoạn ác-độc để xây-dựng bộ máy thống-trị. Cũng từ đây, gót chân lang sói của chúng ngày càng dầy xéo tàn-nhân lên đất nước Việt-nam.

CHƯƠNG THỨ BA

CHÍNH-SÁCH PHÁP CAI-TRỊ VIỆT-NAM:

— LÀM CHO KHỔN-KHỔ

— LÀM CHO HÈN YẾU

— LÀM CHO NGU DỐT

— LÀM CHO ĐUI MÙ

RÒNG - RÀ 30 năm trời, dân-tộc Việt-nam phải gánh chịu thảm-họa chiến-tranh và thiên-tai kế tiếp nhau xảy ra; khổ đau đến nghệt thở. Giờ đây làm sao còn chịu đựng nổi những thủ-đoạn cai-trị độc hại của quân Pháp ngày ngày róc hết xương da! Phải chăng chóng chầy người Việt-nam sẽ bị tuyệt-chủng.

Nay đề-cập đến thủ-đoạn độc-ác của người Pháp, chỉ những sợ người nghe cho là nói quá lời!

Mà thật thế! Pháp là một quốc-gia văn-minh cường-thịnh, lại đi xâm-lăng áp-bức một nước nhược-tiểu như Việt-nam, như vậy thì còn gì là quốc-thể Pháp. Người Pháp tự-nhận là giống người văn-minh mà lại đi giết hại người Việt-nam hèn kém, như vậy thì còn gì là chính-trị nước Pháp! Chính vì thế mà tôi sợ nói người ta không tin.

Tuy nhiên, những điều tôi sắp trình-bày sau đây thực là tự mắt thấy, tự tai nghe, hoàn-toàn không phải là chuyện bịa đặt hay tưởng-tượng với dụng-ý bêu xấu người Pháp. Nếu tôi có dối trá thì trời đất chẳng dung!



Mắc mưu lừa-dối, các cường-quốc tin nghe luận-điều phân-bua của người Pháp thật. Trong khoảng 30 năm nay, chẳng có một thương-thuyền cường-quốc nào ghé bến Việt-nam cả; mà cũng chẳng có cường-quốc nào nghĩ đến đặt quan-hệ ngoại-giao và thương-mại với Việt-nam (40). Tôi nghĩ rằng các cường-quốc đó chưa dễ bị người Pháp đánh lừa; tất nhiên cũng vì một nguyên-nhân nào đó mà tôi không thể hiểu được. Và cũng do đó, nhà cầm-quyền Pháp càng thúc ép trời buộc họ-hàng Vương-tộc thêm gắt-gao. Mỗi tháng vài ba lần nhà cầm-quyền Pháp kiểm-soát tên tuổi họ-hàng nhà vua, theo tên đệm người rất kỹ. Hễ có người vắng mặt là chúng truy lùng khắp nơi để tìm bắt trị tội. Hành-động như vậy phải chăng người Pháp sợ tình-hình bí-mật bị tiết-lộ. Gần đây, nhà cầm-quyền Pháp lại chấm dứt việc cấp lương cho hoàng-tộc; vậy mà không một ai lọt ra ngoài được để tố-cáo trước dư-luận thế-giới và hiện-tình sinh-hoạt của hoàng-tộc.

Đã có vua, Việt-nam cũng có hàng-ngũ bầy tôi. Thực-dân Pháp đối xử với hàng triều-thần như thế nào, xin các ngài thử đọc những dòng sau đây sẽ rõ:

Giang-sơn Việt-nam tan-nát, ngôi trời nghiêng-ngũ, nổi đau-dớn uất-hận đó, đã là thần-tử chịu ơn vua lộc nước, làm sao có thể nhắm mắt làm ngơ. Vì thử nhân-dân Việt-nam bưng tai cúi đầu cam tâm phụng-sự người Pháp, thì còn gì là trời đất nữa!

Đã đành thế-lực của nhân-dân Việt-nam so với người Pháp thì còn sút kém khá nhiều, về cuộc đấu-tranh kháng Pháp của dân-tộc này có khác gì một đứa trẻ 3 tuổi đối đầu với một tên khổng-lồ cao lớn, sao không thất-bại được. Nhưng, những người chiến-bại đó, biết bao người vẫn nhất-định không chịu khuất-phục, cũng như biết bao người lúc chết vẫn căm giặc sôi gan!

Đại-diện cho những người không chịu khuất-phục phải kể đến Phan-Đình-Phùng, đến Phạm-Toản. Những người này, nếu như nhà cầm-quyền Pháp cứ để yên cho họ sống trong

thâm sơn cùng cốc, thì mãi rồi cũng đến nát với cỏ cây, có hại gì cho người Pháp (41). Đàng này, người Pháp lại ra tay ác độc, bắt giữ vợ con thân-nhân, làm tội làm tình họ-hàng làng nước của họ, lại còn khai-quật cả phần mộ của họ nữa! Sở dĩ họ không chịu khuất-phục, chính là vì hồn-phân dương-nhiên của họ. Vậy mà người Pháp lại lột-trần thân xác họ, đem treo lên cửa thành, hoặc ném vào nước lửa, thật đau-đớn biết bao!

Lại có người vì quá đau giận mà tự-tử, như Nguyễn-Cao, như Hà-văn-Mỹ... những người chẳng có tội tình gì mà phải tự-sát, để vợ con khốn-khổ không nơi nương tựa, thật là oan khốc tủi sầu, trời rung đất chuyển! Nếu như người Pháp biết nương bàn tay ác độc, lưu lại cho họ giọt máu ngấm vào lòng đất, thì người Pháp đã có thiệt hại gì! Đàng này chỉ vì căm giận họ, muốn trả thù cho đã nư, người Pháp đã đào mồ lôi thi-hài họ lên mà đốt, cắt đầu mà bêu! Thử hỏi những xác chết như vậy làm gì được người Pháp nữa, mà còn bắt phải chịu những khổ-trạng xưa nay chưa từng có ở cõi đời này, để rồi dương đời mất hồ lang, dơ hai bàn tay ra mùa, người Pháp lấy đó làm toại-nguyên. Làm như vậy không sợ người ta ghê-gớm phỉ nhổ sao!

Cũng có người ra đầu hàng Pháp để mong khỏi tội như các ông: Nguyễn-Thành, Phan-Trọng-Mưu (42), và Nguyễn-Quang-Cur (ba người này hai người đỗ Tiến-sĩ, một đỗ Cử-nhân, nên nhà cầm-quyền Pháp không giết, mục-dịch dùng họ để chiêu-dụ những kẻ khác), thật là những kẻ khấp-nhược yếu hèn! Đã là người trọng-phu nhúng tay vào đại-sự, lẽ nào chỉ mới nếm mùi thất-bại, đã vội mất hết nghĩa-khi, cúi đầu xin lũ giặc thương tình! Hạng người lòng dạ thối tha như vậy để lại cũng không sao, mà giết đi cũng chẳng nỡ. Tuy nhiên, ở quan-điểm của người Pháp thì họ là những người đã chịu hàng-phục, sao còn ra tay giết họ! Thật thương thay cho bọn người hàng giặc! Ở nơi ngoài cửa Bắc An-hòa (43), tất cả rồi cũng không thoát khỏi một lát gươm đưa!

Việt-nam là một quốc-gia theo chế-độ quân-chủ, do đó xin trình-bày trước hết thái-độ xử trí của người Pháp đối với nhà vua.

Vị quân-vương lúc bấy giờ là đức Hàm-Nghi, Ngài lên ngôi lúc còn ít tuổi, lại chỉ mới được một năm, làm gì đã có điều thất đức hay phạm tội ác; chẳng qua chỉ là một vị vua văn-nhược mà thôi.

Khi người Pháp đánh chiếm kinh-thành, thì Ngài phải xuất-bôn; tới đâu thì cũng là giang-sơn của tổ-tiên để lại, có âm-thiệt-hai gì đến người Pháp. Vậy mà người Pháp đã đuổi bắt Ngài, lại còn đày Ngài sang thành Alger xa cách trùng-dương thăm-thẳm; lại giam giữ Ngài vào nơi tối-tăm, không cho tiếp-xúc với người ngoài, và cắt đứt mọi liên-lạc thơ từ với người Việt. Một vị vua chỉ có đức, không có tội (37) mà bị đày sang đất khách; nếu như người Pháp muốn giết thì cứ giết quách đi! Đàng này người Pháp lại cố dành lại mạng người đó để hàng năm vơ-vét hàng vạn đồng, lấy cơ làm kinh-phí cung-dưỡng nhà vua. (Hàng năm số thuế người Pháp thu của nhân-dân Việt-nam, được chia làm 3 phần. Người Pháp dành chiếm 2, người Việt-nam không được dự vào. Còn một phần nói là để làm chi-phí cấp dưỡng cho vua quan Việt-nam. Trong một phần ba này, hàng năm lại còn trích ra 3 vạn đồng nữa để bồi-hoàn cho người Pháp (38), gọi là ngân-khoản cung-dưỡng vua Hàm-Nghi).

Kỳ thực, việc cung-dưỡng nhà vua có hay không ra sao, người Việt-nam làm sao biết được. Người Pháp chỉ mượn 3 vạn đồng ấy để kéo dài cuộc đời một con người dở sống dở chết. Thật là độc-hại! Nếu như họ cướp không số tiền đó, dân Việt-nam cũng chẳng biết làm sao hơn. Nhưng, muốn hợp-lý-hóa việc ăn cướp này, người Pháp mới phải nguy-tạo ra câu chuyện giả nhân, giả nghĩa đó. Đây thật là mảnh khóc gian-giảo của người Pháp!

Hiện thời vua Việt-nam tại triều là vua Thành-Thái (39).

Người Pháp lưu vua trong nội-diện, gọi vua là Hoàng-đế; nhưng lại cho lính Pháp canh giữ cửa điện. Mọi sự ra vào đều do bọn lính Pháp cai-quản. Bước ra khỏi cửa một bước là nhà vua phải vâng theo hiệu lệnh của chúng. Còn trong nước, bất cứ chính lệnh chếu chỉ nào, đều phải trình xin và được nhà cầm-quyền Pháp chấp-thuận rồi mới dám thi-hành. Trái lại, khi nhà cầm-quyền Pháp ra chỉ-thị hay mệnh-lệnh gì, quan-lại tới tở Việt-nam phải cúi đầu bái lạy (y như là đối với vua) mà tuân hành. Còn vua cũng chỉ biết gật đầu, mà chẳng dám mở miệng hỏi han việc gì với việc gì... Làm vua một nước mà như vậy, thì có khác gì đã bị truất-phế. Nếu như người Pháp cứ tự-tiện công-nhiên viết là hai vị Hoàng-đế Đại-Pháp và Đại-Việt thì cũng chẳng có ai dám thắc-mắc, và có phải là êm chuyện hơn không?

Đàng này, người Pháp cứ lưu cái ngôi vua bù-nhìn như vậy. Mục-đích là để bao nhiêu chính-sách ác-ngược thi-hành tại Việt-nam cũng như khi vang truyền ra ngoại-quốc, nếu gặp phản-ứng bất lợi, họ sẽ dễ bề tránh trút: « đó là nguyện-vọng của vua quan Việt-nam! Vua quan Việt-nam thỏa-thuận như vậy... » Người Pháp cho rằng nhân-dân Việt-nam mù và điếc, và cả thế-giới cũng như không có công-luận. Vì vậy mà chúng cũng cho rằng cái mưu mô xảo-trá đó có thể dùng để đánh lừa nhiều người Việt-nam, cũng như trên thế-giới. Kết-quả là chúng đã thành-công trong âm-mưu che dấu tội ác của chúng tại Việt-nam, Đó không phải là mảnh-khóc gian-hiềm của người Pháp sao?



Người Pháp lại còn dùng hai tiếng « Bảo-hộ » để đánh lừa các cường-quốc trên thế-giới. Vì trong công-trước quốc-tế có định rõ rằng: một nước có lợi, mọi nước đều được chia phần; nên người Pháp đã che dấu và nói khéo là Việt-nam vẫn còn Vua, Pháp chỉ là người ngoài tới bảo-hộ, khách mạnh cũng không lấn được chủ, Pháp có lợi gì hơn ở Việt-nam đâu!

mà thôi. Thuế nhẹ như vậy là vì chính-phủ để tự-do cho dân kê-khai, các quan chức không cần tra hỏi. Nguyên-do Việt-nam vốn là nước dãi dân rất rộng-rãi, khác nào là ruộng chiều. Vì vậy mà người dân lâu dần thành lười-biếng, thiếu hẳn tư-cách làm cho quốc-gia phú-cường. Nếu như khi chiếm được Việt-nam rồi, người Pháp có lưu ý đôi chút đến việc chấn-hưng tình-trạng trầm-trệ, buộc dân đóng góp tiền là để mở-mang dân-trí, làm lợi cho dân thì có phải là hạnh-phúc cho dân biết bao, và làm sao dân oán trách người Pháp được.

Đàng này, người Pháp chẳng hề bận tâm đến việc đó; trái lại họ còn giành nắm trong tay mọi thứ lợi-quyền, còn nhân-dân Việt-nam thì một chút tơ tóc cũng chẳng được bố-thí. Bao nhiêu dân tài dân lực, cũng như máu tủy của dân, người Pháp còn dùng trăm phương ngàn kế để bóc-lột, sáng đến chiều, rồi chiều lại đến sáng, tháng năm chồng-chất, dân Việt thật chẳng còn chén cơm mà ăn, manh áo mà mặc.

Lại còn biết bao nhiêu hình-thức bóc-lột linh-tinh vụn-vặt khác nữa, thật không kể sao cho xiết. Sau đây tôi chỉ xin đề-cập đến một số có tính-cách lớn lao để trình-bày cùng đồng-bào Việt-nam:

1) Thuế ruộng đất:

Lúc đầu, nhà cầm-quyền Pháp ra lệnh cho nhân-dân Việt-nam phải kê-khai hết số ruộng đất sở-hữu thật đầy-đủ, không được ần lận. Nếu man-khai thì người sẽ bị phạt, mà ruộng đất sẽ bị tịch-thâu. Còn nếu ai tố-giác được sự ần lận thì sẽ được trọng thưởng. Chẳng hạn như hiện nay có tên Trần-Nhật-Tĩnh, vốn là thông-ngôn cho Pháp, chỉ có công tìm ra được thêm số đinh, số điền, mà được bỏ làm An-sát Thanh-hóa. Đó chính là thủ-đoạn của người Pháp thả mồi cho lũ chim mồi chó săn vậy.

Ruộng đất được chia làm 3 hạng: thuế thượng-đẳng điền, mỗi mẫu một đồng bạc; thuế đất cũng vậy. Trung và hạ-đẳng mỗi hạng tùy theo đó mà giảm bớt, và có sự tham-gia định

ước của nhân-dân; lâu ngày đã thành lệ như vậy. Mới được một năm, người Pháp kiếm có nói rằng dân Việt-nam bỏ hoang nhiều ruộng đất, nên phải gia thêm ngạch thuế để khuyến-khích người Việt siêng-năng canh-tác hơn! Thủ-đoạn của người Pháp là mỗi khi sắp thi-hành một chính-sách nào, đều khôn khéo đưa ra những xảo-thuyết nhân-nghĩa như vậy, hòng bưng tai bít mắt mọi người, và đó là câu nói đầu cửa miệng rằng Pháp bảo-hộ Việt-nam.

Như vậy, thuế ruộng đất cứ hàng năm lại gia-tăng, hạ-đẳng lên trung, trung lên thượng... Đến thượng-đẳng không còn biết gia-tăng vào đâu được nữa, thì lại chiếu số ruộng mà tăng, theo cách cứ 100 mẫu thêm 10 mẫu, và 10 mẫu tăng thêm 1 mẫu. Và chỉ trong vài năm, ruộng đất chịu thuế hết hạ-đẳng chỉ còn thượng-đẳng và trung-đẳng mà thôi (Số đinh cũng theo cách gia-tăng như vậy: cứ 100 thêm 10, và 10 thêm 1 xuất). Dân làng nào không kham nổi thuế mà làm đoan cung, và xin khám xét đo đạc lại, thì nhà cầm-quyền Pháp cũng chẳng cần cửu xét; lại còn giao số ruộng đất này cho các quan-chức canh-nông của họ đứng ra khai-khẩn. Còn thuế thì buộc giao cho Tổng, Lý địa-phương chịu trách-nhiệm bồi-hoàn (theo lệ Việt-nam, nhân-viên chịu trách-nhiệm thu thuế là Chánh Tổng, Phó Tổng và Lý-trưởng; gọi chung là Tổng Lý).

Hiện nay trong thôn-dân Việt-nam, số thực-diễn chịu thuế bị các quan-chức canh-nông Pháp chiếm đoạt ở đâu cũng có. Đó là một thực-trạng, nhưng cũng chẳng biết kêu ca vào đâu được. (Người Việt-nam làm đơn xin Pháp quan đo lại ruộng đất, đơn đó gọi là đoan cung từ, tức là tờ cam-đoan không dám man-trá trong việc cung-khai thực số ruộng đất sở-hữu của mình)

2) Thuế nhân-khẩu:

Ban đầu nhà cầm-quyền Pháp đưa ra luận-điều là làm dân phải đóng góp công-dịch cho quốc-gia, xưa nay vẫn thế; và muốn được yên nghiệp quanh năm thì ngoài thuế thân ra,

Đã giết họ, nhà cầm-quyền Pháp còn ngăn cấm không cho gia-nhân tới thu nhận tử-thi về chôn! Đến nỗi xương phơi máu chảy, người đi đường cũng phải tránh xa.

Với thủ-đoạn gian-xảo, lúc đầu mới một vài người ra đầu thú, người Pháp còn ngon ngọt khen thưởng để dụ-dỗ, lôi kéo thêm những người khác. Đến lúc mọi người lần lượt theo nhau ra hàng, căn-cứ sơn trại trống không, thì người Pháp mới trở mặt, đem tất cả ra cửa An-hòa, «tặng» cho mỗi người một lát kiếm thì những người liệt-sĩ kiên-trinh không chịu ra hàng lại càng vô bần mà thêm khoái trá! Làm như vậy, đã mang tiếng giết kẻ đầu hàng, lại làm cho người liệt-sĩ thêm phần hừng-khởi kiên-trì tâm-chí kháng Pháp. Hình phạt không danh-nghĩa, giết hại kẻ vô tội..., người văn-minh mà cũng có thể làm được hay sao!

Riêng người Việt-nam, bầy mở to hai mắt mà trông, và đứng dè tin người Pháp nữa! Lúc tình-hình chưa ổn-định, người Pháp thường cho công-bố biết bao văn-kiện, miệng lại hô-hô dụ-dỗ đầu hàng thì khỏi tội; tới nay chúng đã hành-động như thế nào?... Các người còn tin chúng nữa không!

Thủ-đoạn lang độc khác nữa của người Pháp cũng như lòng dạ rất quỷ-quyệt của chúng là, lúc mới đầu sang xâm-chiếm Việt-nam, chúng chỉ dùng lời ngon ngọt, tiền thưởng nhiều để dụ-dỗ; chúng lại lấy quan sang bằng hậu mua chuộc người Việt làm chó săn chim mồi cho chúng, gây nên biết bao thảm-trạng: Như hạng Nguyễn-Thân, Hoàng-Cao-Khai (cả hai đều là tay sai rất đắc-lực trong việc tìm bắt những người kháng Pháp), dù được lòng chủ Tây, nhưng đồng-bào trong nước thì xem chúng chỉ là hạng côn-đồ ác hiểm, vô nghĩa vô hạnh, lòng lang dạ thú. Hoặc như hạng Võ-Doãn-Nhã xuất thân chỉ là thông-ngôn cho địch mà làm quan tới Tổng-đốc Hiệp-Biện, hay như Đốc-phủ Lộc, Đốc-phủ Phương, bọn chúng xuất-thân cũng chỉ làm thông-ngôn, giúp nanh vuốt cho giặc.

Thủ-đoạn của người Pháp là khi chúng muốn làm việc

gì, trước hết đều cho hạng tay sai biết; bọn này lo chạy đôn chạy dả hết mình phụng-sự, còn người Pháp chỉ ngồi không hưởng lợi. Cho đến khi năm chồng tháng chất, nhờ ăn mầu uống mủ đồng-bào, bọn tay sai trở nên giàu có, người Pháp mới bới lòng tìm vết, kiếm cớ bắt tội; công-lao góp nhặt đầy túi nhơ bần trong bao lâu nay, bọn chúng chỉ còn có nước hai tay kính-cần đem dâng nạp cho «quan Khâm-sứ bảo-hộ». Thành ra bao nhiêu lợi lộc lại trở về tay người Pháp, còn lại tiếng xấu, bọn tay sai phải chia nhau gánh chịu. Thủ-đoạn hung-tàn quỷ-quyệt như vậy thật là cổ kim chưa từng có!



Việt-nam cũng là nước có dân. Người Pháp đối với nhân-dân Việt-nam như thế nào, xin các ngài cứ xem những giòng sau đây thì rõ. Tôi nghĩ rằng, khi mọi người đọc tới đây, nếu không vô bần mà ta-thán kêu lên thì thật là người không có tai mắt, không tâm-huyết, mà cũng không phải là người nữa. Riêng tôi, dám quyết-đoán mà nói rằng, thật không còn thiên lý, nhân-đạo nào nữa; xin các ngài thử xem đi. Tôi sợ rằng càng xem, các ngài càng thêm đau lòng rơi lệ. Thật chẳng muốn nói ra chút nào, nhưng nếu không nói ra thì các ngài làm sao biết được sự thật. Hơn nữa, riêng tôi há chẳng đã là một «tử-tội» hay sao! Vậy thì tôi cứ nói:

Nhân-dân Việt-nam hồi chưa mất nước, chỉ phải đóng thuế cho nhà vua có hai thứ thuế là «sưu» và «thuế»; ngoài ra không còn phải đóng góp một tạp-thuế nào thêm nữa.

Sưu tức là thuế thân. Với thuế này, thường tám, chín ngàn dân, hoặc đến hai, ba mươi ngàn mới phải đóng một suất. Mỗi suất nhiều lắm cũng chỉ 300 đồng tiền mà thôi. Số dĩ thuế nhẹ như vậy là vì chiếu theo nhà, chứ không theo đầu người mà phát thâu, đó là không kể khi đau yếu bệnh-hoạn thì còn được chước miễn nữa.

Thuế tức là thuế điền-thổ. Người có 30, 40 mẫu thì chỉ một mẫu phải chịu thuế, và thuế này cũng chỉ một học lúa

người dân còn phải đóng thêm khoản tiền công-dịch đó. Khoản thuế nhân-khẩu được gọi là tiền sưu; mỗi năm mỗi tráng-dinh phải đóng 2\$20. Lại còn khoản tiền công-dịch này gọi là tiền công-ích, mỗi năm mỗi tráng-dinh đóng 0\$80. Như vậy là hàng năm một tráng-dinh phải nạp 3\$00 tiền sưu-dịch. Thế nhưng lúc đầu, nhà cầm-quyền Pháp hạ lệnh chỉ phải đóng 1\$00, rồi dần-dà hàng năm mới tăng dần. Tới nay ở Tây-cống, hàng năm mỗi suất dinh phải nạp đến 5\$, 6\$; còn ở Trung, Bắc-kỳ thì 3\$. Nếu chưa tới tuổi tráng-dinh thì nạp dưới 3\$; nhưng hàng năm lại gia-tăng và chưa biết đến bao giờ mới khỏi tăng.

Về việc thuế này, tại Việt-nam có một mẩu chuyện nhỏ kể lại thật cười ra nước mắt:

Một làng nọ, số dinh chịu thuế vốn đã quá nhiều, trải qua nhiều lần binh cách, số dân dinh lại chết mất quá nửa. Lệ thuế của Pháp lại chỉ có tăng mà không có giảm; trong khi đó thôn-dân chỉ có hai bàn tay trắng, thực-sự không còn khả-năng đóng thuế công-sưu công-ích nữa!

Cả làng mới hội-hợp bàn với nhau: «Tất cả chúng ta đến mức cùng-quẫn như thế này thật không còn biết trời nào mà lên, đất đâu mà xuống. Bây giờ phải bảo tất cả dân dinh thôn ta lên quan bảo-hộ mà kêu nài, liệu mình chịu chết; tưởng như vậy quan bảo-hộ không có lý gì mà giết hết chúng ta, để xem các quan sẽ phân xử như thế nào».

Thật đáng thương cho nhóm thôn-dân cùng đường tuyệt kế phải liều mình làm một việc kêu-nài không đầu không đuôi. Họ không biết gì về thủ-đoạn tàn-độc của người Pháp cả. Số tiền hàng ngàn hàng trăm đồng đó, chúng đầu chịu bỏ qua!

Thế rồi dân làng nhất tề kéo nhau đến dinh quan Pháp sụp lạy kêu khờ. Viên quan Pháp mới bảo: «Tại sao chúng bay không đem vợ con gia-tai diên-thổ bán hết đi, lấy tiền nộp đủ thuế cho Đại-Pháp». Nghe vậy, dân làng sững-sốt

chưa biết suy tính ra sao, bèn khóc òa lên một lượt rồi nói: «Vợ con chúng tôi đã bán rồi, nhà cửa bán rồi, cả ruộng đất cũng đã bán sạch. Bây giờ chỉ còn Trời ở trên đầu chưa bán được nữa mà thôi!»

Nghe vậy, viên quan Pháp vỗ bàn cười lên hớ hớ: «Tốt lắm! Tốt lắm! Trời trên đầu chúng bay chưa bán được, thì đem bán cho ta. Cứ viết văn-tự đi, xong thì ta miễn tiền sưu thuế cho liền!» Ta-ôn-dân lăm lét nhìn nhau, chưa biết trả lời ra sao cả, thì đã thấy viên quan Pháp đem bút giấy tới, buộc phải viết văn-tự bán Trời!... Viết xong văn-tự, thôn-dân người thì ký tên, người điểm chỉ. Việc xong, viên quan Pháp đuổi dân làng ra hết, bỏ văn-tự vào túi áo.

Về phần dân làng, ra đi mà lòng phẫn-vân không hiểu là đáng mừng hay đáng sợ; chưa biết ý định viên quan Pháp như thế nào.

Cho đến khi họ trở về làng, chưa kịp vào nhà thì đã thấy một đội lính tuần-cảnh Pháp bỏ vây bốn mặt làng, xón-xác như là tấn-công một thành-trị nào. Thế rồi nghe chỗ này loan truyền, đầu kia hò-hoán rầm lên rằng: «Làng chúng bay đã bán Trời cho Đại-Pháp chúng tao rồi. Bây giờ Trời đã thuộc về Đại-Pháp, không còn phải của chúng bay; chúng bay không được ui lại dưới Trời, không được tắm ánh Trời nữa. Nếu thấy chúng bay xuất đầu lộ diện ra khỏi nhà, tức là chúng bay dám trông Trời, xâm-phạm Trời của Đại-Pháp; chúng bay phải tội chết, Đại-Pháp quyết không tha thứ».

Bọn lính tuần-cảnh «giữ Trời» như vậy luôn 3 ngày. Dân làng khác nào nước chảy không có chỗ thông; ngày không thấy mặt trời, đêm chẳng thấy trăng sao; tình-thế thêm càng cùng-quẫn. Lại phải khóc lóc muôn thảm nghìn sầu, kéo nhau lên quan Pháp xin chuộc lại mảnh Trời trên đầu! Và kết-quả là dân làng phải thực-sự bán hết vợ con, nhà cửa, ruộng đất mới nạp đủ sưu thuế, mới được yên thân, và nhà cầm-quyền Pháp mới chịu ngừng tay ác độc!

Ngạn-ngữ Việt-nam có câu rằng :

*Không trời rồi cũng khổ
Có Trời hẳn còn hơn
Nhưng vợ con thì sao
Ruộng vườn thôi phải bỏ
Ta chuộc Trời ta về
Trời chưa già vậy đó.*

Lại còn thu thuế thân đánh vào thương-gia Trung-quốc kiều cư tại các thành-phố ở Việt-nam. So với nhân-dân Việt-nam, thứ thuế đánh vào Hoa-kiều còn nặng hơn nhiều. Thuế thân này, thượng hạng đến 50, 60\$, hạng trung bằng một nửa hạng thượng; còn hạng dưới ít nhất cũng phải 10\$.

Các loại tiền sưu thuế vừa kể trên, ai nạp đầy-đủ, nhà cầm-quyền Pháp cấp cho một bài-chỉ. Bài chỉ này in bằng chữ Pháp có đóng dấu của nhà cầm-quyền Pháp : nội-dung mang tên họ, tuổi, quê-quán của người đã nạp sưu thuế, và là bùa hộ-mệnh, phải cẩn-thận giữ-gìn. Lúc đi đường, cũng như lúc ngồi nhà, nếu gặp bọn lính kìn, bọn ma-tà (*lính tuần-cảnh Pháp gọi là ma-là, còn loại lính trinh-thám thì gọi là lính kìn*) kiểm-soát, nếu không xuất-trình được bài chỉ này, sẽ bị coi là trốn sưu, và bị trừng-phạt nặng.

Đối với hạng quan chức thân-sĩ tại gia hoặc đang đi làm việc cho chính-phủ, theo quốc-lệ Việt-nam, thì khỏi phải đóng thuế thân. Với hạng này, nhà cầm-quyền Pháp cấp cho một thẻ miễn sưu. Nhưng cứ 3 năm một lần đổi cấp thẻ mới thì phải đóng 3\$, so với sưu lại còn nặng hơn.

Thẻ có 3 loại : xanh, đỏ và vàng. Màu vàng dành cho người được miễn sưu ; màu đỏ cho người phải nộp sưu ; còn màu xanh dành cho người ngoại-tịch. Đối với hạng ngoại-tịch này, lại còn một thuế lệ riêng-riệt : như người Việt-nam đi buôn bán, từ làng quán đi đến nơi khác, nếu vói-vàng chưa kịp tới nhà cầm quyền Pháp ở địa-phương xin giấy thông-hành, thì khi tới nơi đâu, phải tới nhà cầm-quyền Pháp ở địa-phương đó

nộp 1\$, để xin lãnh thẻ ngoại-tịch đó (*tức thẻ màu xanh*). Tiền thuế này nhiều hay ít là tùy theo thời gian cư-trú lâu hay mau. Nạp tiền nhận thẻ xanh xong mới được vào khách-sạn trọ. Chủ khách-sạn nào cho người không có thẻ xanh mượn phòng, nếu bị lính tuần-cảnh phát-giác, thì cả hai khách và chủ đều bị phạt nặng. Đây chính là hình-thức của người Pháp chia-lời với bọn chủ khách-sạn.

Nhân-dân tuy phải nạp tiền công-tích mà về hành-dịch vẫn không được giảm. Mỗi người dân khi bị bắt đi hành-dịch đều được hứa sẽ trả tiền công ; lúc đầu quả có được lãnh tí tiền ; nhưng về sau, nhà cầm-quyền Pháp lại trở mặt bảo : phải tự-túc ; chứ không còn phát tiền công nữa ! Thật là quỷ-quyet, mà cũng thật là vô đạo ! Nhân-dân Việt-nam đối với chúng chỉ là bầy nô-lệ, và mạng sống có hơn gì cỏ rác !

3) Thuế nhà ở :

Ngạch thuế này chiếu theo số phòng mà định, theo từng hạng mà thu, chứ không có thể-lệ nào nhất định. Tại đô-thị, loại phòng thượng-hạng hàng năm phải nạp thuế từ 90\$ đến 100\$, hạng trung từ 50\$ đến 60\$, hạng hạ từ 20\$ đến 30\$. Hàng hiên trước và sau nhà cũng phải chịu thuế (*người Việt gọi là thuế mái hiên*). Lại còn thuế sân, thuế cửa ngõ, thuế viên cư !... tất cả đều không có thể-lệ nào nhất định, chỉ chiếu theo hạng mà nạp tiền, theo phòng ốc mà tăng giảm. Bất cứ chỗ nào ở ngoài ngõ cũng đều có bảng ghi bằng chữ Pháp. Nếu không có bảng ghi thì bị coi là trốn thuế, sẽ bị phạt nặng và liền bị trục-xuất.

Ở nông-thôn, ngạch thuế này tương-đối nhẹ hơn.

4) Thuế bến đò :

Các bến đò ngang, dù chỉ ở cách nhau vài thước, cũng đều có một công-ty chuyên-trách thu thuế bến đò, do người Việt-nam đầu thầu. Tiền thu thuế được phải nạp cho quan Pháp. Ở các sông lớn, mỗi lần xuống đò sang sông, người dân phải

nap 30, 40 đồng tiền. Còn ở sông nhỏ, mỗi lần qua đò cũng phải nap 6, 7 đồng tiền. Con nhà nghèo đi lại buồn bán mưu sinh, thật khổ về thứ thuế này vô cùng!

5) Thuế Sinh và Tử:

Còn trai hoặc con gái khi mới sinh, liền phải tới quan Tham-biện Pháp khai trình và nap tiền. Đến lúc chết, lại phải tới viên quan này xin khám-nghiệm và nap tiền khám-nghiệm. Khoảng này nhiều hay ít đều chiếu theo người giàu hay nghèo mà định. Mục-dịch khai trình là nhằm ngăn-ngừa việc ăn lậu thuế thân. Và cũng chỉ mới ở Tây-cống mới có lệ khai trình này, các địa-phương khác chưa có. Người Pháp trưng thu thuế bao giờ chả tiến-hành từ từ, có khi nào chúng làm đến khắp một lượt! Thủ-đoạn của chúng âm-ỉ hút máu mủ của nhân-dân Việt-nam là thế đó!

6) Thuế khế khoán: (44)

Biết rõ rằng nhân-dân phải sử-dụng rất nhiều giấy tờ trong việc cầm cố, mua bán ruộng đất, nhà cửa, làm đơn từ, kiện cáo, v.v..., nhà cầm-quyền Pháp bèn khia ra một cách làm tiền là trên các giấy tờ đều phải có con dấu và chữ ký nhận thực của quan Pháp. Lại bắt việc nào thì phải dùng mẫu giấy in về việc đó, mà phải tới quan Pháp nap tiền mua mẫu giấy này. Nếu không như thế, sẽ bị coi là làm « trái phép nước », và bất cứ việc gì cũng sẽ vô hiệu.

7) Tạp thuế nhân-sự:

Hoặc rước thầy tu, hoặc giỗ tết, cúng tế, hoặc sửa sang nhà cửa, hoặc ma chay, khánh-hỷ... trong dân-gian nếu có sự tu-tập trong chốc lát nào đó, đánh một tiếng trống, thổi một tiếng tiêu, thì hất lộn nhà giàu hay nghèo, sang hay hèn... đều phải tới viên quan Pháp địa-phương khai trình nap tiền 3 hào hoặc 5 hào, tùy theo việc làm nhỏ hay lớn. Viên quan Pháp sẽ cấp cho một giấy phép rồi mới được cử sự.

Thứ thuế này gọi là thuế « xin phép ». Việc làm ban ngày thì nap nhẹ, nếu làm ban đêm nap thuế nặng hơn. Thuế này mới thi-hành ở đô-thị, còn nông-thôn chưa có.

8) Thuế ghe thuyền:

Thuế ngạch này cũng như thuế phòng ốc, được chia làm 3 hạng: thượng, trung và hạ. Loại thượng-đẳng dành cho các thương-thuyền lớn, mỗi năm đóng thuế từ 100\$ đến 200\$; loại trung-đẳng đóng một nửa thượng-đẳng; và loại hạ-đẳng bằng một nửa trung-đẳng.

Thảm-khổ nhất là loại thuyền đánh cá. Hạng ngư-dân này không ruộng đất, không gia-sản, không có một hoạt-dộng công-thương nào khác, ngoài một chiếc thuyền nan lênh-dềnh làm phương-tiện sinh-nhai; buổi sáng đánh được cá, buổi chiều mới có ăn. Trước đây triều-đình Việt-nam cũng chưa hề bắt hạng dân chài này đóng góp một khoản tiền nào; chỉ bắt họ phải thi-hành những dịch-vụ trên mặt nước, rồi trả cho họ tiền công, thế thôi. Nay thì nhà cầm-quyền Pháp thẳng tay bóc lột: cứ chiếu theo một ngư-dân có mấy chiếc thuyền, mỗi thuyền có bao nhiêu nhân-khẩu, rồi chiếu nhân-khẩu mà đóng thuế; ngoài ra, còn phải đóng thuế thuyền; đến khi đánh được cá, đem ra chợ bán lại thu thuế cá. Các ngạch thuế này đều có ghi bằng Pháp-văn lên mỗi đầu thuyền (45), nếu không ghi, bị coi là lậu thuế và sẽ bị phạt nặng!

9) Thuế buôn-bán:

Ngạch thuế này nặng nhất là đối với các hiệu buôn cũng được chia làm 3 hạng: đại, trung và tiểu, chiếu theo số hàng-hóa nhiều ít mà thu tiền (người Việt-nam gọi là thuế cửa hàng). Hạng đại mỗi năm đóng trên dưới 2, 3 trăm đồng; hạng trung bằng nửa hạng đại; hạng tiểu bằng nửa hạng trung. Từ một tiệm buôn nhỏ nhỏ bày hàng ở nhà, bán vài món hàng, cho đến những tiệm chỉ bán tương, bán rau, củi, hoặc cau

trầu là những thứ hàng lặt vặt... cũng đều phải có bài chỉ thuế; nếu không là lậu thuế, bị phạt nặng.

10) Thuế chợ:

Chợ cũng chia làm ba hạng: đại, trung và tiểu; cho người địa-phương nấu muối, rồi nộp tiền thuế cho Pháp-quan địa-phương. Chợ lớn, mỗi năm 7, 8 trăm đồng; chợ trung một nửa chợ lớn, và chợ nhỏ một nửa chợ trung. Lại còn thứ thuế người ngồi chợ phải tự nộp; gánh một gánh củi, mang một giỏ rau tới chợ đều phải nộp thuế rồi mới được vào chợ. Người tiểu-phu, kẻ nông-dân, chỉ mưu-sinh bằng sức lao-động chân tay, thật vô cùng khổ-sở vì thứ thuế này. Con nhà nghèo đi chợ về, chỉ những xôn-xao hỏi thăm nhau buổi sáng phải đóng bao nhiêu thuế, buổi chiều đóng bao nhiêu thuế... ngoài ra, không ai nói một câu nào khác hơn!

11) Thuế muối, thuế rượu:

Lúc mới đầu, nhà cầm-quyền Pháp chỉ bắt dân làm muối đóng thuế ruộng muối. Về sau, thấy nhân-dân Việt-nam tiêu-thụ muối ngày càng nhiều, lòng tham nổi dậy, chúng bèn bắt ở địa-phương nào có ruộng muối, phải nộp thuế ruộng muối y như đối với thuế ruộng đất, lại còn gia-tăng thêm nhiều. Còn muối thì nhà cầm-quyền Pháp cũng giành tự nấu lấy; buộc dân làm muối phải phục-dịch cho chúng rồi trả chút ít tiền công.

Muối được sản-xuất ra, những người buôn muối cứ tới viên quan Pháp nộp tiền mà mua. Nhận tiền giao muối xong, viên quan Pháp cấp cho một bài-chỉ. Bài-chỉ này lại còn phải đóng thêm một số tiền nữa tùy theo số lượng muối mua nhiều hay ít, ngoài số tiền mua muối đã trả. Một học muối sản-xuất ra chỉ mới tới đây, đã phải chịu hai thứ thuế nặng rồi: đó là thuế ruộng muối và thuế bài-chỉ mua muối. Mang muối ra, thương-gia lại phải tới ty Thương-chánh trình xin khám. Tại nơi này, sau khi cân muối được bao nhiêu cân, bao nhiêu tạ,

thương-gia lại phải nộp thêm một thứ thuế khác nữa mới lấy được bài-chỉ bán muối. Hai thứ thuế trước là để đề-phòng muối nấu lậu; còn thứ thuế này là khi muối đã thành. Tính ra một học muối tới đây đã chịu 3 thứ thuế nặng. Nộp xong cả 3 thứ, mới được mang muối ra chợ bán. Tới chợ, lại phải nộp thuế «nhập thị», thế là 4 thứ thuế nặng! Như vậy, khả-năng sản-xuất muối tránh sao khỏi cùng khốn, và giá muối tránh sao khỏi không tăng vọt lên!

Trước đây, giá muối tại Việt-nam mỗi học không quá 5, 6 chục đồng tiền, mà ngày nay, một học muối đã lên tới 4, 5 đồng bạc. Cư-dân Việt-nam vùng duyên-hải chỉ lấy nghề làm muối làm kế sinh-nhai, mà nay bị bóc-lột đến như vậy, thật là trời cháy biển khô, thảm-khốc khổ-cực biết là dường nào!

Cũng có những người vì quá khổ, đã tìm cách thoát khỏi mạng lưới của người Pháp, bằng cách chỉ đổi chác buôn bán trong làng xóm với nhau, không thêm vào sở nấu muối cho Pháp hoặc ra chợ. Khốn nỗi, lính Pháp tuần-hành nghiêm-nhặt, và dò la ráo-riết quá, nên mỗi khi bị phát-giác thì toàn gia-sản bị quét sạch. Vì vậy mà ai nấy đều chịu nhịn đói mà chết! Thật hết chỗ nói!

Còn thuế rượu! Cũng chẳng khác nào thuế muối (46); vì cũng do nhà cầm-quyền Pháp giành độc-quyền cả. Dân buôn rượu cũng phải đến nhà cầm-quyền Pháp lãnh môn-bài bán rượu, nhưng về rượu thì chỉ có hai thứ thuế nặng thôi!

12) Thuế đền chùa:

Người Pháp vốn không thờ phụng Thần Phật.

Đền chùa trong thôn-dân được chia làm 3 hạng; đại, trung và tiểu. Nhân-dân phải đến quan Pháp nộp thuế, lãnh bài-chỉ viết bằng Pháp-văn, rồi mới được thờ phụng (hạng đại mỗi năm 50\$, hạng trung 30\$, hạng tiểu một nửa). Hiện nay ở Tây-cống, đền chùa hầu như không còn mấy,

chỉ ở một đôi làng giàu có thảnh-thoảng mới thấy một vài ngôi! Thật là cảnh đền chùa hoang vắng!

13) Thuế công-nghệ:

Nhân-dân Việt-nam đa-số những người sinh-hoạt tiểu-công-nghệ đều sống ở nông-thôn; người cư-trú ở đâu thì hành nghề ở đó. Như nghề nung ở Bát-tràng (Hà-đông), nghề làm giấy ở Phong-lâm, nghề thợ rèn ở Văn-lâm (Hưng-yên) (47)...

Ngoài thuế thân mà họ phải chịu, người Pháp còn bắt họ phải đóng thuế công-nghệ, nhiều ít tùy theo nghề. Người đóng thuế công-nghệ cũng được cấp một bài-chỉ; nếu không có thẻ này thì bị cấm hành nghề, và chỉ được làm khi có sự triệu-dụng của nhà cầm-quyền.

Với hai bàn tay, người dân nghèo đã phải mưu-sinh bằng nghề tiểu-thủ-công, làm sao họ còn chịu nổi cảnh bó tay chờ chết! Thật thảm thương biết bao nhiêu!

14) Thuế địa-sản:

Loại thuế này thật không bút nào kể xiết.

Về sơn-lâm-sản: có ngà voi, tê-giác, cầm-thạch... Hải-sản có: đồi-mồi, san-hô, yến sào, ngọc trai... Lại còn quế Thanh-hóa, Quỳ-châu, đường phôi Quảng-ngải, gỗ lim và thảo-quả Nghệ-an, sa-nhân, đậu-khấu, kỳ-nam, trầm-hương Tây-cống, thuốc lá Nam-dịnh và Hải-dương (thuốc lá còn có tên là *trung-tư-thảo*, hút để phòng sơn lam chướng khí; người Việt-nam trai cũng như gái đều hút thuốc lá), tơ sợi Bình-dịnh... bất cứ thổ-sản gì cũng đều phải chịu thuế. Trong khi đó, những loại sản-vật nào mà nhà cầm-quyền Pháp giành độc-quyền khai-thác, thì lại khỏi đóng thuế, chỉ phải nộp thuế đất mà thôi.

Nói chung thuế ngạch này do người Pháp đặt ra thật

phức-tạp vô cùng, càng kể ra càng chán, sợ ai nấy cũng phải bưng tai mà chạy không muốn nghe. Xin đan-cử làm ví-dụ một ngạch thuế thuốc lá:

a) THUẾ ĐẤT TRỒNG THUỐC:

Nhà nào trồng thuốc phải tới Công-ty Pháp nộp thuế đất trồng thuốc. Mỗi mẫu cứ chiếu theo thuế đất thường mà bội tăng lên. Nộp thuế xong mới được hạ giống. Đây là ngạch thuế đầu tiên.

b) THUẾ THUỐC LÁ TƯƠI:

Thuốc hái về nhà, trong thời-gian năm ba ngày, cắt thành bánh, được bao nhiêu cân, bao nhiêu tạ... phải tới Công-ty Pháp trình khám để nộp thuế. Sau đó mới được đem ra bán. Đó là ngạch thuế thứ hai (*Hai ngạch này do nhà trồng thuốc phải nộp*).

c) THUẾ THUỐC LÁ ĐÃ THÀNH-THỰC:

Nhà buôn thuốc tới nhà sản-xuất mua thuốc về, lại phải tới Ty Thương-chánh trình. Chiếu theo cân lượng mà nộp thuế. Nộp thuế và nhận bài-chỉ xong, mới được vận-chuyển thuốc từ nơi này sang nơi khác (*Thuế này do nhà buôn thuốc phải nộp*).

d) THUẾ CÔNG CUỘC (48) VỀ THUỐC LÁ:

Vận-chuyển thuốc từ tỉnh này đến tỉnh khác, nhà buôn thuốc lại phải tới ngay Ty Thương-chánh tỉnh này nộp thuế. Nộp tiền và nhận xong bài-chỉ mới được phân-phối thuốc ra bán (*Đây là ngạch thuế do người buôn thuốc nộp*).

e) THUẾ TƯ CUỘC VỀ THUỐC LÁ:

Các nhà buôn thuốc nhỏ ít vốn, khi nhận được thuốc do nhà buôn lớn phân-phối, lại phải tới các phân-cuộc Thương-chánh trình nộp thuế lãnh bài-chỉ rồi mới được bày bán (*thuế này do các nhà buôn ngồi tại cửa tiệm phải nộp*). Nhưng khi đem thuốc ra chợ bán, dù là một gánh, một xách trong tay... cũng lại phải tới nơi thu thuế chợ nộp xong thuế rồi mới được bán.

Tất cả đều do người Pháp cố ý đề-phòng nhân-dân Việt-nam thật ráo-riết, cũng như quá tham-lam của cải Việt-nam, nên người Pháp đã trăm mưu ngàn kế khai-thác bóc-lột ; khiến cho nhân-dân Việt-nam tuyệt đường sinh lộ ; có được như vậy người Pháp mới thỏa-mãn.

Nói chung, về thuế sản-vật, bất cứ là loại quý hay loại tầm-thường, tới Ty Thương-chánh là 10 cân cũng phải chịu thuế, tới chợ thì dù chỉ đáng giá 10 đồng tiền cũng phải chịu thuế. Và khi đã đạp chân tới Ty Tuần-cảnh thì chẳng cứ ai, và việc gì, tiền luôn-luôn là bữa hộ-mệnh.



Người Pháp lại còn một phương-pháp bóc-lột tài-sản nhân-dân Việt-nam quí-quyết hơn nữa, mà có lẽ chưa một quốc-gia văn-minh nào trên thế-giới có thể tưởng-tượng tới hay nghĩ ra. Đó là sự thành-lập cái mà chúng gọi là « Anh-hào hội ».

Người Pháp tuyển lựa trong dân-gian, mỗi địa-phương một vài đứa — loại đầu trâu mặt ngựa, trong làng xóm ai cũng chán ghét — gọi chung là « Hội Anh-hào » (cái tên nghe thật hay). Rồi cứ mỗi tháng nhằm vào 2 ngày chủ-nhật, nhà cầm-quyền Pháp triệu-tập chúng họp nhau tại tòa Công-sứ tỉnh, bàn mưu định kế làm tiền cho Pháp. Chẳng hạn như nhìn xem nơi nào có nguồn lợi gì nên trung, việc gì nên giành độc-quyền thu lợi...

Người Pháp vốn là hồ đồ, mà hạng người Việt-nam này cũng là loài ma quái. Mỗi ngày chúng càng nghĩ ra thêm nhiều cách bươi chải hòn vét, cho đến khi không sót một đồng tiền, không bỏ một hạt gạo chúng mới thôi. Loại tội tở này vốn dốt nát, hư hỏng, xúi chúng nó làm bậy khác nào như ông được mặt ; quả thật là người Pháp đã khéo lợi-dụng con người ta tùy từng loại, Không biết các nước văn-minh có cùng một thủ-đoạn như vậy chăng?



Một thủ-đoạn cực-kỳ khôn-khéo khác của người Pháp là biến nước người thành rỗng không. Một thủ-đoạn mà bất kỳ một quốc-gia văn-minh nào trên thế-giới cũng không thể nghĩ tới. Đó là tổ-chức bọn linh ma-tà (một ân-danh của bọn linh tuấn-cảnh Pháp mà người Việt-nam quen gọi là linh 'cu-lit').

Tuyển-dụng loại linh này, nhà cầm-quyền Pháp nhằm vào các hạng còn-dồ không cha mẹ, anh em, không gia-tài, nhà cửa. Lại nhìn xem bộ mặt chúng có vẻ gian-ác tham-lam quí-quyết không, rồi mới tuyển. Khi được tuyển, người Pháp lại bắt chúng ngửa mặt lên chửi Trời một tiếng, rồi lại kêu tên húy cha ra mà chửi nữa. Làm được như vậy, người Pháp rất thích-thú, thưởng cho tiền, rồi mới cho gia-nhập vào đội linh cu-lit. Người Pháp cho như vậy là chúng sẽ không còn e sợ dè-dặt gì nữa, và mới đặc-lực trong công-việc rình mò bắt người. Bọn ác-ôn còn-dồ này cuinh là loại linh kín, ma-tà vậy. Nhiệm-vụ của chúng là chuyên đi rình-rập bắt bớ những việc hay những người ần lậu. (Hiện nay ở Tây-cống loại linh này rất thịnh, người Việt-nam gọi là quân du-côn. Thế nhưng, người Pháp nuôi ong tay áo, chưa biết rồi sẽ ra sao, người thức-giả đang chờ kết cuộc).

Tổ-chức xong bọn ma-tà linh kín này, nhà cầm-quyền Pháp mới ra lệnh cấm đi đêm, cấm nói chuyện thì-thầm, cấm đánh bạc, uống rượu lậu, nấu muối lậu, chứa dĩ-diêm lậu, hàng-hóa lậu, cấm hội-họp kín, nhất là đối với người la mạt, khác thường... Mạng lưới của người Pháp bủa vây khắp nơi càng thắt càng kín, đều nhờ vào sức hoạt-động chó má của bọn linh này. Chúng qua là hạng người trên không trời, dưới không đất, cả mạng mình cũng coi như không, chỉ biết làm vừa lòng ông quan thầy để lấy tiền, nên sóng gió nào mà chúng chẳng gây nên, và có lửa nào mà chúng không thổi nhen nổi. Cho nên những việc phải đem đến pháp-đình, hầu hết đều do miệng lưới quân này thêu dệt. Người Pháp cũng biết như thế, và cũng biết nạn-nhân hàm oan, nhưng cuối cùng thì vẫn là : « phải nạp tiền phạt cho Đại-Paáp ta thì ta mới buông tha được ! ».

Bất cứ việc nhỏ mọn tới đâu, hễ động tới là phạt tiền. Hôm nay tiền phạt chưa có mà nộp, ngày mai lại bị phạt thêm. Lại còn tình-trạng khóc ra đờn-ơi cười ra nước mắt nữa, là ép buộc đàn bà con gái nhà tử-tế đi vào đường mãi-dâm. Tại các thành-thị, người Pháp đều cho lập các nhà chứa để thu thuế kỹ-nữ và gái điếm. Thuế này cũng chia làm 3 hạng: thượng-đẳng mỗi năm 30\$, trung-đẳng ít hơn một chút, và hạ-đẳng lại ít hơn nữa. Mỗi gái điếm nộp thuế được cấp một thẻ màu vàng, có ấn-ký chữ Pháp, gọi là thẻ tùy-thân được phép hành nghề. Hạng gái này ăn không ngồi rồi, lười-biếng, lấy yên hoa làm kế mưu-sinh, đúng là hạng người hèn-hạ trong dân-gian; nếu có đánh thuế thì cũng không lấy gì làm lạ. Điều ác hại nhất chính là ở chỗ người Pháp cho bọn lính tuần-ảnh giả dạng thăm hỏi làm mối lái cưới gả. Thật là một mưu-mô quỷ-quyết để ép buộc đàn bà con gái nhà tử-tế. Theo luật-lệ của nhà cầm-quyền Pháp, hàng đêm chúng sai bọn lính tuần-cảnh tới dò-la tại các hộp đêm, nếu gặp gái không có thẻ màu vàng đang hành-lạc với đàn ông, thì bắt về Ty phạt tiền thật nặng. Thuế ca-lâu hộp đêm nếu nhờ vậy mà ngày càng được thặng thu, thì bọn tuần-cảnh càng được trọng thưởng. Được thẻ thừa gió bẻ măng, bọn lính tuần-cảnh càng thêm mạnh-mẽ vu-oan cho người để lập công. Hễ thấy nhà nào trong cảnh góa bụa, chiếc bóng lẻ-loi, hoặc không cha mẹ, anh em làm nơi nương tựa; không quyền không thế để cậy nhờ... thì đang đêm chúng xông vào nhà người ta (*pháp-luật cấm ban đêm xâm-nhập nhà người, trừ bọn lính tuần-cảnh thì được*) vu oan cho là chứa dĩ-lậu! Trong hoàn-cảnh cô cùng, nạn-nhân lo sợ tai-họa, đâu dám trông thấy mặt quan Pháp, trong cơn ra ury sấm sét chẳng biết kén ca vào đâu! Thôi thì đành nuốt lệ chịu lãnh tấm thẻ vàng cho xong chuyện. Rõ-ràng đang sống hoàn-toàn lương-thiện, người cô-phụ phải biến thành hạng gái lâu xanh! Thuế hộp đêm nhờ đó ngày càng thu được nhiều, thành thế bọn tuần-cảnh ngày càng lớn! Than ôi! mang một tấm thẻ vàng vào mình, chung thân vùi vào địa-ngục. Người cô phụ lênh-

dênh nào có tội tình chi. Thật là một hiện-tượng lạ-lùng bi-thảm xưa nay chưa từng thấy! Chính-thể dã-man như vậy mà một nước văn-minh Âu-châu có thể thi-hành được hay sao? Thật là mai-mĩa! (*Theo luật-lệ của Pháp, nhà chứa gái điếm có tội, còn gái điếm lại không tội. Đó chính là một thủ-đoạn quỷ-quyết nhằm làm cho nhân-dân Việt-nam phóng-dăng bại liệt*).

Người Pháp lại còn một thủ-đoạn quỷ-quyết nữa là làm cho nhân-dân thuộc-quốc trở thành đen tối u-mê, một thủ-đoạn mà tôi tưởng rằng các quốc-gia văn-minh trên thế-giới năm châu cổ tịch học-hỏi cũng không được. Chúng tôi xin kể ra đây để ai nấy đều nghe, và sẽ vì nước Việt-nam mà lệ tuôn giòng, biến thành ngọn triều phẫn-nộ dâng vọt lên trên mặt biển đông!

Dân-tộc Việt-nam vốn được bẩm-thụ chính-khi Ly-Hỏa (49) là giống người thông-minh dễ dạy; lại thắm-nhuần tư-tưởng Khổng Mạnh từ lâu, không phải là giống người đã mất hết liêm-sĩ. Người Pháp quan-niệm rằng hiện nay dân-trí chưa mở-mang và tập-quán của từng lớp nho-sĩ cũng chưa thay đổi, rất dễ lung-lạc được. Nhưng một mai trời khơi mở tâm-tư, đất quét sạch mây mù, nhân-dân Việt-nam đi ra ngoài các nước văn-minh, thu-thập thêm nhiều kiến-văn, mở rộng thêm đường học-thuật, tài trí thêm phần tiến-hoá, thì dân Việt-nam sẽ không còn chịu nếp mình dưới hơi thở người ngoài; lúc bấy giờ người Pháp muốn chế-ngự cũng khó lòng. Nghĩ như vậy, người Pháp bèn thi-hành ác sách ngu dân, dùng mọi thủ-đoạn lung-lạc bưng tai bít mắt người Việt. Chính-sách ngu dân đó như thế nào?

Trước kia, tại Việt-nam, trong việc tuyển-chọn nhân-tài, hai khoa thi văn, võ được song song thực-hiện. Hai khoa thi này vốn cũng là một chính-pháp hủ-lậu đã có từ ngàn năm nay tại Việt-nam, thật cũng chẳng ra gì. Nhưng đối-chiếu hai khoa thi, võ-khoa vẫn có cái khi-tượng cương cường mạnh-mẽ hơn là văn-khoa ủy-mị yếu hèn. Biết vậy, nên khi chiếm được Việt-nam, nhà cầm-quyền Pháp liền bắt bỏ ngay khoa thi võ, còn

văn-khoa vì có tính-cách nhu-nhược yếu hèn thật là vô-dụng thì chúng vẫn cho giữ lại. Người Pháp vốn biết người Việt-nam còn rất thích cái lối khoa-cử vô-dụng này, nên chúng đề lại với dụng-ý làm si mê mờ tối hạng thiếu-niên thông-minh. Mà hạng thiếu-niên này, nếu không nhờ khoa-cử tiến thân thì trăm ngàn khổ-cực làm sao chịu nổi; do đó làm sao bỏ khoa-cử! Vì thế mà phần nhiều nhân-tài trong nước trở thành vô-dụng. Và chỉ vài năm sau khi cướp được nước, khi thấy rõ nhau-tài Việt-nam đã dần dần thoái-hóa vì khoa-cử, người Pháp liền thay đổi chính-sách: xem thường khoa-cử.

Đầu tiên khi chiếm được Tây-cống, người Pháp đã bỏ khoa-cử, cho nên những người đỗ Tiến-sĩ ngày xưa, trong dân-gian không ai biết tên tuổi. Bây giờ ở Hà-nội, việc khoa-cử cũng lần lần bỏ bớt. Người Pháp cho rằng con đường khoa-cử này tuy không có thực-dụng, nhưng vẫn còn buộc người ta phải đọc sách, và do đọc sách mà có thể tăng phát kiến-thức, tự thoát ra ngoài vòng trói buộc. Chỉ bằng bỏ quách thi-cử, thì bọn người đọc sách cũng không còn, người Pháp sẽ dễ bề-ngự-trị hơn. Cũng vì thế, người Pháp qui chuộng hạng người Việt-nam có biết ít nhiều Pháp-ngữ nhưng mù tịt về Nho-học. Và hiện nay hàng-ngũ quan chức làm việc cho Pháp toàn là hạng người xảo-quyết, thông-ngôn, ký-lục; còn hạng xuất-thân từ khoa-mục thì mười người chỉ được một hai. Hạng khoa-mục này vốn là hạng người bất 'cố liêm sỉ, bất thành diện-mục, vậy mà người Pháp còn nghi-ngờ dè-dặt; huống là đối với những nhân-tài chân-chính Nho-học thì chúng không nghi-ngờ sao được. Vì vậy người Pháp mới ra một cấm lệnh kêu trời van đất không thâu.

Trong nước, hiện nay nhà cầm-quyền Pháp cho thiết-lập một trường học Đại-Pháp (50), một trường học Pháp-Việt. Nhưng chỉ chuyên dạy bằng Pháp-văn, Pháp-ngữ, để có thể đào-tạo một số ít nhiều tay sai phục-vụ cho người Pháp. Thế thôi! Còn những điều tinh-vi sâu rộng, những điều thực-dụng hữu-ích, người Việt-nam không sao thấy được.

Ngoài trường Pháp-học đó, nếu có người Việt-nam nào xuất-dương du-học, hoặc giao-dịch với người ngoại-quốc để học thêm ngôn-ngữ văn-tự các nước, thì đều bị khép vào tội án-thông với ngoại-nhân mưu-phản và bị trừng-trị. Đối với hạng này, nhà cầm-quyền Pháp quyết tìm bắt cho được. Bản-thân bị giết đã đành, mà cha mẹ anh em vợ con cũng liên-lụy. Trái lại nếu bắt không được, thì gia-sản sẽ bị tịch-biên, phần-mộ bị khai-quật, cha mẹ anh em vợ con bị bắt cầm tù. Không biết dụng-ý của người Pháp như thế nào khi thi hành điều cấm kỵ như thế. Thử hỏi những người cầu học văn-tự ngôn-ngữ ngoại-quốc, cũng như giao-thiệp với người ngoại-quốc, có tội gì với người Pháp mà họ lại nghiêm cấm như vậy. (Hiện nay người Nhật-bản có lập nhà kỹ-nữ tại Hà-nội, Tây-cống, và Đà-nẵng, nhưng người Việt-nam cũng bị cấm không được qua lại các nhà này). Phải chăng như vậy là người Pháp đã làm cho nhân-dân Việt-nam u-mê mờ tối và các quốc-gia văn-minh cường-thịnh năm châu cũng đều bị người Pháp bưng tai bịt mắt chẳng hay biết tý gì?

Người Pháp còn một mảnh khoe quý-quyết khác là vừa vơ-vét tiền bạc, vừa làm lung-lạc, vừa làm ngu-muội nhân-dân Việt-nam. Đó là việc họ cho thiết-lập tại Việt-nam hai tờ báo: một là « Nhật-báo Đại-Pháp », và một là « Đại-nam nhật-báo » (chỉ hai chữ Đại-Nam này cũng đã cho thấy chỗ khôn-quyết của người Pháp. Rõ-ràng ai cũng biết là nhân-dân Việt-nam đã mất nước, thì còn « Đại » ở chỗ nào. Người Pháp toàn lừa dối cả Trời sao!) Cả hai tờ báo này đều đặt tại Hà-nội bên cạnh Phủ Toàn-quyền.

Báo tiếng Pháp do người Pháp nắm quyền điều-khiển. Nội-dung nói trời nói đất, chỉ có người Pháp mới hiểu. Còn người Việt không được biết đến. Báo tiếng Việt, cũng do người Pháp làm chủ-tịch, nhưng người Việt-nam được phân-công tham-dự. Tuy nhiên chúng chỉ chọn những phần-tử nào vô liêm-sỉ, hèn được tiền là coi nhà cầm-quyền Pháp như thiên-thần, như cha mẹ, hèn cầm đến bút là ca-tụng người Pháp, như bọn Vũ

Phạm-Hàm, Chu-Mạnh-Trinh chẳng hạn. Mỗi khi nhà cầm-quyền Pháp ban-bổ một lệnh gì, tuy lệnh chưa kịp thi-hành, bọn báo-chí này đã vội-vàng viết bài hết lời tán-tụng ca-ngợi « nhà nước bảo-hộ » ! Khi kiểm-đuyệt mà bài báo được Tây vênh râu khen « tốt! tốt! » thì mới cho đăng. Trái lại, nếu hơi có một lời nào phỉ-báng chính-sách hiện-thời, Loặc tổ về bi-phần về thời-sự, thì dù lời văn trôi chảy, ý văn hùng-hồn, nửa chữ cũng chẳng dám cho lên mặt báo. Báo-chí mà như vậy, phải chăng là khóa miệng lưỡi, bưng tai bít mắt mọi người ! Chỉ có một việc mà nhà cầm-quyền thích nhất là, khi báo in xong, gởi theo hệ-thống bưu-điện cho các xã-thôn buộc phải trả tiền mua báo. Phủ huyện lớn mỗi tháng báo-phí đến 30\$; phủ huyện nhỏ cũng phải 15\$. Còn các xã-thôn, lớn thì mỗi tháng 6\$, nhỏ cũng 3\$. Như vậy, hàng tháng người Pháp đã vơ-vét được hàng vạn đồng về tiền bán báo. Còn nhân-dân Việt-nam, thật chẳng khác nào như đứng trong sương mù mà nhìn trời. Sao khỏi buồn cười được !



CHƯƠNG THỨ TƯ

NHÌN VỀ TƯƠNG-LAI VIỆT-NAM

NGHE kể tới đây, cổ họng ta như tắc nghẽn, nói chẳng nên lời ; mặt ta nóng ran, lông mày dựng đứng ; ta ngược mắt nhìn người kể chuyện, nói :

Thật sao ! Quả thật nước Việt-nam sẽ luân-vong sao ! Giống người Việt-nam sẽ biến thành loài trùng mặt nước, loài kiến trong đám lửa ; và một trăm triệu dân da vàng sẽ hóa thành hàng vạn hàng ức người da trắng sao ? Điều đó chưa thể biết được.

Chỉ một mình Thân-Bao-Tự mà giữ được nước Sở, cũng chỉ vì có ba họ nước Sở mà nước Tần mất. Nếu dân-tộc Việt-nam đều có tâm huyết thì chung cuộc mất hay không mất, điều đó cũng chưa thể biết được. Mạnh, yếu, lớn nhỏ là phần thân xác hữu hình ; dũng, khiếp, thật, giả là cái tinh-thần vô hình. Lấy tinh-thần đương đầu với thể xác, càng mài luyện càng cứng, càng về lâu càng mạnh ; lúc đầu chưa thể thắng, cuối cùng cũng thành-công, chỉ hơn nhau ở chỗ dũng hay không dũng, nhiệt-thành hay không nhiệt-thành thôi !

Nếu quả người Việt-nam năng lòng yêu nước, nhiệt-thành miễn chứa như loài ong, thể sống chết với giặc, liều mình như hổ báo giữ con ; cho dầu trời nghiêng đất sụp, non đồ biển khô, mà tâm nhiệt-thành, lòng hy-sinh dũng-cảm không hề

họ chịu sống với giặc Pháp, và chẳng phải giống người, thì thật ta chẳng dám nói như vậy.



Còn một hạng người nữa, tổ-tông cha mẹ vốn đều là dân Việt, anh em vợ con theo đạo Gia-tô; cùng sinh cùng dục, ai chẳng phải là người ở đời đạp đất đội trời, với ta cũng là anh em, có điều gì phải hiềm nghi nhau. Cho nên, gát sang một bên âm-mưu ngày trước của người Pháp (56), chỉ biết hiện nay họ cũng đang cùng chịu tai-họa của người Pháp. Từ vài mươi năm nay, đối với người theo đạo Gia-tô, người Pháp vẫn không cho hưởng một sự khoan-dung nào trong các trọng hình trọng phạt. Người theo đạo Gia-tô cũng chẳng được giảm một đồng sưu thuế nào ! Thật là cái ơn 100 năm trước dẫn lối đem đường, nay lại trở thành thù oán ; mấy mươi vạn sinh-linh những mong được phúc nay đều mang họa. Xem đó thì biết lòng dạ trở-tráo của quân giặc Pháp ! Phải đâu như đồng bào Việt-nam chúng ta cùng tin-tưởng nhau. Cho nên quý gởi đi thờ giặc sao bằng đồng lòng bảo-vệ giống nòi ! Cõi thiên-đường đời sau chưa thấy, những mong hiện-tại hòa-bình ; địa-ngục trước mắt thương thay, nỗ ngồi trông cảnh tình đồ thán !

Thử ngồi lặng mà suy, đồng-bào Gia-tô-giáo cũng là dân Việt-nam, tất phải bảo-vệ đất nước mình. Có như vậy mới là người dân theo đạo Thiên-Chúa, mới là người dân theo Thiên-Chúa Cứu-thế-giáo, mới là đồng-bào Việt-nam. Còn nếu như không chịu diệt giặc Pháp, chỉ ngồi nhìn bọn giặc làm hại người Việt, thì đâu còn là tín-đồ Thiên-Chúa, và như vậy trong đạo Thiên-Chúa, Cứu-thế không có đạo-lý ấy, cũng như trong đồng-bào Việt-nam không có hạng người ấy.

Đây là hạng người theo Thiên-Chúa-giáo mà lòng quyết tiêu-diệt giặc Pháp để bảo-vệ đồng-bào, bảo-vệ đạo-giáo. Nếu bảo rằng dân Gia-tô-giáo không có tư-tưởng diệt Pháp, thì nhân-dân Việt-nam quyết không nói như vậy.



Còn một hạng người hèn-hạ mưu-sinh há miệng chờ ăn, quanh năm rút bòn máu tủy không đủ cung cho sưu thuế. Ngày ngày xuôi ngược, đi làm thuê cho giặc cũng chẳng đủ ăn, vợ con nheo nhóc, lại còn lo dịch-lại kêu đòi, lời sư-phụ dạy răn cũng mặc, chỉ sợ tuần-đinh trót tay. Tình-cảnh như vậy còn sống làm sao, thân hình như thế, khổ chẳng chết liền ! Ta đâu phải là cá thịt, những ngại cho dao thót tung-hoành, khốn nỗi thời thế hiềm anh-hùng, giang-sơn vắng lặng. Há họ lại không biết rằng :

*Dại cũng chết mà khôn cũng chết
Cống đầu chui rúc mãi như ai.*

Rồi ra vạn sự đảo đầu, một trường thi mạng. Nếu chẳng may mà chết, còn được tiếng là anh-dũng, chết mà sung-sướng, mà được tiếng thơm. So với cái chết xơ-xác mỗi-mòn, từ từ đợi chết, như con chó đói chết, như con cá chết khô, rồi cũng chết cả, mà chết chẳng ai hay ; thật vinh nhục khác xa nhau biết bao !

Huống chi, người Việt-nam chúng ta đông 50 triệu, nếu thật lòng đồng tâm hiệp lực góp sức chung tay, kẻ nhen lửa người gát củi, cùng tiến bước, đấu-tranh với quân Pháp, thì vạn người Việt cũng giết được 100 tên giặc Pháp, ngàn người Việt giết 10 tên giặc, và 100 người Việt cũng giết được 1 tên. Bốn năm ngàn tên giặc chỉ 4, 5 vạn người Việt chúng ta là có thể giết xong. Loại người mất tro râu quăn, làm sao sống chung nổi với người Việt. Được như vậy, người Việt-nam nhất định không bị tiêu-vong. Ta biết dân-tộc Việt-nam đan-khổ cũng đang có những tư-tưởng như vậy. Và tất nhiên dân-tộc Việt-nam sẽ mạnh-mẽ vùng lên, quyết đấu-tranh với giặc Pháp, quyết không để cho giống người da trắng mất tro râu hồ sống sót một tên nào trên đất nước này.

Đây là hạng người Việt cương-quyết không chấp-nhận một chế-độ hà ngược, nhất định tiêu-diệt giặc Pháp. Nếu như bảo rằng họ không có ý-chí tiêu-diệt giặc Pháp, tức là xem

một phút hao mòn, thì như vậy là tinh-thần đã sung-mãn, thể-xác phải dùng-mãnh; mấy ngàn thẳng quỉ Pháp thần oán người cả n. nhất định không thể cùng sống lâu với 50 triệu người dân Việt cương-quyết diệt thù được; chỉ trong chốc lát mà thôi. Nếu như mọi người Việt-nam đều có tâm huyết như vậy thì làm sao mất nước được!

Đúng thế!

Thử hỏi người Việt-nam có tâm-huyết không? Thật là điều khó nói quá! Vì nếu bằng vào những sự-kiện rõ-ràng thì quả thật như không một người Việt-nam nào có tâm-huyết cả. Nhưng nếu để ý đến tinh-thần hồng-bột ngấm ngấm thì lại không một người Việt nào là vô tâm-huyết. Vì có bao giờ họ bày tỏ can-trường cho thấy rõ, riêng ta cũng phải từ trong lòng họ mà ra. Tuy nhiên, Việt-nam là quốc-gia của một giống người, chứ không phải của loài thú-vật, cho nên ta cứ theo cái lẽ người mà suy ra và trình-bày cho mọi người rõ.

Trước hết, nói đến hạng người vốn dòng phiệt-duyet, vọng tộc Nho-gia. Toàn gia-đình họ đời đời hưởng lộc trời chận ơn vua, trên một trăm năm nay trong cảnh phú-quí của họ, có miếng đỉnh-chung nào lại không phải là tủy máu của nhân-dân Việt-nam. Một vài kẻ đứng-dĩnh ngựa xe, xênh-xang áo mào, cũng có đầu óc người Việt.

Vậy mà xót-xa thay khi trời long đất lở, dâu biển đời đời, tru giòng trời (51) không người nâng đỡ, chống nhà lớn (52) chẳng biết nhờ ai! Lúc bình thời, họ chịu ơn vinh-hiền của quốc-gia như thế, sau đến lúc biến, trước họa-hoan của non sông họ lại đành nhìn mà chịu làm ngư! Canh khuya trông hóng, vượt bưng gấm mình, thử hỏi tổ-tôn cha mẹ ở đâu sinh ra ta, thử hỏi cơm áo vợ con do đâu mà có! Một sáng ngoại-nhân tới, làm trời làm đất gì cũng mặc, sao ta lại có thể chịu ngồi yên! Ta đâu phải giống trâu heo, đâu phải loài gỗ đá, sao ta lại cam chịu thờ phụng người Pháp được! Xưa kia Trương-Tử-Phùng cam tâm phá-sản chỉ vì nghĩ tới năm đời chịu ơn (53), và Văn-Thiên-Tường chịu hao tài cũng chỉ vì không phụ

cái công hàng 100 năm dưỡng-sĩ. Nhắc tới can trường của cô-nhân, chắc rằng con em Việt-nam sẽ phấn-khởi lên mà nói: các vị đó là người thế nào, còn ta là người thế nào? Nếu chúng ta cũng có hành-động như họ, thì có khác chi nhau!

Hạng người như vậy, chính là người Việt-nam quyết đền ơn nước, nhứt quyết tiêu-diệt giặc Pháp. Còn bảo họ không quyết diệt trừ giặc Pháp là họ không phải giống người, thì nhất định họ không như thế.

Lại có một hạng người khác nào lũ con đồ nhà Châu (54), bày duy-dân của nước Tống (55); mưu sự Cần-Vương đối với họ là nghĩa đương-nhiên. Vậy mà một người khởi-nghĩa, toàn gia tiêu-vong. Đánh giặc thì có tội gì, vậy mà con đi truyền quân hịch, cha phải vào tù. Giặc Pháp giết hại cha mẹ sư-trưởng họ, tàn-sát vợ con anh em họ, phá hủy nhà cửa, tịch-biên gia-sản họ. Mỗi thù đó, có một ngày nào họ nữ hỏ quên sao? Nếu như họ quên nhà cửa, tài-sản được, thì ta cũng mong cho họ quên. Nhưng ta thử hỏi cha mẹ sư-trưởng của họ bây giờ ở đâu rồi? Phải chăng đã bị giặc Pháp giết hại? Ta hỏi anh em vợ con họ bây giờ ở đâu rồi? Phải chăng đã bị lũ giặc tàn-sát hết? Ra đời vô ngục nam-nhi, danh xưng thật đẹp, mà cúi đầu thờ phụng giặc thù, thật là đồ ô-uế trong vũ-trụ. Họ làm nam-nhi với danh xưng tốt đẹp hay là vật bán nhơ? Chỉ biết ăn cho no, mặc cho ấm rồi cùng sống chung với giặc, họ sẽ ăn nói làm sao với các bậc cha mẹ, sư-trưởng, vợ anh em vợ con đang hàm-oan nằm trong lòng đất! Nhưng ta vốn biết họ là giống dòng Việt-nam, không phải nòi giặc Pháp, ta biết họ sẵn huyết-tinh nam-nhi chứ không như loài chó lợn; ta cũng biết họ đang ngấm-ngấm suy-nghĩ đề anh-dũng quật-cường; họ sẽ dơ tay lên mà hô to: «Hỡi quân thù, hỡi quân thù! Ta thề quyết tận-diệt lũ mày đề ăn gan uống máu!»

Hạng người này đối với giặc Pháp vốn vừa có thân-cừu, vừa gia cừu, chắc chắn không chung trời với giặc. Nếu bảo

họ là loài thảo mộc, không phải là người. Ta không tin như vậy.



Lại còn một hạng người quả thật là chân-chính, xứng đáng là dân da vàng, là nam-nhi nước Việt. Họ vốn không chịu ơn vua lộc nước, cũng chẳng có thù gì với Pháp, nhưng chỉ vì là dân da vàng mà quyết không chịu để cho dân da trắng làm cá thối.

Đội trời đạp đất đứng giữa cõi đời làm người, họ tin đại cuộc lấp biển đời non, mọi việc đổi thay, tình-thế đều do tự mình quyết-dịnh cả. Hạng này thật không phải là nhiều, nhưng nghĩ rằng trong dân-tộc Việt không có một người nào, thì chẳng đáng hồ thẹn sao! Ta tha-thiết mong rằng dân-tộc Việt-nam có hạng người ấy, và tin chắc rằng Việt-nam có hạng người ấy!

Đối với hạng này, ta cứ lấy nhân-lý mà bàn: dân-tộc Việt chẳng phải là một giống thú-vật. Nước Việt chẳng phải là một nước thú-vật, tất nhiên tâm-trạng họ phải có như vậy.

Tuy nhiên, ta cũng chưa tin hẳn. Vì ta biết từ khi bị Pháp chiếm, dân-tộc Việt-nam ai cũng như ai, chỉ làm nô-lệ cho quân giặc. Chẳng hạn như loại Hoàng-Cao-Khải, Nguyễn-Thân, là những tên đã dốc toàn-lực phục-vụ giặc Pháp, gây tai-họa cho người Việt, giúp người khác giống làm cá thối đồng-bào. Cho nên bảo rằng dân-tộc Việt-nam không có hạng người như thế, và người Việt-nam đều có tâm-huyết thì thật khó lòng tin nổi. Thật là đau xót!

Nhưng nói đến lòng người Việt, thì chính ta lại đặt niềm tin vào hạng người này, ta đặt hy-vọng vào hạng người này. Ta cứ lấy ví-du: nhà có một người con gái, mà hai gia-đình hàng xóm Đông, Tây hai bên đều muốn lấy làm vợ. Con nhà bên Tây đẹp nhưng lại nghèo, con nhà bên Đông xấu nhưng

lại giàu. Hỏi nguyên-vọng con gái như thế nào thì nó trả lời: ăn cơm ở nhà bên Đông, nhưng sang ngủ nhà bên Tây. Bọn Nguyễn-Thân, Hoàng-Cao-Khải sao không biết làm như vậy? Há lẽ bọn này lại thích làm vợ tên xấu mặt sao? Chỉ cần ăn cơm thôi mà! Vậy thì Nguyễn-Thân đời đời đã chịu ơn nước Việt, cha Thân là Bà-tước của nước Việt, Thân là danh-gia tứ đệ, biết đọc sách thánh-hiền, biết bàn luận về việc này người nọ thật là thông suốt dễ nghe. Còn Hoàng-Cao-Khải, dự khoa thi Việt, được cho đỗ Cử-nhân, thật là thiếu-niên sung-sở, có tư-tướng lập công-danh. Tuy cả hai hiện đang làm tay sai thực-sự cho Pháp, nhưng bảo họ là tay sai, chắc-chắn họ không nhận như vậy! Sở-dĩ họ hết lòng phụng-sự người Pháp hoặc là vì thời-thế bức-bách đập-dồn, đi sai đường lạc lối, hay là ủy-khúc đời thời-cơ, thật chưa biết được.

Một phút sa chân thành thiên cổ hận, ngoảnh đầu nhìn lại, một đời đã xong! Đến như hạng người hèn-hạ buồn người bán thịt mà còn có chút lương-tâm, còn biết Việt-nam vốn là tổ-quốc của cha ông mình, của đồng-bào mình, không nỡ ngồi nhìn giặc Pháp phá-hoại, huống là bọn Thân và Khải. Cho dầu là người cuồng-dại tán tận lương-tâm, cũng chưa đến nỗi bỏ quên đất nước, chạy theo mỗi phú-quí trước mắt để mua lấy ô danh đời sau. Khải và Thân vốn cũng tự biết không hay ho gì về hành-động thất sách của mình, hơn nữa, thái-độ của giặc Pháp như thế nào há cả hai lại không biết hay sao! Thở chết giết chó, chim hết gác cung là chuyện xưa nay vốn thế, mà với người Pháp, chúng lại càng tàn-nhân hơn nhiều! Giương tay liếp Nguyễn-văn-Tường ngày trước còn sờ ra đờ.

Than ôi! Thân và Khải đều có trí-lược, đều biết đọc sách thánh-hiền. Người có trí-lược tất biết rõ thời cơ; biết đọc sách thánh-hiền tất mạnh-dạn cái quá. Một mai đổi hướng bánh xe, vùng lên trở đảo, vì cha ông đáp đền ơn nước, vì đồng-bào mưu cuộc sống dài lâu. Hai người thế-lực lại lớn, công-cuộc vận-động tất dễ-dàng. Trước đây vì phục-vụ giặc Pháp mà nỗ-lực những 20 phần, thì ngày nay, vì lợi-ích đồng-

bào lại càng nên tăng lên trăm ngàn lần hơn nữa! Đĩ già hoàn-lương vẫn còn hơn là gái già thất-tiết. Nếu Thân và Khải có quyết tâm làm được như vậy thì thật là mưa tạnh mây tan, trời xoay đất chuyển. Thế-lực hai người dồn vào đại-cuộc càng nhiều, mạch sống đất nước Việt-nam càng được nâng đỡ, và lòng người Việt-nam càng mong nhờ vào hai người đó. Đối với hai người đó, ta sẽ tôn-kính họ, ca-tụng họ, dựng tượng đồng bia đá để kỷ-niệm họ.

Đàng này cả hai đóng cửa ngủ ngon, để mặc đồng-bào Việt-nam tự quyết định vận-mạng của mình, đối với đồng-bào, họ thật chẳng còn một chút ích-lợi nào nữa. Thật khác nào như trời với vực!

Mặt khác, ta cũng không thể tin được, vì ta biết người Việt-nam chịu đi lính cho Pháp, nếu là phủ huyện nhỏ không dưới vài trăm, và tỉnh lớn cũng không dưới vài ngàn người. Tính chung toàn quốc số lượng lính tập cũng đến 3, 4 mươi vạn.

Làm thân tu mi của giòng giống Việt mà chịu làm đạn mang vai, súng giắt lưng cho người Pháp, chịu để cho người Pháp sai khiến, bảo sang Đông cũng đi, sang Tây cũng đến! Biết bao nhiêu người Việt-nam tóc xanh răng đen hiện đang được kết tập theo sau lưng người Pháp, chịu để cho chúng tay dẫm chân đá, suốt ngày chẳng biết xót-xa, người mà như vậy, còn bảo là có tâm huyết được sao! Ta không tin như thế! Nhưng chẳng muốn giải-thích cho rõ làm gì. Chỉ nói một cách khái-lược làm ví-dụ:

Có con chim cưu ngày ngày lo làm tổ để cho chim thước đẻ. Có người nhà giàu ngày ngày lo dạy con gái để về làm việc cho nhà con trai. Người Pháp trói buộc cha mẹ anh em, dồn họ-hàng làng nước vào thế cùng khổ, vậy mà lại còn bắt buộc họ người này làm nanh vuốt cho chúng, thì há lại không biết quay trở lại mà diệt chúng sao! Không có lý như vậy! Ba bốn mươi vạn lính tập người Việt, được người Pháp thao-luyện; khí-giới của Pháp, lính tập Việt cũng đang cầm

trong tay. Mang khí-giới Pháp để cùng lính Pháp ra trận..., lính tập Việt thật đáng gọi là trung-thành với Pháp vậy. Thế nhưng, cha mẹ anh em lính tập đang bị ai trói buộc, họ-hàng làng nước lính tập đang bị ai làm cho khốn-khở? Lính tập vẫn thường sut-sùi mà kẻ-lề như thế! Huống chi, khi công cuộc xâm-lược đã xong, người pháp đối-dãi với lính tập chẳng còn ân nghĩa gì nữa! Mà ngày lại càng gò bó gắt-gao, phục-dịch ngày càng nhiều, trong khi lương hưởng ngày càng giảm bớt. Trước kia, lương tháng lính tập còn được 10\$, hoặc 12\$, có khi nhiều đến 15\$. Thế mà nay chỉ còn 8\$, hoặc 6\$, hay ít hơn nữa, chỉ còn 4, 5\$. Chiến-trường lửa đạn, xem lính tập như thiên-thần, đến khi tình-thế lặng yên, coi lính tập như cỏ rác. Cắt cỏ cho ngựa, lính tập; quét dọn cũng lính tập; trước kia làm gì có chuyện đó, vậy mà nay thì như thế thật! Chém cây đẵn gỗ, lính tập; gánh nước chở củi cũng lính tập, trước kia làm gì có như vậy, mà nay lại như thế. Người Pháp lang sõi như vậy, người Pháp quĩ-quyết như vậy, lính tập vốn thừa biết! Làm người ai không có cha mẹ anh em, ai không họ-hàng làng nước; cũng tai mắt như nhau, ai là người lại vô tâm huyết? Cắt thịt mẹ cha anh em mình để cho mình ăn no! Lòng dạ các chú lính tập yên được sao! Hút máu mủ họ-hàng làng nước mình để làm ngọt miệng mình, các chú lính tập vui-vẻ được sao! Các chủ được người Pháp trả cho mỗi tháng bất quá 10 đồng bạc, nhưng da thịt các chủ cũng đã bị người Pháp buộc phải trả lại cho chúng biết bao ngàn vạn! Chính-sách nạo vét của chúng thật biết bao giờ mới chấm dứt!

Đau xót biết bao nhiêu, xào nấu đồng-bào mình để nuôi béo lũ giặc, vậy mà mình vẫn tự-nguyện vui-vẻ vác củi nhen lò! Tình người há lại như vậy được sao? Cho nên bảo rằng anh em lính tập thật lòng với Pháp, bảo rằng họ phản lại đồng bào, bảo rằng họ giúp tay giặc Pháp đánh lại người Việt, chắc-chắn là không có lý như vậy được!

Lính tập, lính tập! Các chú há không là người sao? Lính

tập, lính tập! Các chú lại lòng dạ dè dặt sao! Chắc-chắn lính tập không phản-bội đất nước, lính tập không giúp sức cho bọn giặc, và lính tập vẫn mang nặng tằm lòng tiêu-diệt giặc thù!

Và có bài ca như sau (57):

Các chú lính tập
 Các chú lính tập
 Chú ở An-nam sinh
 Chú ở An-nam trưởng
 Chú sung chú sướng
 Chú phủ chú phê
 Chú mần hạn về
 Thuế sưu chú chết
 Họ-đương chú la-liệt
 Thân-thích chú xác-xơ
 Chú nghĩ lại biết chưa
 Tây thương yêu chỉ chú
 Tây công ơn chỉ chú
 Chú con một họ
 Chú cháu một nhà
 Yếm bà lại buộc cổ bà
 Lạy lạy chú!
 Trăm lạy, ngàn, vạn lạy chú!

★

Đâu phải chỉ có bọn lính tập sao! Lại còn bọn thông-ngôn, ký-lục, thậm chí có bọn còn làm bồi bếp, cho Pháp..., tất cả vốn là người Việt, vốn có tâm-trang như lính tập. Há hạng người này lại quên đất nước của tổ-tiên cha mẹ, cam tâm làm tay sai cho Pháp sao! Không lẽ tất cả đều chạy theo giặc Pháp để làm cá làm thịt đất nước tổ-tông cha mẹ sao!

Quân cướp nước nhất định phải nguy, nhất định phải nguy!

PHỤ - LỤC

LỜI NÓI ĐẦU VỀ VIỆT-NAM VONG QUỐC SỬ

(Chép lại theo lời một người
 Việt-nam lưu-vong)

★ Lời người phiên-dịch

Cứ nhan-đề đoạn văn, đáng lẽ chúng tôi phải xếp lên phần đầu « Việt-Nam Vong Quốc Sử ».

Nhưng theo nội-dung, đoạn văn dưới đây là của Âm-Băng-Thất Chủ-nhân Lương-Khải-Siêu tường-thuyết lại câu chuyện trong buổi sơ-kiến giữa Ông và chí-sĩ Phan Sào-Nam — dĩ nhiên là trước khi Phan Sào-Nam viết « Việt-Nam Vong Quốc Sử ».

Và chẳng, nội-dung đoạn văn cũng như một bản tóm-lược « Việt-Nam Vong Quốc Sử ». Chỉ ở những dòng cuối cùng, Âm-Băng Chủ-nhân mới đưa ra một nhận-xét — rất xác-đáng, theo thiển-ý chúng tôi — về quá-trình phát-triển từ đế-quốc La-mã đến chính-sách thực-dân xâm-lược của các cường-quốc Tây-phương, cũng như niềm tin của Ông vào cuộc tranh-dấu tự tồn tất thắng của dân-tộc Việt-nam.

Chúng tôi phiên-dịch phần Phụ-lục này với dụng-ý trình hầu Quý VỊ « dư-âm hào-hùng » của một tác-phẩm cách-mạng.

NGUYỄN-QUANG-TÔ

MỘT hôm Âm-Băng tôi đang ngồi trong nhà, đọc bản, sách bình-luận về việc Nhật-bản thống-trị Mãn-châu. Bỗng có một người nói là người Trung-quốc tới xin gặp, nhưng không cho biết tên tuổi là gì. Người khách lại đưa một lá thư tự giới-thiệu, trong lời phát-đoan cho biết: « Chúng tôi là người lưu-vong, là duy-dân ở Nam-hải; hàng ngày đang tranh sống với một bọn sài lang. Thường khi mỗi mắt trông trời, chém gươm xuống đất, trong lòng u-uất hậm-hực thật chẳng còn muốn sống. Ôi! Thà chúng tôi chết,

chúng tôi thật không còn một sinh thú nào làm người ở đời nữa!» Tiếp đó, thơ của khách lại bày tỏ nguyện-vọng chân-thành muốn được gặp tôi với lời lẽ: «Trước khi chết xin được gặp Ngài. Tôi gặp được Ngài rồi thì chết cũng không ân-hận gì nữa!»

Àm-Băng tôi nghĩ rằng: Cùng một tiếng khóc nằm đất nên đã biến thành tương tri, mười năm mãi đọc thư cũng trở thành thông-cảm. Suy-luận như vậy nên càng tự tin rằng không phải vô cớ mà khách lạ đường đột tới nhà.

Tôi nhận thư và thiếp xong, khách vào nhà, thì ra còn có một người đi theo khách nữa. Người theo khách chừng đã ở Lương-Quảng vài mươi năm, có biết nhiều ngôn-ngữ địa-phương này (58).

Hình-dung khách tuy tiêu-tụy, nhưng trông vẫn có vẻ tuấn-vĩ bên trong. Trông biết ngay không phải là người tầm-thường.

Chúng tôi bút-đàm với nhau được vài khắc, nhưng vì phòng khách quá ồn-ào chưa thể kết-thúc câu chuyện được. Con em trong nhà nhận thấy khách lạ, cũng muốn xem phong-thái và cách ăn nói của khách ra sao; và lúc bấy giờ đứng hai bên chúng tôi cũng đến mười đứa. Vì vậy chúng tôi hẹn nhau sẽ gặp lại. Hai ngày sau, theo đúng hẹn, chúng tôi gặp lại nhau tại một túp-lầu nhỏ — túp-lầu Thái-bình-dương ở Hoành-tân. — Nơi đây trời cao biển rộng, phong-cảnh đẹp tươi, khí xuân phóng-khoảng tràn ngập trong ngoài. Vậy mà ai biết bên trong đang có người nước mắt đầm-đìa!

Ngồi vừa yên chỗ. Tôi mới hỏi về hành-trình của khách ra sao. Khách trả lời: «Từ khi Việt-nam mất nước, chính-phủ Pháp nghiêm cấm việc xuất-ngoại; mọi âm-mưu vượt biên-giới sẽ bị tội chết, nếu có được giảm nữa cũng phải đầy đi Côn-lôn (một hòn đảo nhỏ ở bờ biển phía Nam Việt-nam, là một nơi danh-thắng). Những người như tôi, người Pháp lại càng theo dõi sát-sao hơn. Muốn xin một giấy thông-hành đi lại trong nước cũng không được, nói gì đến việc xuất-dương. Riêng tôi, khi ra đi đã phải ăn mặc theo lối Trung-quốc, mạo-nhận quốc-tịch Trung-quốc, giả dạng người làm công cho một thương-gia Hoa-kiều tại Việt-nam mới đi thoát được.

Thế nhưng! Một người trốn thoát, thì bà con họ-hàng lại bị giam cầm giết hại. Như hoàn-cảnh tôi thật đau-xót căm giận muôn vàn: nuôi mẫu-thân cho tới ngày người mất, sau đó, tôi phải đem gởi giữu vợ con tới nơi xa-xôi heo-lánh, rồi bấy giờ mới tính được việc trốn ra ngoài». (59)

Tôi nói: «Hoàn-cảnh của khách thật đáng thương tâm!». Khách

uả lời: «Phải đâu chỉ một mình tôi! Những vị trưởng-lão quý-tộc trong nước, hoàn-cảnh lại càng thảm-thiết hơn nhiều!» Nói xong, khách bèn lấy từ trong một bao da nhỏ ra một vật đưa cho tôi xem. Tôi xem xong mới rõ là đơn xin cấp giấy thông-hành của Kỳ-Ngoại-Hầu. Đơn viết:

«Đông-Cung Hoàng Thái-Tử
hầu kính bằ đơn xin việc như sau:

Nguyên con trộm nghe Quý Quốc có

.....
con vốn là kẻ sơ-sinh chưa hiểu sự thế như thế nào

Nay con xin phép được mang theo hai người nhà cùng đi với con tới gọi là cung bãi chút tình, đồng thời để

thuận-tiện khi trở về thu-tập hải
cốt, hầu mai-táng, khỏi chịu cảnh trôi dạt.

Kính xin quan Khâm-sứ đại-thần ở Huế thương tình chấp-thuận, cấp-phát cho con một giấy thông-hành để phòng mọi sự trở-ngại.

Nay kính bằ.

Thành-Thái.... niên.... nguyệt.... nhật.»

Giấy dùng là một mẫu giấy in có đóng thuế của nhà cầm-quyền Pháp; có chữ ký và con dấu của Khâm-sứ Pháp.

Tôi đọc qua một lượt, nước mắt trào ra ướt đầm mí mắt, rồi buột miệng nói: «Thương thay, thương thay! Báu ngọc san hồ tay rách rách mang, công-tử vương-tôn đầu đường xó chợ!»

Tôi lại hỏi tính-danh là gì thì khách vẫn không chịu nói, mà chỉ khàn-khoàn xin làm người tôi tớ! Giòng dõi quý-phái của một vong-quốc lại ở trong một hiện-trạng như thế này sao! Cái chuyện xưng con xưng cháu ở đời Tống cũng là do trời vậy!

Lúc đó, nước mắt khách cũng tầm-tả tuôn rơi, ướt đầm tờ giấy dùng để bút-đàm.

Tôi vội nói: «Xin khách ráo lệ, nói hết lời cho! Tôi vẫn nghe Việt-nam còn có vua, nay không biết nhà vua ra sao?»

Khách đáp: «Sau trận tấn-công năm Ất-Dậu, người Pháp đã đưa vua Hàm-Nghi của chúng tôi sang Alger ở Nam-Phi; và cấm tuyệt người Việt-nam qua lại tin-tức thăm hỏi; tới nay là 20 năm rồi, nhà vua sống chết ra sao không rõ. Vua hiện giờ hiệu là Thành-Thái, vốn

trước là Thân-vương, nay được người Pháp lập nên. Khi lên ngôi Ngài mới có 10 tuổi. Vì người Pháp thấy không có lợi nếu nước chúng tôi có vua lớn tuổi, nên mới lập Ngài lên, hàng năm Pháp cho hưởng lương 6.000\$. Chỉ có thế! Phàm việc khen thưởng từ hàm Tông-tử-phẩm trở lên, trừng phạt từ tội 10 trọng trở lên, đều do quan-lai Pháp định-đoạt. Trong cuộc sống chấy rận đó, ôi còn gì!»

Tôi nói: «Tôi thành-thực xót thương hoàn-cảnh của khách, thành-thực kính mến khách. Chẳng hay anh-hùng chí-sĩ của quí quốc phỏng được mấy người, mà đành làm nô-lệ cho người Pháp, mong giữ lấy hơi thở héo-hắt nhất thời để tự an thân!»

Khách đáp: «Đệ-tử tắm gió gội mưa, vượt hiểm-nguy, bôn-tàu trong nước đã ngót 20 năm trời; lên ngàn xuống biển, khắp đó cùng đây, nay xin thế chẳng dám đặt chuyện đối Ngài. Nếu như kiểm-điểm người nước tôi, thì có thể chia làm 5 hạng:

Hạng quyền cao chức trọng, từng chịu ơn áo cơm của đất nước đã vài trăm năm nay. Vốn có chí như Trương-Lương mưu diệt Tần để báo thù cho Hàn-quốc. Nhưng giới thượng-lưu quí-phái ấy vốn đã quen tính ăn sung mặc sướng. Tuy vậy không phải hoàn-toàn không ai có tinh-thần đấu-tranh mãnh-liệt. Hẳn còn có một đôi nhà danh-gia thế-phiet, được người đời trọng-vọng, cũng biết tùy cơ đấy nghiệp, thừa thế nổi lên. Người có khả-năng mưu-đồ đại-sự như vậy thì trong vài mươi cũng có được một.

Chỉ có số người vì nước loạn mà trở thành cô-nhì nghiệt-tử; sau trận quốc-biến Ất-Dậu, chiếu Cần-Vương ban xuống, nhất tề nổi dậy như sóng cồn thác đổ, ở những vùng như Nghệ-an, Hà-tĩnh, Bắc-ninh, Sơn-tây..., người ta vùng dậy cuồng-nhiệt như con thiêu thân lao vào ánh lửa, như đàn ong luyến tở. Cho nên kẻ đề-xướng khởi-nghĩa cũng rất nhiều, và chống nhau với giặc cũng khá lâu. Đến khi tàn cuộc, bị tàn-sát cũng rất ghê-gớm. Số người này nếu ai còn sống sót, thì họ tìm nơi ẩn náu, nhưng lòng vẫn chất-chứa phần-uất căm-thù. Mỗi thù chung của nước cộng với thù riêng của nhà, nếu gặp dịp là họ vùng dậy ngay. Mặc dầu thế-lực chẳng có bao nhiêu, nhưng với hùng-khí dám hy-sinh, không bao giờ họ sợ chết. Nhìn chung trong nước, 10 người cũng có được 1, 2 người như thế.

Rồi tới hạng người thứ ba, là những người không còn sinh-lộ, thâm-thiết bơ-ơ, sống không yên-ổn, muốn chết cũng không xong; lòng khát-vọng mệnh-mông, khác nào trông đợi mưa rào tuôn đổ. Họ không hề lo nghĩ gì xa-xôi, chỉ biết hề có ai kêu gọi thì sẵn-sàng hưởng-ứng. Mấy người như thế, 10 người cũng có được 5.

Rồi đến hạng con em những gia-đình có học, đau buồn vì cảnh nhà vận nước, bôn-tàu ngược xuôi, lấy máu làm cơm ăn, nước mắt làm nước uống, nguyện thà chết theo nước, chứ không sống chung với giặc; ân oán bạn thù dứt-khoát, chỉ dốc một bầu tâm-huyết nhiệt-thành, đứng thẳng giữa khoảng trời đất. Thật ra hạng người này cũng đã bị tiêu-hao lần hồi, chẳng còn được mấy. Tuy nhiên, một dân-tộc khai sáng đã lâu đời, trước một tình-thế đòi hỏi giải-phóng rất cấp-bức, thì một tiếng gà nổi lên trong buổi gió mưa cũng thâu đến trời xanh. Mấy người như thế, trong 100 người cũng có 1, 2.

Tất cả 4 hạng vừa kể, nếu cộng lại cũng đã chiếm 8/10 dân-số Việt-nam chúng tôi. Ngoài ra, toàn là bọn tránh hồ, ốc độc bị-đi. Vô tài bất trí, bọn chúng chỉ biết trung-thành với chủ Pháp, với manh áo chén cơm. Một mai có xảy ra chuyện gì, thì bọn chúng cũng chỉ là những đòi bọ trong xương bồ ra cho giúp người Pháp mà thôi.

Tôi đáp: «Thương thay! Vi-đại thay! Lời khách nói đúng chẳng. Nếu quả như vậy, thì thật đáng hổ-thẹn cho Trung-quốc này! Có con dân như vậy, làm sao mà nước mất được!»

Khách nói: «Lúc Việt-nam chưa mất nước, hạng người phản-bội giúp giặc đều chỉ vì lợi riêng mà dẫn đường cho chúng. Hạng thứ nhất là tín-đồ Thiên-Chúa-giáo. Hạng khác nữa là bọn thông-ký. Họ không biết rằng sau khi vua bị bắt rồi thì «chim hết, gác cung», người Pháp chỉ xem họ như bầy nô-lệ. Từ trước khi nước chưa mất, những lợi quyền đặc-biệt cũng đã bị vơ-vét không còn một chút gì; cho đến khi các giáo-sĩ từ bên Tây sang, thì lại càng trời buộc, xem họ như cá thối. Vì vậy mà các tín-đồ sáng-suốt đã oán-giận vô cùng. Trước đây 10 năm, họ đã ngầm liên-lạc với hải-thuyền của Anh-quốc, mưu-đồ tính việc làm cho hả giận; nhưng cơ-mưu bị lộ, họ đã bị giết hàng 100 người. Nói chung hạng này đến nay là giáo-đồ, mà trước kia là loài ưng khuyển.

«Nếu có kẻ đi làm thuê làm mướn cho nhà quan, thì lúc đầu tỏ ra hí-húy khôn-khéo để hồng lập công chó săn, để khi được mồi, chủ cho hưởng cơm thừa canh cặn. Đến lúc bụng sắp đầy thì liền bị chop đầu. Hạng này thật đáng là công-cụ cho giặc Pháp. Sống kiếp nô-tỳ 20 năm trời, kiếm chác được may ra khỏi đói rét, ngoài ra nào có gì đâu! Hạng ngu mê tăm-tối này giờ đây chắc đã hối-hận, nhưng bươi nổi buồng hương (60) cũng không sao kịp!»

Tôi ngồi nghe mà lặng người đi, không biết ăn nói làm sao. Trong lòng tự nghĩ rằng: Ước gì mà đồng-bào Sơn-đông, Mãn-châu chúng

ta được nghe lời nói này. Ước gì mà người Trung-quốc ta được nghe lời nói này!

Khách lại nói: «Nước Việt-nam với diện-tích 26 vạn 3 ngàn dặm vuông Anh (61), bằng nước Nhật-bản. Dân-số Việt-nam, cứ theo sổ đinh chịu thuế thân của người Pháp lập ra, thì tới 25 triệu; trong đó Tây-cống 10 triệu, Hà-nội, Huế và các tỉnh khác 15 triệu. Kỳ thực thì dân-số Việt-nam không chỉ có chừng ấy. Nguyên là vì tiền sưu (thuế tính theo nhân-khẩu) quá nặng, nên phải ẩn lậu dân-số rất nhiều, nhờ pháp-luật hành-chính của người Pháp không phải thật sự được tổ-chức chu-đáo. Chỉ ở Tây-cống, nơi có quan-chức cao-cấp của Pháp trấn-ly, việc truy-cứu nhân-số rất sát-sao, nên sổ sách nắm vững được thực-trạng. Còn trừ Tây-cống ra, dân-số cũng đến ba, bốn mươi triệu, và toàn-quốc cũng gần bốn năm mươi triệu, không kém thua dân-số nước Nhật bao nhiêu. Nếu như có anh-hùng hào-khiet lãnh-đạo và biết sử-dụng, thì nhân-số này cũng đóng góp hữu-hiệu vào công-kuộc mưu bá đồ vương».

Từ mở đầu câu chuyện tới nay, tôi với khách đã trao đổi với nhau nhiều ý-kiến rất rõ-ràng. Tôi vốn đang có nghĩa-vụ bí-mật, nên chẳng dám nói thật ra (62).

Trong câu chuyện, khách cho biết rằng quân-số Pháp đồn-trú tại Việt-nam không quá 5 ngàn, mà số lính tập Việt-nam được Pháp huấn-luyện lại tới 40 vạn. Mọi công-tác quân-sự công hay thủ đều do lính Việt-nam đảm-nhiệm; nếu có sự lãnh-đạo nội-ứng thì tiêu-diệt giặc Pháp không khó.

Tôi liền hỏi khách: «Người Pháp đã dùng đường lối nào để có thể ngồi yên, buộc 40 vạn lính Việt-nam vào vòng chế-ngự của họ?»

Khách đáp: «Nếu không có ngoại-viện mà bạo-động, thì dù tiêu-diệt được chúng ở bên trong, vẫn không thể chống lại chúng ở bên ngoài, hiển nhiên như vậy. Hơn nữa, trước đây cũng đã có biết bao nhiêu người khởi-nghĩa, nhưng sau mỗi lần thất-bại thì làng xóm nát tan, họ hàng thân-thích bị giết. Đâu phải không có người vì căm-thù mà nổi dậy, nhưng rồi việc bất-thành, thì bản-thân dù chịu tội cũng được, còn mồ mả cha mẹ thì sao?

Đó, người Pháp sở-dĩ kiềm-chế dân-tộc Việt-nam chúng tôi được, không có đường lối nào khác hơn là: giết cả họ và đào cả mả (như Tiến-sĩ Tống-Duy-Tân phất cờ khởi-nghĩa chống Pháp mà toàn-gia bị giết sạch, hay như Tiến-sĩ Phan-Đình-Phùng vào núi lập chiến-khu 11 năm trời, thì ở nhà mồ mả Cụ thân-sinh là Thượng-thư Phan-Đình-Tuyền,

ông bác ruột là Phan-Đình-Thông, cũng như phần mộ bà thân-mẫu bị khai-quật; cả con là Phan-Đình-Nghinh bị chém bêu đầu. Nhưng họ Phan vẫn bất-khuất. Khi Phan chết, thi-hài lại bị đốt ra tro. Thật là những tấm gương hách trạc trong hàng ngũ con dân đất Việt vì nghĩa diệt thù».

Lấy pháp-luật dã-man của Đông-phương mà trừng-trị người Đông-phương, cũng đến như thế mà thôi; tôi cảm thấy nao nao trong lòng rồi nói: «Thật thế sao? Ngay đến Trung-quốc là nước chuyên-chế nhất trên thế-giới, mà từ cận cổ tới nay, còn muốn bỏ thứ pháp-luật mọi rợ đó; vậy mà một quốc-gia tự nhận là văn-minh như Pháp, lại có thể hành-động như thế sao? Người Pháp hành-động như vậy sao? Mía-mai thay! Ngày nay cái gọi là thế-giới văn-minh, nhân-đạo, biết quá rồi!»

Tôi lại hỏi: «Nhân-tâm nước Ngải căm-thù sôi-nổi như vậy, chẳng hay có được tổ-chức thành đoàn-thể mưu-đồ khôi-phục quốc-gia hay không? Ngải cũng cho biết dân-khí quý quốc rất cao, nhưng dân-trí còn non kém, vậy thì các vị chí-sĩ đã từng nghĩ tới việc cho con em ta du-học hải-ngoại để mưu-kế lâu dài hay chăng?»

Khách trả lời: «Ngày xưa, vua Huệ-Đế nhà Tấn nghe nói dân đối, bèn quát bảo dân sao không biết ăn thịt nai. Lời nói của Ngải chắc không giống như vậy! Theo pháp-luật hiện nay tại Việt-nam, nếu không phải là người trong một nhà mà dám tụ tập 4 người vào một chỗ, thì lính đã tới bắt ngay, còn nói chi đến việc tổ-chức thành đoàn-thể! Trong nước, nhân-dân từ tỉnh này đi sang tỉnh khác đều phải xin phép nhà cầm quyền chấp-thuận rồi mới được đi. Bất cứ đi từ thuyền sang xe hay từ xe sang thuyền, đều phải có giấy tờ làm bùa hộ-mệnh. Nếu giấy tờ không có tức là bị khép vào tội gian-tà. Đi lại khoảng độ 100 dặm mà cũng phải đổi giấy tờ 3, 4 lần! Vậy mà còn bị cho là trốn đi du-học tại ngoại-quốc! Cũng có một số người mạo-hiêm ngụy-tạo giấy tờ để xuất-duyệt, nhưng rồi cha mẹ ở nhà lại bị giết, phần mộ bị khai-quật. Làm người ai chẳng có mẹ cha, gặp cảnh như vậy yên tâm sao được! Ôi! Đất nước Việt-nam! Từ nay thế là hết!»

Khách nói tiếp: «Đề bóc-lột dân-tộc Việt-nam, không có chính-sách nào của người Pháp là không cực-đoan. Ngay như thuế nhân-khẩu, lúc đầu mỗi người hàng năm phải đóng 1\$00, cho đến cách đây 10 năm lại tăng gấp hai, và đến bây giờ thuế đó lại được tăng gấp ba. Đến thuế nhà ở, thì đòn-tay chịu thuế, cửa sổ chịu thuế, cửa lớn cũng chịu thuế. Nếu nhà trở thêm cửa nào là phải chịu thuế thêm về cửa đó. Tại thành-thị, thay một xà ngang, đổi một viên ngói, đánh

một tiếng trống (người Việt-nam cho trống đồng là dụng-cụ tôn-giáo, đánh trống là một điển-lệ rất trọng, người Pháp bèn hạn-chế), tổ-chức một bữa tiệc... đều phải đến Sở Sen-dầm trình xin giấy phép, và đóng thuế nếu không thì phạm pháp (Sở Sen-dầm tức là danh xưng của Sở Cảnh-sát). Trâu bò một tuổi chịu thuế 5\$, heo một tuổi 2\$, 3\$, chó 1\$, mèo cũng vậy; còn gà thì thuế bằng một nửa chó và mèo.

«Còn muối, vốn người Việt-nam phải dùng nhiều, là một nhu-yếu phần quan-trọng gần bằng nửa số tiêu-thụ ở bên Trung-quốc. Người Pháp đã chiếm đất làm muối, lại giành cả thị-trường muối. Trước đây, mỗi thăng muối chỉ giá 30, 40 đồng tiền, nay thì phải mua với giá 3\$, 4\$. Về sinh tử, trẻ mới sinh phải nạp 2\$, người chết phải nạp thuế khám-nghiệm 5\$. Một gia-đình mà nếu sinh tử liên-liên thì cũng đủ phá-sản vì thuế! Thật là hết điều ăn nêi! về hôn-nhân, lại phải chịu thuế lúc vào làm lễ ở giáo-đường, gọi là thuế «Lan-nhai». Thuế này có 3 hạng: thượng đẳng 200\$, trung đẳng một nửa, còn hạ đẳng cũng 50\$.

«Các nghề sinh-nhai khác, như về trà, quế, ngà voi, tê-giác, đến lâm-sản được-phẩm (như sa-nhân, đậu-khẩu), rượu, gạo..., bất cứ một sản-phẩm nào được lưu-hành mua bán trong dân-gian, người Pháp đều nắm hết, người Việt hết đường làm ăn. Nếu cần dùng, chỉ có việc là trình chính-phủ Pháp để xin mua mà thôi. Nói tóm lại, luật-lệ của người Pháp đặt ra, đều nhằm mục-đích làm cho người Việt-nam chỉ vừa tay làm ham nhai, chứ không sao dư thừa được một chút gì. Được như vậy, tham-vọng người Pháp mới thỏa-mãn. Toàn ôi! Bớt phải sống như thế này, thì thà đừng có mặt ta còn hơn! Trời xanh kia sao còn sinh 50 triệu dân nhục-nhã này làm gì?!»

Khách lại nói tiếp: «Thôi chuyện đã qua rồi, còn nói làm sao được nữa. Chúng tôi cũng chẳng oán thù người Pháp làm chi. Vì chính người Việt chúng tôi cũng có người tự chọn con đường tiêu-vong nữa! Thế nhưng, nếu người Pháp lưu-tâm đến việc mở-mang dân-trí, mưu lợi-ích cho dân, vì dân Việt-nam mà tẩy-trừ cái chính-giáo hủ bại hằng trăm năm nay, làm cho Việt-nam chúng tôi còn có cơ để tự tân tự tiến, thì 100 năm sau, trong dân-tộc chúng tôi sẽ có người anh-hùng quật-khởi gây-dựng lại cơ-đồ, như thế cũng chưa muộn! (63).

«Đằng này, người Pháp đã làm khốn-khổ dân Việt, lại còn thi hành chính-sách ngu-dân. Than ôi! Chỉ vài bốn năm, dân Việt đã tiêu-vong đến nửa, đến ngoài 10 năm thì chắc dân Việt chẳng còn người! Thật không phải là quá bi-quan, người Pháp đang đối xử vô nhân-đạo với dân-tộc chúng tôi vậy!»

Nói đến đây, khách gục đầu khóc tầm-tã!

Âm-Băng Chủ-nhân nói:

«Tôi với khách nói chuyện suốt ngày không ngừng bút, nay xin tóm lược một phần về hiện-trạng Việt-nam, và chép lại sau đây; với ý nghĩ rằng ngòi bút của tôi chưa diễn-tả được một phần mười nổi ai-oán của dân-tộc Việt-nam.

«Than ôi! Trong thời-gian gần đây những bậc chí-sĩ nung mang mối thù vong-quốc, đã biết bao người ghi chép lại thảm-trạng nước mất bằng thi-ca, gởi gắm vào bài viết, mong cho thiên-hạ đều biết đều hay... Há lại không biết rằng tình-cảnh ấy, đâu phải do tuồng-tượng mà ra, cũng đâu phải do ngòi bút hay miệng lưỡi mà mô-tả được! Ai bảo như vậy là cay đắng, thật ra ngon ngọt hữu-ích vô cùng!

«Ngày nay, bọn chúng ta thì chưa rõ tình-cảnh thảm-khốc ấy như thế nào, chứ người Việt-nam thì đang ngửa mặt lên trời mà kêu than vậy! Chúng ta xót thương người Việt-nam chăng? Hay người Việt-nam lại xót thương chúng ta, xin ai khoan chờ nói ra vội; để kẻ hèn này nói trước một lời: nếu mình không biết thương mình, thì cần chi phải đợi 10 năm, cũng đã có người xót thương mình rồi vậy!

Âm-Băng Chủ-nhân nói tiếp: «Ngày nay các nước văn-minh Âu-châu đều bắt nguồn từ La-mã. Đế-quốc La-mã hồi thịnh-thời đã nhờ xâm-đoạt tài-sản và tính-mạng của nhân-dân thuộc-quốc mà ngày càng phát-triển thêm phồn-thịnh, đồng thời cũng nhờ đó mà lên mặt kiêu-ngạo sai khiến chư-hầu. Nền văn-minh La-mã là kết-tinh-thể của không biết bao nhiêu là oan huyết khổ lệ của nhân-dân thế-giới. Lẽ trời mạnh được yếu thua chớ chẳng vị riêng ai, cho nên tiếng tăm đế-quốc La-mã mới được lừng vang trên vài ngàn năm nay. Và giòng dõi của đế-quốc này chính là những cường-quốc Âu-châu ngày nay vậy. Chịu ảnh-hưởng của tư-tưởng đế-quốc đó và ý thế mạnh hiếp yếu mà bành-trướng trên mặt đất, đâu phải chỉ có đế-quốc Pháp mà thôi! Và cũng đâu phải chỉ có Việt-nam là nước chịu tai họa của tư-tưởng đế-quốc này. Đâu đâu trên thế-giới cũng tràn lan như vậy cả!

Kể từ sau ngày Mỹ-quốc được độc-lập, cái gọi là chính-sách thực-dân, về hình-thức có thay đổi đôi chút. Trước đó, chính-sách thực-dân là vơ-vét xương máu nhân-dân thuộc-quốc về làm giàu cho nước mình. Nhưng nay thì họ đã biết chính-sách đó không thích-hợp nữa. Cho nên, tại những thuộc-tịa của Anh như Úc-châu và Gia-nã-đại, quyền-lợi và nghĩa-vụ của nhân-dân so với tại Mỹ trước đây 100 năm, đã có nhiều điểm dị-biệt. Tuy nhiên, đó là vì đồng chủng nên mới có như vậy. Còn như đối với dân Da Đỏ tại Mỹ, hay dân Da Đen tại Úc-châu, làm gì có sự thay đổi đó.

Tôi chưa có dịp sang Ấn-độ, không rõ quyền-lợi và nghĩa-vụ

nhân-dân của quốc-gia này so với Việt-nam có gì khác hay giống nhau. Còn như so với Nhật-bản cai-trị Đài-loan, thì chính sách thống-trị của Nhật có nhiều khác-biệt. Kế-hoạch của Nhật là làm sao cho 10 năm sau, nhân-dân Đài-loan sẽ đồng-hóa thành dân Nhật hết. Cho nên Nhật đã thi-hành một chính-sách phủ-dụ khôn-khéo, bỏ điều hại họa để gây niềm vui cho nhân-dân Đài-loan, cái mà ngày xưa ở Trung-quốc ta gọi là nhân-chính vậy!

Đài-loan với Việt-nam đều là thuộc-địa. Nhưng cứ bề ngoài mà xét thì nhân-dân Đài-loan như người trên trời, còn nhân-dân Việt-nam thì ngày nay muốn chết mà chết không được! Vậy mà rồi trên thế-giới tương-lai, có thể còn giống người Việt-nam. Trái lại người Đài-loan bây giờ yên vui trong cuộc sống, nhưng mười năm sau đây, trên thế-giới sẽ chẳng còn ai là người Đài-loan! Thật chẳng biết đâu là phúc, đâu là họa! Đúng như lời Trang-Sinh xưa có nói: « Cây cỏ tạp, chẳng biết dùng làm chi, nên có thể sống được lâu ». Vài mươi vạn dân Đài-loan đã ít-ôi mà mười phần lại đến bảy, tám phần là hải-ặc sơn-phiền; với khả năng thống-trị của mình, Nhật-bản thừa sức đồng-hóa! Mơn-trón bên ngoài để nắm bỏ vào túi cả bọn, thật đúng như vậy.

Còn như Việt-nam, là một dân-tộc bán-khai 50 triệu người, bên trong lại đã có những thực-lực đáng sợ. Thế thì đâu phải chỉ có người Pháp mới như thế, những kẻ muốn chinh-phục để thống-trị nước người cũng đều có những lối đối-xử như vậy. Sao không thấy chính-sách Nhật-bản tại Triều-tiên từ một năm trở lại đây. Hiện nay chiến-sự chưa kết-thúc (64), vậy mà hiện-tượng về một nước Việt-nam thứ hai lại sắp thành hình. Ở đâu thì cũng là một nước Nhật-bản, làm sao có chuyện chính-sách áp-dụng ở Đài-loan khác ở Triều-tiên. Nguyên-nhân sự khác-biệt chắc có gì bắt ta phải suy nghĩ nhiều. Việt-nam như thế, Triều-tiên như thế, cho nên chẳng có gì định-nhinh rồi đây Việt-nam và Triều-tiên sẽ không giống nhau.

Àn-Băng Chủ-nhân lại nói: « Pháp-luật dã-mạn của đế-quốc La-mã vốn có từ thời-kỳ cương-thạch. Nhưng, từ đây trở đi, thế-giới ngày càng đổi thay tiến-hóa; không ai còn chấp-nhận cho thứ văn-minh rác-rưởi ấy hoành-hành làm hại người dưới bầu trời quang-đăng này nữa! Cứ trông vào nhân-dân Việt-nam, nhìn vào nhân-tài Việt-nam, niềm tin-tưởng của tôi càng thêm vững chắc ».

PHẦN CHÚ-THÍCH

- (1) — (2) Chúng tôi sẽ tiếp-tục nghiên-cứu và phiên-dịch một số.
- (3) Chúng tôi không phiên-dịch phần này, vì là một tài-liệu khái-lược có tính-cách hướng-dẫn về địa-lý và lịch-sử Việt-nam, chỉ cần cho người Trung-quốc khi tìm hiểu về Việt-nam mà thôi.
- (4) Tức trận giặc Crimée (1854-1856) giữa một bên là Anh, Pháp, Ý, Thổ-nhĩ-kỳ và một bên là Nga; tiếp đó Nga và Thổ lại đánh nhau (1877 — 1878).
- (5) Trần-Trong-Kim dịch — VNSL. — Trong VNVHSY của Dương-Quảng-Hàm, trang 226 thấy chép là

太 平 須 努 力 (a) (Thái bình tu nỗ lực)
萬 古 此 江 山 (Vạn cổ thủ giang sơn)

Nhưng trong VNVQS, Phan Sào-Nam lại viết:

太 平 當 致 力 (Thái bình đương trí lực)
萬 古 舊 江 山 (Vạn cổ cựu giang san)

Phần nhận-xét về sự sai-thù đó, xin dành để độc-giả.

- (6) Qua VNVQS, chúng tôi thấy Phan Sào-Nam dùng Tây-cống 西貢 để chỉ Nam-phần ngày-nay.

Về danh-từ này, chúng tôi tưởng cho tới nay đã có rất nhiều giả-thuyết giải-thích, và giả-thuyết nào cũng có lý cả. Đặc biệt, học-giả lão-thành Vương-Hồng-Sên, trong « Saigon Năm Xưa » — Nhà Xuất-bản Tự-Do — đã đưa ra cho chúng ta một số tài-liệu rất lý-thú và đáng yêu. Rất tiếc, vì khuôn-khổ hẹp-hòi bắt buộc dành cho một lời chú-thích, chúng tôi không thể lược trích ra đây.

(a) Cũng có ghi thêm: « có bản chép là TRÍ, (致).

(7) — (8) Do chính-sách biệt-đãi người Pháp : cho vào buôn bán, cho giáo-sĩ được tự-do giảng đạo. Tuy nhiên, nếu nói là có dã-tâm dòm ngó Việt-nam, thì đế-quốc Pháp không đợi đến lúc này. Đội quân dò-thám đã được phái tới Đông-Nam-Á, đặc-biệt là Việt-nam từ hồi trung thế-kỷ 17.

(9) Tức năm 1848 : Trung-tá Pháp Rigault de Genouilly đem hai chiến-thuyền sang Đà-nẵng yêu-cầu hưởng quyền-lợi và đặc-ân như Trung-quốc đã phải cho họ (sau Nha-phiến chiến-tranh kết-thúc) (1840-1842). Triều-đình Việt-nam không thuận, chuẩn-bị đối-phó. Rigault de Genouilly liền bắn đắm nhiều chiến-thuyền Việt-nam rồi bỏ đi.

Đến 1856 : Tàu Cotinat do De Montigny chỉ-huy lại đánh phá pháo-dài Đà-nẵng.

Đến 1857 : Montigny lại trở sang đòi : mở thông-thương, tự-do giảng đạo, đặt thương-diểm và lãnh-sự tại Đà-nẵng. Tuy nhiên cuộc tấn-công đầu tiên của Pháp và Tây-ban-nha vào Đà-nẵng mới thực-sự xảy ra vào ngày 1-9-1858. Trận này chúng thất-bại, nên kéo quân vào đánh Gia-định (Cửa cần-giò) lần thứ nhất vào ngày 9-2-1859. Sau đó, Đà-nẵng bị tấn-công lần thứ hai vào ngày 20-4-1859.

(10) Tức Hòa-ước Nhâm-Tuất (5-6-1862), Tự-Đức năm thứ 15, chịu mất 3 tỉnh : Gia-định (1-1861), Định-tường (3-1861), Biên-hòa (12-1861).

(11) Thật ra thì 3 tỉnh sau này đến năm 1867 (năm Phan Sào-Nam chào đời) mới thực-sự mất. (Vinh-long 20-6-1867, An-giang 21-6-1867 và Hà-tiên 24-6-1867, do công của De la Grandière).

Riêng Vinh-long, vốn đã mất từ 4-1862, nhưng khi Hòa-ước Nhâm-Tuất được ký-kết, Pháp trả lại cho Việt-nam (nhưng vẫn đóng quân lại). Và đến Hòa-ước Giáp-Tuất (15-3-1874) cả 6 tỉnh Nam-phần mới mất hẳn.

(12) Một trong 12 điều-khoản của Hòa-ước Nhâm-Tuất :

«Hễ nước Nam có giao-thiệp với nước nào khác, thì phải cho chính-phủ Pháp biết; và khi muốn nhượng đất cho nước nào, thì phải tùy ý nước Pháp có thuận cho mới được».

(13) Lâm-Duy-Hiệp, chứ không phải Lâm-Duy-Nghĩa (có thể ông Hiệp

có tên là Nghĩa). Bên Việt-nam, vua Tự-Đức sai Phan-Thanh-Giản, Lâm-Duy-Hiệp và Linh-mục Đặng-Đức-Tuấn; bên Pháp một phái-đoàn do Thống-đốc Bonard cầm đầu, có Aubaret làm thông-ngôn. Cuộc đàm-phán bắt đầu từ 26-5-1862, và kết-thúc ngày 5-6-1862 với một Hòa-ước 12 khoản.

(14) Chúng tôi xin chép lại : «*Khi hai ông Phan và Lâm về kinh tân bày sự việc, vua Tự-Đức cũng vừa thân vừa thống-trách hai vị Sứ-thần; coi họ không những có tội với triều-đình, mà còn có tội với quốc-dân muôn đời nữa*» (a).

Chúng tôi thiết nghĩ, vốn chủ-trương cách-mạng bạo-động tích-cực, nên có lẽ Phan Sào-Nam không đồng ý với tinh-thần tiêu-cực của hai Cụ Phan, Lâm, do đó mới có lời lẽ phê-phán như vậy. Phải chăng cũng do ở điểm này, và nhiều điểm tương-tự khác khi Phan Sào-Nam phê-phán nhân-vật, mà Âm-Băng Lương-Khỏi-Sêu đã cho là «*Văn tự bất hữu nhữ tuần xứ*» (文字不有雅馴處) ở phần Lệ-Ngôn (例言).

(15) Tức Đề-đốc hộ thành.

(16) — (17) «... Khi bắt được ông, quân Pháp đóng gông rồi bỏ ông «lên mũi tàu, cho tàu chạy để dân-chúng hai bên bờ sông trông «thấy. Trong dịp này ông ung-dung coi thường cái chết, đề lại «đôi liễn, và một bài thơ tuyệt-mạng dưới đây :

«Đại sự nan thành, không uổng bách niên chiêu vật nghị
«Vi công bất tỵ, diệt tương nhất tự báo quân ân.»

*Hai bên thiên hạ thấy hay không
Một gánh cương thường há phải gông
Oằn-oại hai vai quân tử trúc
Long-lay một cổ trượng phu tùng
Sống về đất Bắc, danh còn rạng
Thác ở thành Nam, tiếng há không
Thắng bại dinh du trời khiến chịu
«Phản thần» đeo quả dưa cười ông!*

«Nhân-sĩ Việt-nam ca ngợi chí-khí của ông Thủ-khoa họ Nguyễn «trong một bài thơ như sau (chúng tôi tiếc không biết tên vị «nhân-sĩ đó, và cả vị đã dịch bài thơ này) :

(a) Phạm-Văn-Sơn — VSTB quyền V, tập thượng, trang 170.

Hân mã gian-nan vị quốc cừu
 Chỉ nhân binh bại trí thân hưu
 Anh-hùng mạc bả dinh hư lộn
 Vũ-trụ trường khan tiết nghĩa lưu
VÓ BỐ DĨ KINH HỒ LỖ PHÁCH
BẮT HÀNG CAM ĐOẠN TƯỚNG QUÂN ĐÀU
 Đương niên Tho-thủy ba lưu huyết
 Long đảo thu phong đảo mộ sâu.

Bản dịch: Ruồi rong vó ngựa báo thù chung
 Binh bại cho nên mạng mới cùng
 Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ-trụ
 Hơn thua sá kể với anh-hùng
NỒI XUNG MẮT VÍA QUÂN HỒ-LỖ
QUYẾT THÁC KHÔNG HÀNG RẠNG NÚI SÔNG
 Tho-thủy ngày rày pha máu đỏ
 Đảo rồng hiu-hắt ngọn thu phong»
 (Phạm-văn-Sơn, sách đã dẫn, trang 203).

Tuy nhiên, theo Thái-Bạch trong «Bốn vị anh-hùng kháng-chiến miền Nam» thì câu đối lại như sau:

«HỮU CHÍ NAN THÂN, không uổng bách niên chiêu vật nghị
 «Vi công bất tỵ, diệc tương nhất tử báo quân ân».

và bài thơ chữ Hán lại chính là của Cụ Thủ-khoa, nhưng ở câu GIÓ kết thì «... Khởi mộ sâu», chứ không phải «... Đảo mộ sâu». Hơn nữa, Thái-Bạch còn ghi là chính Sào-Nam Phan Bội-Châu đã dịch bài thơ đó ra tiếng Việt và nguyên-văn như sau:

Ruồi rong GIÓ (1) ngựa trả thù chung
 Binh bại cho nên mạng PHẢI cùng
 Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ-trụ
 Hơn thua sá kể LUẬN anh-hùng
NỒI XUNG MẮT VÍA QUÂN HỒ-LỖ
QUYẾT THÁC KHÔNG HÀNG RẠNG NÚI SÔNG
 Tho-thủy ngày rày pha máu đỏ
 Đảo Rồng hiu-hắt ngọn thu phong.

Còn về nơi thọ-hình thì Phạm-văn-Sơn ghi là:
 «Ông bị giết ở Cồn-Rồng (Mỹ-tho),

trong khi Thái-Bạch ghi: «Ông bị hành-quyết tại chợ Thân-trọng

(1) Tại sao dịch là GIÓ?

tỉnh Mỹ-tho...». Nhưng cả hai đều ghi ngày ông thọ-hình là 15-4 Ất-Hợi (1875).

(18) Tức là ngày 8-3 năm Nhâm-Ngo (25-4-1882), do Đại-tá Henri Rivière, và đây là lần thứ hai. Lần thứ nhất Pháp đánh Hà-nội là ngày 20-11-1873 do Đại-úy Francis Garnier; trận này Nguyễn-Tri-Phương bị thương nặng, rồi mất.

(19) Thật ra là năm Quý-Mùi (ngày 18-8-1883) Đô-đốc Courbet đánh cửa Thuận-an. Và Hòa-ước này gọi là Hòa-ước Quý-Mùi (23-7 Quý-Mùi) hay Hòa-ước Harmand (25-8-1883).

Cho đến 6-6-1884, một số điều-khoản trong Hòa-ước này được sửa đổi, thành một Hòa-ước mới: Hòa-ước Giáp-Thân (13-5-Giáp-Thân) hay Hòa-ước Patenôtre. Ký Hòa-ước xong, Patenôtre hội các quan lại rồi sai đốt lò nung chảy ấn AN-NAM QUỐC-VƯƠNG mà Trung-hoa phong cho vua Việt-nam, để tỏ rõ Việt-nam không còn lệ-thuộc Trung-hoa nữa (Hòa-ước Thiên-Tân 11-5-1884, Trung-hoa bỏ rơi Việt-nam).

Nhân thế, xin nhắc lại niên-đại các vua:

- Dục-Đức: tuy có Vương-hiệu nhưng đã bị phế ngay từ đầu và bị buộc uống thuốc độc chết ngày 6-10-1883.
- Hiệp-Hòa: 27-6 Quý-Mùi (30-7-1883) đến 29-11-1883; cũng bị buộc uống thuốc độc chết.
- Kiến-Phúc: 7-10 Quý-Mùi (1-11-1883) đến 10-6 Giáp-Thân (31-7-1884); chết để lại một nghi án.
- Hàm-Nghi: 1-8-1884 đến 5-7-1885 phải lưu-vong, rồi đến 2-11-1888 bị Pháp bắt.

(20) Tức là ngày «Quả Cơm Chung» 23-5 Ất-Dậu (5-7-1885) Ngũ-quân Đô-thống Tôn-Thất-Thuyết chỉ-huy Nam-quân phản-công lại quân Pháp, do Trung-tướng De Courcy chỉ-huy. Nhưng cuộc phản-công thất-bại, biến ngày ấy thành ngày thất-thủ kinh-đô.

(21) Theo Phan-Trần-Chúc thì khi đạo ngự ra tới Hà-tĩnh, tại bản-doanh Ấu-sơn, thuộc làng Phú-gia, huyện Hương-khê, «Tôn-Thất-Thuyết sai thảo tờ chiếu Cần-Vương, lấy chữ vua Hàm-Nghi phê-chuẩn và gởi đi các tỉnh» (a), đúng như Phan-Sào-Nam đã viết.

(a) Phan-Trần-Chúc «Vua Hàm-Nghi» — nhà sách Chính-Lý tái-bản năm 1952, trang 120.

Nhưng theo Phạm-văn-Sơn thì «sau khi rời kinh-thành, ngày 6-7-1885, tại nơi tạm-trú là Văn-xá (a), ông Thuyết thừa lệnh vua Hàm-Nghi thảo chiếu Cần-Vương, hô-hào sĩ-dân ứng-nghĩa». Còn tờ chiếu cũng do ông Thuyết thảo ở Hà-tĩnh là tờ chiếu thứ hai. Chiếu này đề ngày 11-8 Ất-Dậu (20-9-1885), Hàm-Nghi đệ nhị niên, được ban-hành sau ngày Pháp lập vua Đồng-Khánh. Nội-dung chiếu; lấy lời lẽ vua Hàm-Nghi vừa kêu gọi toàn-quốc kháng-chiến thêm một lần nữa, vừa trả lời đạo Dụ của Đồng-Khánh kết tội hai ông Thuyết và Tường.

- (22) Thật ra lúc này (1888) vua Hàm-Nghi đang bôn-đào ở vùng rừng núi Hà-tĩnh và Quảng-bình. Nhưng Nghệ-an và Hà-tĩnh trước đây vẫn coi như một tỉnh.
- (23) Thực-dân Pháp không đưa vua Hàm-Nghi sang Paris. Hành-trình bị lưu-đày của nhà vua theo Phan-Trần-Chúc (Vua Hàm-Nghi — sách đã dẫn) như sau:
- 2-11-1888: bị Trương-Quang-Ngọc và Nguyễn-Tĩnh-Đình phản-bội (theo lời dụ-dỗ của hai Đại-úy Pháp là Mouteaux và Boulanger) bắt tại một túp lều ở Khe Tá-bào, thuộc vùng làng Chà-mặc, thượng-du Quảng-bình.
 - 14-11-1888: bị giải tới đồn Thuận-bãi (ở Quảng-bình).
 - 15-11-1888: từ đồn Thuận-bãi sang Bồ-trạch, tới tỉnh-lỵ Đồng-hới, rồi tới đồn Thuận-an (Huế).
 - 25-11-1888: từ Thuận-an xuống tàu La Comete vào Saigon. Tới Saigon, nhà vua lại được chuyển sang Tàu «Biên-hòa» mà đi thẳng tới Alger vào thượng-tuần tháng giêng 1889.
- (24) Bà Từ-Dũ Thái-hậu, tên Phạm-thị-Hàng hoặc Hào, là con gái Phạm-Đặng-Hưng (một công-thần triều Nguyễn). Sinh ngày 19-5 Canh-Ngọ (1810) tại Gò-công (Nam-phần). Vợ vua Thiệu-Trị.
- (25) Theo Phan-Trần-Chúc và Phạm-văn-Sơn, thì ngày 6-9-1885 tức 28-7 Ất-Dậu, Nguyễn-văn-Tường bị De Courcy đày ra Côn-đảo cùng với Tôn-Thất-Đỉnh (thân-phụ Tôn-Thất-Thuyết) và Phạm-Thận-Duyệt. Và chính ông Duật khi chưa tới Côn-đảo đã chết nên thấy bị ném xuống biển. Còn ông Tường thì sau lại bị đày sang Tahiti, và chết tại đảo này vào tháng 2-1886, cho đến 30-7-1886, xác được đưa về quê ở Quảng-trị.

(a) Một làng thuộc quận Hương-trà, phía bắc Thừa-thiên — Phạm-văn-Sơn — sách đã dẫn, trang 45 và 69.

- (26) Tính tới 1885, Tây-cống đã mất vào tay Pháp được 11 năm rồi. (Hòa-ước Giáp-Tuất 1874, mất 6 tỉnh Nam-phần)
- (27) Tức là Hoàng-giáp.
- (28) Tức là Thanh-hóa. Xét lịch-sử Việt-nam, cái tên Thanh-hóa (phủ 靑化 (府) có đầu tiên vào năm 1010 dưới đời Thuận-Thiên nhà Lý. Sau đó lần lượt đổi danh hiệu từ Thanh-hóa sang Thanh-hoa (華) hay ngược lại. Cho đến Gia-Long nguyên niên (1802) lại đổi lại là Thanh-hoa trấn. Đến Minh-Mạng năm thứ 12 lại gọi là Thanh-hoa tỉnh. Đến Thiệu-Trị nguyên niên (1841) lại gọi là Thanh-hóa tỉnh (靑化省).
- (29) Một địa-danh thuộc thượng-du Thanh-hóa, vùng biên-giới Lào.
- (30) Có lẽ Phan Sào-Nam muốn nói đến tinh thần nhiệt-thành hy-sinh tuyệt-vời của họ Hà. Nhưng chúng tôi thiết nghĩ hình ảnh này không được đẹp lắm.
- (31) Chúng tôi thiết nghĩ Phan Sào-Nam đã nói quá nhiều những điều không nên nói về đời tư của Nguyễn-Sĩ, xin giản dị bớt.
- (32) Có lẽ nguyên bản in sai. Ất-Dậu 乙酉 (1885) chứ không phải Đinh-Dậu 丁酉.
- (33) Theo Đào-Trình-Nhất (Phan-Đình-Phùng — Nhà xuất-bản Tân-Việt — trang 231).
- (34) Về việc này, chúng tôi xin trích-dẫn sau đây một đoạn văn của Cụ Đào-Trình-Nhất khi viết về chung cuộc của nhà lãnh-tự Cần-Vương Phan-Đình-Phùng:
- «... Nguyễn-Thân sai đem di thể Cụ Phan ra chỗ địa đầu cửa tổng Việt-yên, đồ dầu chằm lửa mà đốt xương thịt cháy ra tro, rồi tro ấy trộn vào thuốc súng, nhồi trong súng thần-công của ta mà bắn xuống La-giang...»
- («Phan-Đình-Phùng» — Nhà xuất-bản Tân-Việt — tr. 234).
- (35) Cũng theo Đào-Trình-Nhất, thì chí-sĩ Phan-Đình-Phùng mất tại núi Quạt (hòn núi ở địa-phận huyện Hương-khe, Hà-tĩnh) vào hồi 8 giờ sáng ngày 13 tháng 11 năm Ất-Mùi (1895).
- (36) Chúng tôi xin thành-thực văn-nạn độc-giả về con số mà cụ Phan Sào-Nam đã đưa ra.

- (37) Các nhà chí-sĩ tiền-bối cách-mạng Việt-nam luôn luôn nhìn vấn đề dưới khía cạnh đạo-đức. Nhưng ở đây chúng tôi xin lạm bàn rằng: đối với quân cướp nước thì có hay không tội, thật không thành vấn-đề. Còn vua Hàm-Nghi ở Việt-nam thì quân dân Việt-nam còn tiếp-tục đánh Pháp mạnh. Do đó, việc họ bắt vua đây sang Alger là tất-yếu, khi mà quân-dân Việt-nam không còn đủ lực-lượng để bảo vệ Ngài, bảo-vệ đất nước. Đặt vấn-đề đạo-đức với quân đế-quốc xâm-lược thì chỉ thiệt mình!
- (38) Theo Phan-Trần-Chúc (sách đã dẫn) thì hàng năm chính-phủ Pháp ở Đông-dương trợ-cấp cho vua Hàm-Nghi 25.000 quan (Có lẽ là đồng Phật-lãng).
- (39) Khi tập Việt-Nam Vong Quốc Sử ra đời (1905) thì tại nước nhà, là Thành-Thái năm thứ 16 (Thành-Thái nguyên niên, 1889).
- (40) Chúng tôi thiên nghĩ có lẽ vì công-pháp quốc-tế chứ không phải vì các cường-quốc mắc mưu lừa bịp của Pháp. Đúng như sự nghi-ngờ thắc-mắc của Phan Sào-Nam.
- (41) Lại một lần nữa nhà chí-sĩ của chúng ta đứng trên bình-diện đạo-đức, và tính đề nhìn sự việc. Cơ sở cách mạng trong núi nếu không tiêu-trừ thì nhất định ngày càng bành-trướng, rất nguy-hiêm cho quân địch, chứ sao lại bảo nát với cỏ cây và không hại gì?
- (42) Theo Đào-Trình-Nhất (Phan-Đình-Phùng — Nhà xuất-bản Tân-Việt, trang 115) thì Phan-Trọng-Mưu là anh em đồng-chí, đồng-hương, lại hình như là đồng-tộc với Phan-Đình-Phùng; trước cũng tụ hiệp Văn-Thân khởi-nghĩa một thời-gian, nhưng giữa lúc Cụ Phan-Đình-Phùng ra Bắc thì ở Nghệ Tĩnh, Phan-Trọng-Mưu thất-bại, chạy trốn ra Nam-dịnh, rồi nhờ Hoàng-Cao-Khai đem ra hàng Pháp. Nhưng cũng không nhận cộng-tác với Pháp một việc gì.
- (43) Cửa Tây Bắc Thành-nội Huế. Nơi này được người Pháp dùng làm pháp-trường chém đầu nhiều nhà cách-mạng Việt-nam. Cụ Trần-Cao-Vân cũng bị chém ở cửa này.
- (44) Tức thế trước-bay bây giờ. Ngoài ra, tùy theo từng việc, có những mẫu giấy in sẵn. Chẳng hạn vay nợ 50\$ thì viết « khế », bằng giấy in khổ nhỏ, từ 50\$ trở lên thì viết « khế », bằng giấy in khổ lớn; và mẫu giấy này được gọi là tín-chỉ (信紙).

- (45) Ở địa-phương tôi — Nghệ-an — quen gọi là sò « Hoành-then », tức là quyền sò đồng thuế của mỗi chiếc thuyền.
- (56) Thật ra thì « Rượu Lậu » được thời pháp-thuộc cũng là một đại họa cho thôn-dân Việt-nam không kém.
- (47) Bát-tràng: một làng thuộc tỉnh Hà-đông; ca-dao Việt-nam:

Trên trời có đám mây xanh
Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng
Ước gì anh lấy được nàng
Thì anh mua gạch BÁT-TRÀNG về xây.

Phượng-lâm: thuộc Hải-dương?

Văn-lâm: thuộc Hưng-yên?

- (48) Chúng tôi xin đề nguyên văn Công-cuộc 分局 cũng như Tư-cuộc 私局, vì không rõ về các sắc thuế bây giờ đề đối-chiếu.
- (49) Theo Kinh Dịch: Nam-phương thuộc Hỏa; cũng theo Kinh Dịch (bát quái), thì quẻ Ly 離 (Ly trung hư: quẻ Ly rỗng ở trong) ứng vào hành Hỏa trong Ngũ Hành. Việt-nam ở phương Nam nên thuộc Ly-Hỏa.
- (50) Có lẽ Phan Sào-Nam muốn nói đến Trường Bảo-hộ Albert Sarraut ở Hà-nội chăng?
- (51) — (52) Văn-thân Nghệ Tĩnh trong câu đối truy-diệu Cụ Phan-Đình-Phùng, ở về trên có chữ: « ... Khả hận giả thủy điền đại hạ nhất mộc nan chi... 可恨者垂巖大廈一木難支... » và về dưới có chữ: « ... Vị hà tai hội quyết đòi ba, trung lưu đề trụ... 謂何哉潰決頹流中流砥柱... » Đào-Trình-Nhất dịch là: « ... Ngao ngán nhẽ, lâu cao sắp đổ, một cột khó nâng... » và « ... Đau đớn thay, đề vỡ sóng vồ, giữa dòng trụ đứng... ». Ý nói tình-trạng lâm nguy, không người cứu-vãn.
- (53) Gia-tộc Trương-Lương 5 đời đều làm tướng nước Hàn (ngũ thế tướng Hàn).
- (54) — (55) Chỉ hạng người đến phút cuối-cùng vẫn tuyệt-đối trung-thành với vua với nước, khác nào như khi nhà Châu và nhà Tống nguy-vong, vẫn có những người mưu-đồ cứu-vãn tình-thế.

- (56) Có lẽ Phan Sào-Nam muốn nhắc đến thời-gian đầu tiên khi thực-dân Pháp lợi-dụng tín-đồ Thiên-Chúa-giáo trong công-cuộc xâm-lược.
- (57) Nguyên-tác viết bằng chữ Nôm, chúng tôi chỉ chép lại.
- (58) Theo thiên-ý của Thúc-phụ tôi — Cụ Đồng-Tùng — thì có lẽ đây là chí-sĩ Tăng-Bạt-Hồ, hiệu Điền-Bát (người làng An-thường, quận Hoài-nhon, tỉnh Bình-định). Vì theo tài-liệu cách-mạng Việt-nam thì Tăng-Bạt-Hồ, sau khi phong-trào Cần-Vương thất-bại, đã xuất-dương (1904), cùng với Phan Sào-Nam sang Tàu và Nhật gặp các chính-khách Nhật là Khuyển-Dương-Nghị và Đại-Ôi Trọng-Tín mưu việc đưa Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Đề sang Đông-Kinh.
- (59) Cũng theo Thúc-phụ tôi cho biết, thì khi xuất-dương, Phan Sào-Nam đã phải nguy-tạo ra việc bỏ vợ từ con, để tránh hậu họa cho gia-dình sau khi Cụ ra khỏi nước.
- (60) Một con vật — mà người địa-phương Nghệ-an quen gọi là con Ngạn — có đặc-tính là khi bị săn đuổi thì bơi dòn vút cái « xạ » lại cho người săn, để thoát thân.
- (61) Chúng tôi không rõ Phan Sào-Nam tính theo dặm Anh như thế nào, nhưng tính theo km² thì Nhật-bản rộng lối 368.000 km² và Việt-nam lối 320.000 km².
- (62) Trong thời-gian này, Âm-Băng Chủ-nhân đang tiếp-tục hoạt-động chuẩn-bị cho cách-mạng Tân-Hợi Trung-hoa (1911), sau khi Mậu-Tuất chính-biến (1898) (mà vai chủ chốt là Khang-Hữu-Vi, thầy học của Âm-Băng, thất-bại, bị Từ-Hy Thái-hậu và tướng Vinh-Lộc (nhóm Mãn-Thanh) khủng-bố).
- (63) Ước-vọng của nhà chí-sĩ chúng ta thật xa vời quá!
Nếu thực-dân Pháp « tốt » như vậy thì đã không có việc họ đem xương máu và tàu chiến sang cướp Việt-nam làm thuộc-địa!
- (64) Tức chiến-tranh Nga Nhật (từ 8-2-1904), Nhật đánh Lữ-thuận, đến 27-5-1905 hạm-đội Nga bị Nhật đánh tan tại eo biển Đối-mã. Đến 5-9-1905 hiệp-ước Portsmouth được ký kết, trong đó có điều-khoản Nga chịu để Nhật được toàn quyền hành-động và đặt một cuộc bảo-hộ ở Triều-tiên. Còn Đài-loan thì đã phải nhường cho Nhật (cùng với Bành-hồ và bán đảo Liêu-đông) từ năm 1895, do Hiệp-ước Hạ-quan (Simonoseki) ký kết ngày 17-4-1895 sau chiến-tranh Trung Nhật (1-8-1894 đến 17-4-1895).

Mục - lục

• Lời giới-thiệu của Á-Nam Trần Tuấn-Khai	4
• Tựa của G. s. Bưu-Cầm	5
• Lời người dịch	8
• Tiểu-sử cụ SÀO-NAM Phan-Bội-Châu	14
• Lời giới-thiệu « V.N.V.Q.S. » của Âm-Băng-Thất Chủ-nhân	17
• Phạm Lệ	18
• Việt-Nam Vong Quốc Sử	19
• Lời Phát đoạn	21
— CHƯƠNG THỨ NHẤT: Nguyên nhân và sự thực về Việt-nam mất nước	22
— CHƯƠNG THỨ HAI: Tiểu truyện các anh-hùng chí-sĩ khi mất nước	32
— CHƯƠNG THỨ BA: Chính-sách Pháp cai-trị Việt-nam	45
— CHƯƠNG THỨ TƯ: Nhìn về tương-lai Việt-nam	71
— PHỤ-LỤC: Lời nói đầu về Việt-nam Vong Quốc sử của Âm-Băng-Thất Chủ-nhân	81
— PHẦN CHÚ-THÍCH Nguyên-tác Việt-nam Vong Quốc Sử bằng Hán-văn của cụ Phan-Sào-Nam (Phần này in riêng, đánh số trang từ 1 đến 140, và bắt đầu từ trang cuối sách).	91

Phan nguyen tac Han van se scan sau